



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
NOVA CONSUMER**





01

GIỚI THIỆU CHUNG

| | |
|--|----|
| Thông điệp của Báo cáo | 06 |
| Tâm nhĩn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi | 08 |
| Thông điệp từ chủ tịch HĐQT | 10 |
| Những sự kiện nổi bật năm 2023 | 12 |
| Giải thưởng và chứng nhận tiêu biểu năm 2023 | 13 |
| Thông tin tài chính giai đoạn 2022-2023 | 15 |

02

TỔNG QUAN VỀ NOVA CONSUMER

| | |
|---|----|
| Thông tin tổng quan | 18 |
| Hành trình 30 năm khẳng định giá trị bền vững | 20 |
| Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 26 |
| Mô hình quản trị và Cơ cấu tổ chức | 44 |
| Giới thiệu Hội đồng quản trị | 52 |
| Giới thiệu Ủy ban kiểm toán | 56 |
| Giới thiệu Ban điều hành | 56 |
| Định hướng phát triển | 58 |

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

| | |
|--|----|
| Đánh giá chung về tình hình kinh tế | 62 |
| Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh | 64 |
| Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án | 69 |
| Tình hình tài chính | 70 |
| Tổ chức và nhân sự | 76 |
| Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 84 |

04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

| | |
|---|----|
| Đánh giá hoạt động kinh doanh trong năm 2023 | 90 |
| Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý | 91 |
| Kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2024 | 92 |
| Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán | 93 |

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

| | |
|---|-----|
| Báo cáo Hội đồng quản trị | 96 |
| Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị | 101 |
| Báo cáo của Ủy ban kiểm toán | 101 |
| Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và UBKT | 103 |
| Đánh giá việc thực hiện các quy định về Quản trị Công ty | 104 |
| Báo cáo Quản trị rủi ro | 106 |

06

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

| | |
|--|-----|
| Thông điệp Phát triển bền vững | 116 |
| Mục tiêu Phát triển bền vững | 116 |
| Tiêu chuẩn của báo cáo và cam kết Phát triển bền vững | 116 |
| Tiêu chí Phát triển bền vững | 117 |
| Gắn kết với các bên liên quan | 119 |
| Trách nhiệm đối với người lao động | 120 |
| Trách nhiệm đối với môi trường | 121 |
| Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương | 123 |

07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

| | |
|----------------------------------|-----|
| Ý kiến kiểm toán | 130 |
| Báo cáo tài chính được kiểm toán | 131 |

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|--|--|
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| Công ty/Nova Consumer/ Anova Corporation | Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer |
| CTCP | Công ty Cổ phần |
| DTT | Doanh thu thuần |
| ĐHDCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| ĐVT | Đơn vị tính |
| GDP | Tổng sản phẩm quốc nội |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| KSNB | Kiểm soát nội bộ |
| KH | Kế hoạch |
| KTNB | Kiểm toán nội bộ |
| LNST | Lợi nhuận sau thuế |
| M&A | Sáp nhập và Mua lại |
| PTBV | Phát triển bền vững |
| QLRR/QTRR | Quản lý rủi ro/ Quản trị rủi ro |
| QTCT | Quản trị Công ty |
| SGDCK | Sở Giao dịch chứng khoán |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| TGD | Tổng Giám đốc |
| TH | Thực hiện |
| TNHH | Trách nhiệm hữu hạn |
| TNHH MTV | Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên |
| TP.HCM | TP. Hồ Chí Minh |
| TTS | Tổng tài sản |
| UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán nhà nước |
| UBKT | Ủy ban kiểm toán |
| VCSH | Vốn chủ sở hữu |
| VĐL | Vốn điều lệ |

01

GIỚI THIỆU CHUNG

Thông điệp của Báo cáo
Tâm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
Thông điệp từ chủ tịch HĐQT
Những sự kiện nổi bật năm 2023
Giải thưởng và chứng nhận tiêu biểu năm 2023
Thông tin tài chính giai đoạn 2022-2023



THÔNG ĐIỆP CỦA BÁO CÁO

HOÀN THIỆN CHUỖI THỰC PHẨM KHÉP KÍN

Khẳng định lợi thế cạnh tranh bền vững

"Trải qua gần 3 thập kỷ miệt mài vun đắp, Nova Consumer đã vươn lên vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam. Với tầm nhìn chiến lược hướng đến hoàn thiện chuỗi thực phẩm khép kín, Nova Consumer luôn lấy chiến lược "xanh, sạch, an toàn" làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động. Nhờ đó, Nova Consumer đã khẳng định bản thân là một doanh nghiệp uy tín, tiên phong trong việc kiến tạo giá trị bền vững cho ngành nông nghiệp nước nhà."

Năm 2023 diễn ra nhiều biến động chính trị phức tạp, đặc biệt là cuộc chiến Nga-Ukraine, đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế toàn cầu, gây trở ngại đến việc xuất nhập khẩu, chuỗi cung ứng và giá nguyên vật liệu thức ăn chăn nuôi. Giá cả nguyên vật liệu đầu vào đã có xu hướng giảm so với năm 2022 nhưng đây vẫn là mức giá cao so với mặt bằng giá nguyên vật liệu trước đại dịch Covid-19, khiến hoạt động sản xuất bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, Nova Consumer đã chứng minh khả năng thích ứng vượt trội trong bối cảnh đầy thách thức này. Công ty chủ động đa dạng hóa nguồn cung nguyên vật liệu, tăng cường hợp tác với các nhà cung cấp uy tín, đồng thời tối ưu hóa quy trình vận hành để đảm bảo nguồn hàng ổn định. Nhờ thực hiện hiệu quả các giải pháp trên, Nova Consumer đã đạt được mục tiêu duy trì và đảm bảo vận hành hiệu quả trong năm 2023.

Báo cáo thường niên Nova Consumer năm 2023 mang thông điệp thể hiện tinh thần đoàn kết, nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ nhân viên, giúp thương hiệu Nova Consumer củng cố thêm nội lực, ổn định hoạt động trong giai đoạn biến động của nền kinh tế.

Các nội dung được trình bày trong báo cáo của Công ty đáp ứng đầy đủ các quy định về công bố thông tin hiện hành. Đồng thời, Công ty đang đi đúng lộ trình hoàn thiện và áp dụng các thông lệ tốt trên thị trường cũng như các tiêu chuẩn quốc tế.

Tất cả các thông tin, dữ liệu tài chính được trình bày trong báo cáo của Công ty đồng nhất với BCTC năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam). Trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty đã được trình bày trung thực và hợp lý, phản ánh tổng thể tình hình hoạt động SXKD, các sản phẩm chủ lực và tình hình tài chính trong năm vừa qua hướng tới mục tiêu minh bạch hóa thông tin, bảo vệ quyền lợi của Cổ đông, Nhà đầu tư và các Bên liên quan.

Nova Consumer rất mong sẽ nhận được những ý kiến đóng góp chân thành từ phía Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư, Quý đối tác, nhân viên Công ty và độc giả để nội dung các báo cáo sau của Nova Consumer sẽ ngày càng hoàn thiện hơn.



Nova Consumer đặt mục tiêu trở thành công ty dẫn đầu thị trường Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất và phân phối sản phẩm nông nghiệp và hàng tiêu dùng.



Cung cấp sản phẩm tiêu dùng chất lượng và nâng cao giá trị cuộc sống cộng đồng;

Tiên phong đẩy mạnh chuỗi khép kín hệ thống sản xuất đến phân phối mang lại lợi thế và tối ưu cho khách hàng và người tiêu dùng;

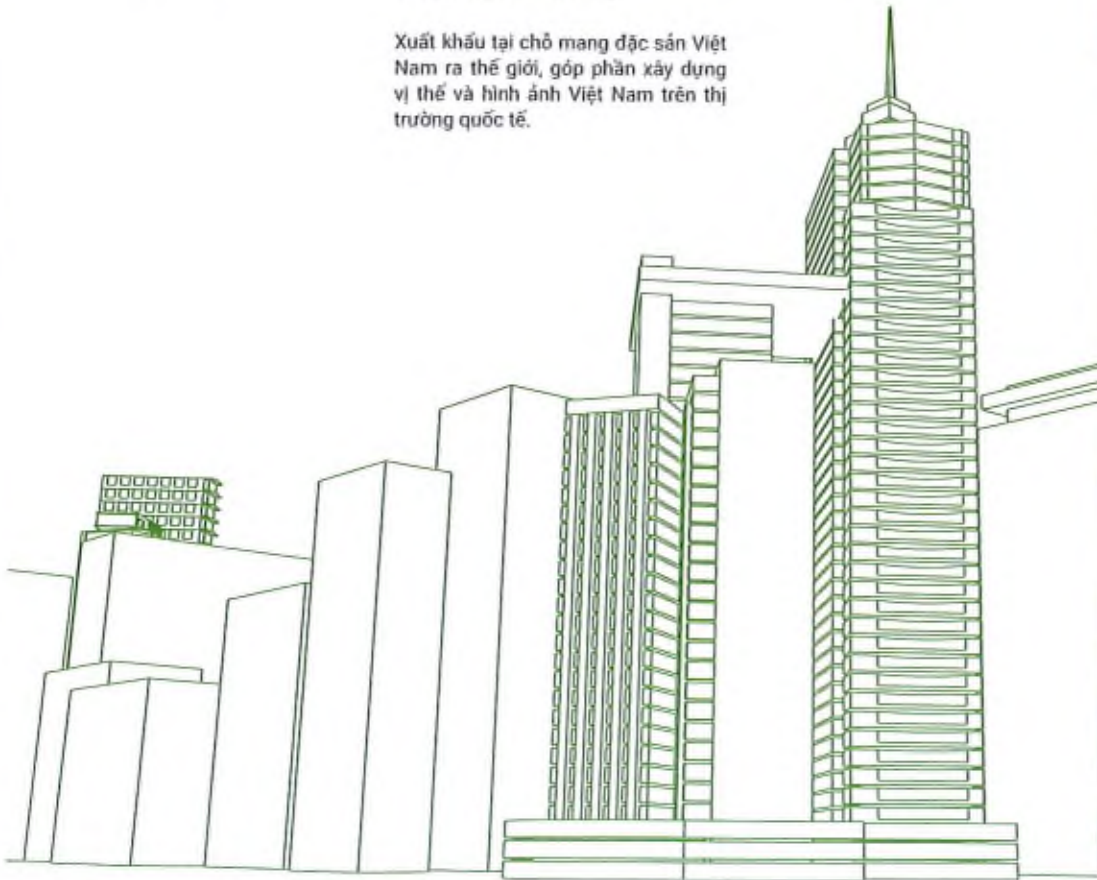
Xuất khẩu tại chỗ mang đặc sản Việt Nam ra thế giới, góp phần xây dựng vị thế và hình ảnh Việt Nam trên thị trường quốc tế.



Hiệu quả

Chính trực

Chuyên nghiệp



THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“

Kính gửi Quý Cổ đông,

Năm 2023, các biến động tiêu cực trên thị trường quốc tế và trong nước đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động kinh doanh của Nova Consumer. Nền kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều thách thức như lạm phát gia tăng, xung đột địa chính trị, chính sách thắt chặt tiền tệ, khiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Mức lạm phát trên thế giới có dấu hiệu chững lại nhưng vẫn ở mức cao, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và sức mua của người tiêu dùng. Xung đột Nga - Ukraine đã gây ra những hệ lụy to lớn cho nền kinh tế thế giới, bao gồm giá cả hàng hóa tăng cao, đứt gãy chuỗi cung ứng, và biến động tỷ giá hối đoái. Các quốc gia trên thế giới thực hiện chính sách -thắt chặt tiền tệ để kiềm chế lạm phát, khiến cho lãi suất ngân hàng tăng cao, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp. Theo đó, hoạt động thương mại đầu tư quốc tế cũng sụt giảm do ảnh hưởng của các yếu tố trên.

Trong bối cảnh đầy thách thức, Ban điều hành Công ty đã đồng lòng điều hành doanh nghiệp vượt qua các khó khăn tạm thời của nền kinh tế. Chúng tôi đã đưa ra những chiến lược kinh doanh phù hợp với từng thời điểm để duy trì hoạt động và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong những năm tới. Song song đó, quy trình sản xuất được cải tiến và chất lượng sản phẩm nông nghiệp được nâng cao. Với những nỗ lực này, Công ty tin tưởng sẽ tiếp tục gặt hái thành công trong tương lai và đóng góp tích cực cho ngành nông nghiệp Việt Nam.

Với nỗ lực không ngừng nghỉ của Ban điều hành cũng tập thể cán bộ nhân viên, Nova Consumer đã vượt qua một năm 2023 đầy biến động và sẵn sàng bước qua năm 2024 nhiều hứa hẹn. Nền kinh tế phục hồi tích cực cùng với các biến động chính trị được kì vọng hạ nhiệt sẽ giúp chuỗi cung ứng sản phẩm vận hành tốt, giúp Nova Consumer ngày một tăng trưởng và phát triển hơn.

Chúng tôi hiểu rằng những thành tựu này không thể đạt được mà không có sự hỗ trợ và đóng góp của các Cổ đông của Công ty.

Sự tin tưởng và đồng hành của các Cổ đông là nguồn động lực to lớn giúp Nova Consumer đạt được những thành tựu quan trọng trong những năm qua. Chúng tôi cảm ơn và trân trọng sự ủng hộ của các Cổ đông đối với tầm nhìn và mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty.

Trân trọng,

Ông Nguyễn Hiếu Liêm
Chủ tịch HĐQT
CT CP Tập đoàn Nova Consumer.

”



01



28/06/2023



Tổ chức thành công ĐHDCĐ thường niên năm 2023



02



26/10/2023



HNX (Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu NCG theo quyết định số 1124/QĐ-SGDHN

| | |
|--|---|
| <p>SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI Số Quyết định: 1124/QĐ-SGDHN</p> | <p>KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023 Hội đồng Quản trị Số Quyết định: 1124/QĐ-SGDHN</p> |
|--|---|

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP Tập đoàn Nova Consumer

TỔNG GIÁM ĐỐC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận cho CTCP Tập đoàn Nova Consumer được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với những nội dung sau:
Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán: NCG
Mức giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 119.784.125 cổ phiếu
(Số chứng khoán này tập hợp theo kết quả chào bán mới lần đầu tiên của công ty)
Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 1.197.841.250.000 đồng
(Số nghĩa vụ phải đến hạn ký quỹ của nhà đầu tư mua chứng khoán mới của công ty)

Điều 2. CTCP Tập đoàn Nova Consumer có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định hiện hành và tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động giao dịch chứng khoán.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Giám đốc Phòng Quản lý Giám sát và CTCP Tập đoàn Nova Consumer chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ:

| | |
|---|--|
| <p>Người ký: - Ông Nguyễn Văn Tuấn - Ông Nguyễn Văn Tuấn - Ông Nguyễn Văn Tuấn - Ông Nguyễn Văn Tuấn - Ông Nguyễn Văn Tuấn - Ông Nguyễn Văn Tuấn - Ông Nguyễn Văn Tuấn - Ông Nguyễn Văn Tuấn</p> | <p>KY TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI</p> <p>Đỗ Đức Mạnh</p> |
|---|--|

01



Anova JV đạt hàng Việt Nam chất lượng cao 2023



02



Anova JV - Đạt giải thưởng "Doanh nghiệp chất lượng QMix 100:2015" và tiêu chuẩn AN TOÀN CHẤT LƯỢNG CCI:2015 của Global GTA chứng nhận



03



Anova JV - doanh nghiệp nỗ lực vượt khó và có đóng góp lớn vào ngân sách nhà nước 2020 - 2022



04



Anova Feed đạt
Hàng Việt Nam Chất
Lượng Cao 2023



05



Anova Pharma -
Hàng Việt Nam Chất
Lượng Cao 2023



06



Anova Pharma - 12
Năm Hàng Việt Nam
Chất Lượng Cao

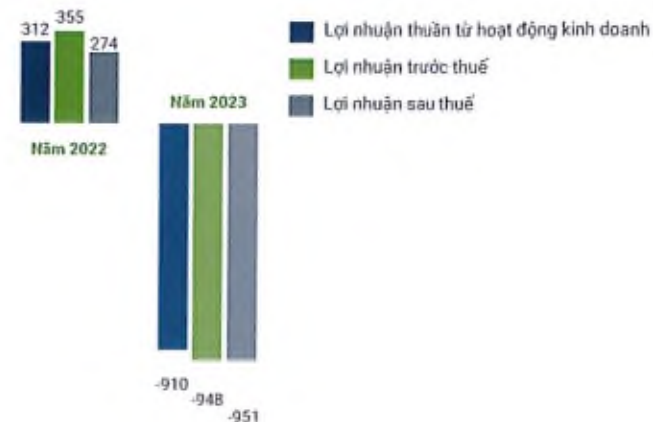


THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2022-2023

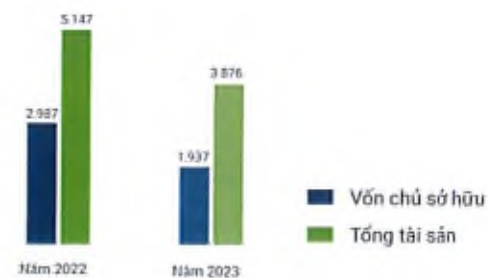
ĐVT: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 |
|---|----------|----------|
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 312 | -910 |
| Lợi nhuận trước thuế | 355 | -948 |
| Lợi nhuận sau thuế | 274 | -951 |
| Vốn chủ sở hữu | 2.987 | 1.937 |
| Tổng tài sản | 5.147 | 3.876 |

CHỈ SỐ
VỀ KẾT QUẢ
KINH DOANH



CHỈ SỐ
VỀ TÀI SẢN
VÀ NGUỒN VỐN



02

TỔNG QUAN VỀ NOVA CONSUMER

Thông tin tổng quan
Hành trình 30 năm khẳng định giá trị bền vững
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị và Cơ cấu tổ chức
Giới thiệu Hội đồng quản trị
Giới thiệu Ủy ban kiểm toán
Giới thiệu Ban điều hành
Định hướng phát triển



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

- Tên doanh nghiệp** : CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
- Tên doanh nghiệp quốc tế** : NOVA CONSUMER GROUP JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận ĐKDN** : Số 0301447257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2004, cấp thay đổi lần thứ 30 ngày 21 tháng 06 năm 2022
- Trụ sở chính** : 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM, Việt Nam.
- Điện thoại** : (028) 3846 6888
- Fax** : (028) 3848 1998
- Website** : <https://novaconsumer.com.vn/>
- VDL hiện tại** : 1.197.843.250.000 đồng
- Vốn thực góp hiện tại** : 1.197.843.250.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật** : Ông Nguyễn Quang Phi Tín – Tổng Giám đốc

Logo : 



CÁC CỘT MỐC QUAN TRỌNG

Tiền thân là Công ty TNHH Thương mại N và M (số đăng ký kinh doanh: 049249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/09/1996), Công ty đã thực hiện chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần, đổi tên là Công ty cổ phần N và M (số đăng ký kinh doanh: 4103002884 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 19/11/2004)

Thành lập CTCP Anova Feed - đánh dấu bước phát triển của Anova Corporation trong lĩnh vực sản xuất thức ăn gia súc

CT CP Anova Biotech (một công ty thành viên thuộc Công ty) chính thức đi vào hoạt động, chuyên phân phối vaccine nhập khẩu, chất lượng cao tại thị trường Việt Nam

Trang trại Bùng Riêng thuộc CTCP Anova Farm (một công ty thành viên thuộc Công ty) đạt chứng nhận Global G.A.P đầu tiên tại thị trường Việt Nam.

- Đổi tên thành Công ty CP Tập đoàn Nova Consumer.
- Tích hợp với ngành hàng tiêu dùng nhanh qua phương án mua bán & sáp nhập (M&A) nhằm hoàn thiện chuỗi cung ứng thực phẩm có truy xuất nguồn gốc theo mô hình 3F.

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty theo công văn số 1124/QĐ-SGDHN ngày 26/10/2023.

2004

2009

2012

2013

2014

2015

2016

2017

2021

2022

2023

- Đổi tên thành Anova Corporation, hợp nhất toàn bộ các công ty thành viên trong lĩnh vực thuốc thú y để phát triển và thực hiện sứ mệnh nâng cao hiệu suất chăn nuôi, văn hoá tiêu dùng và bảo vệ sức khoẻ cộng đồng.
- Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty Liên doanh TNHH Anova với tỷ lệ sở hữu ban đầu là 57% (tương đương 26,9 tỷ đồng) - một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chất bổ sung cho thức ăn gia súc, thuốc phòng và trị bệnh cho ngành thú y và thủy sản có đầy đủ chuyển sản xuất đạt tiêu chuẩn sản xuất WHO-GMP

Vinh dự được Nhà nước lựa chọn là cổ đông chiến lược và chính thức trở thành cổ đông của hai đơn vị sản xuất Vaccine duy nhất tại Việt Nam là:
+ CTCP Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco;
+ CTCP Thuốc Thú Y Trung Ương Vet Va Co.

CTCP Anova Farm (một công ty thành viên thuộc Công ty), chính thức đầu tư vào lĩnh vực trang trại

- Tìm kiếm giải pháp chăn nuôi công nghệ cao để hỗ trợ nông dân cải thiện năng suất và chất lượng sản phẩm.
- Dẫn đầu phát triển thực phẩm chuỗi cung ứng.

- Ngày 11/03/2022, Công ty đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, VDL là 1.197.843.250.000 đồng và được cấp mã chứng khoán là NCG.
- Trở thành công ty đại chúng từ ngày 24/03/2022 theo công văn số 1471/UBCK-QLCB ngày 24/3/2022 của UBCKNN.
- Tháng 06/2022, Công ty hoàn thành việc mua lại vốn góp trong Công ty TNHH Thực Phẩm Mặt trời Mộc, gián tiếp trở thành công ty mẹ sở hữu CT CP Thực phẩm Xuxifarm (tên cũ là CT CP Thực Phẩm Gia Đình An Co) - Một trong những công ty có thương hiệu mạnh trong mảng tiêu dùng.

HÀNH TRÌNH 30 NĂM KHẲNG ĐỊNH GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

| Stt | Giải thưởng | Thời gian | Công ty | Tổ chức chứng nhận |
|-----|---|-----------|-------------------------------|---|
| 1 | Chứng nhận Bạn Nhà Nông | Năm 2008 | Công ty Cổ phần Anova Pharma | Bộ Công Thương |
| 2 | Ngày 24 tháng 4 năm 2008: Đạt giải thưởng "Bông Lúa Vàng Việt Nam" | Năm 2008 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Bảo Nông Nghiệp Việt Nam |
| 3 | Giấy chứng nhận "Cup Vàng Top 100 Thương Hiệu Việt Hội Nhập WTO Năm 2008" | Năm 2008 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Liên Hiệp Các Hội Khoa Học và Kỹ thuật Việt Nam |
| 4 | Chứng nhận "Hệ thống quản lý chất lượng sản xuất thuốc dùng cho Thú y và Thủy sản" | Năm 2010 | Công ty Cổ phần Anova Pharma | Tổ Chức QUACERT |
| 5 | Đạt giải thưởng "Thương Hiệu Nổi Tiếng Quốc Gia Năm 2010" | Năm 2010 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Tập đoàn truyền thông quốc gia Việt Nam |
| 6 | Ngày 19 tháng 7 năm 2010: đạt giải thưởng "Vi Sự Phát Triển Nông Nghiệp, Nông Dân, Nông Thôn" | Năm 2010 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Hội nông dân Việt Nam |
| 7 | Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao | Năm 2014 | Công ty cổ phần Anova Pharma | Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao |
| 8 | Cục Thú Y: Cấp Giấy Chứng Nhận "Thực Hành Tốt Sản Xuất Thuốc - GMP", "Thực Hành Tốt Phòng Kiểm Nghiệm Thuốc - GLP", "Thực Hành Tốt Bảo Quản Thuốc - GSP" của Tổ chức Y tế thế giới WHO. | Năm 2014 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Cục Thú Y |
| 9 | Chỉ Số Tín Nhiệm Xanh - Trusted Green 2014 | Năm 2014 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Tổ chức InterConformity - CHLB Đức, liên minh Châu Âu; Global GTA-Vương Quốc Anh và Viện Doanh Nghiệp Việt Nam chứng nhận |
| 10 | Cup Top 100 Thương Hiệu Việt Uy Tín Lần 10 Năm 2014 | Năm 2014 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Liên Hiệp Các Hội Khoa Học & Kỹ Thuật Việt Nam (Vusta) và Tạp chí Thương hiệu Việt bình chọn |
| 11 | Giấy chứng nhận Top 100 Thương Hiệu Việt Uy Tín Lần 10 Năm 2014 | Năm 2014 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Liên Hiệp Các Hội Khoa Học & Kỹ Thuật Việt Nam (Vusta) và Tạp chí Thương hiệu Việt bình chọn |
| 12 | Chứng nhận Thương hiệu vàng - Logo, Slogan ấn tượng 2015 | Năm 2015 | Công ty Cổ phần Anova Pharma | Bộ Công Thương |
| 13 | An Toàn Chất Lượng - Quality Safety (Phù hợp với chuẩn mực CCI:2015) | Năm 2015 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Viện Nghiên Cứu Kinh Tế & Tổ chức Global GTA chứng nhận |

| Stt | Giải thưởng | Thời gian | Công ty | Tổ chức chứng nhận |
|-----|---|-----------------------|---|--|
| 14 | Doanh Nghiệp Chất Lượng - Business Quality Qmix 100:2015 | Năm 2015 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Viện Nghiên Cứu Kinh Tế & Tổ chức Global GTA chứng nhận |
| 15 | Doanh Nghiệp Vì Nhà Nông | Năm 2015 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông thôn |
| 16 | Bảng khen vì các hoạt động xã hội của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương | Năm 2015 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương |
| 17 | 12 năm đạt Chứng nhận "Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao Do Người Tiêu Dùng Bình Chọn" qua các năm 2005, 2006, 2007, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016 và 2017. | Từ 2005-2017 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Bảo Thế Giới Tiếp Thị tổ chức |
| 18 | Chứng nhận: Achieving Excellent Product 2016 | Năm 2016 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Danh hiệu Sản Phẩm Xuất Sắc 2016 - Do Hội Sở Hữu Trí Tuệ Tp.HCM và Tạp chí DN&ĐT cấp |
| 19 | Chứng nhận: Excellent Brand Index-International Level | Năm 2016 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Chỉ số Thương hiệu xuất sắc cấp quốc tế - Do hội Sở Hữu Trí Tuệ Tp.HCM và Tạp chí DN&ĐT cấp năm 2016 |
| 20 | Đạt top 10 "Sản Phẩm - Dịch Vụ Tốt Nhất Vì Người Tiêu Dùng 2016" | Năm 2016 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Liên Hiệp Khoa Học Phát Triển Doanh Nghiệp Việt Nam |
| 21 | Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 2017 | Năm 2017 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Hội Doanh Nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao |
| 22 | Chứng nhận đánh giá quốc tế độc lập đảm bảo chất lượng - QAS 2017 | Năm 2017 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Liên Hiệp Chất Lượng Châu Á Thái Bình Dương |
| 23 | Cup của chứng nhận Đảm Bảo Chất Lượng - QAS 2017 do Global GTA-UK công nhận | Năm 2017 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Global GTA-UK |
| 24 | Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng ISO 22000 : 2005 cho Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi | Năm 2019 đến năm 2021 | Công ty cổ phần Anova Feed - CN Long An | SGS Vietnam |
| 25 | Chứng nhận VietGAP cho trang trại chăn nuôi | Năm 2020 đến năm 2022 | Công ty cổ phần Anova Farm | Công ty Cổ phần chứng nhận và Giám định Vinacert |

| Stt | Giải thưởng | Thời gian | Công ty | Tổ chức chứng nhận |
|-----|---|-----------------------|---|--|
| 26 | Chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật – cơ sở chăn nuôi Xuân Trường | Năm 2020 | Công ty cổ phần Anova Farm | Chi Cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu |
| 27 | Chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật – cơ sở chăn nuôi Bung Riêng | Năm 2020 | Công ty cổ phần Anova Farm | Chi Cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu |
| 28 | Chứng nhận Global G.A.P cho Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi | Năm 2021 đến năm 2022 | Công ty cổ phần Anova Feed – CN Hưng Yên | SGS Vietnam |
| 29 | Chứng nhận Global G.A.P cho Trang trại chăn nuôi | Năm 2021 đến năm 2022 | Công ty cổ phần Anova Feed – Phú Giáo Farm | SGS Vietnam |
| 30 | Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2015 cho Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi | Năm 2021 | Công ty cổ phần Anova Feed – CN Đồng Nai | SGS Vietnam |
| 31 | Thương hiệu vàng TPHCM 2021 | Năm 2021 | Công ty CP Tập đoàn Nova Consumer | UBND Thành phố Hồ Chí Minh |
| 32 | Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam- VNR 500 | Năm 2021 | Công ty CP Tập đoàn Nova Consumer | Công ty Cổ phần Bảo cao Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) |
| 33 | Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh 2021- APEA | Năm 2021 | Công ty CP Tập đoàn Nova Consumer | Enterprise Asia |
| 34 | Chứng nhận Global G.A.P cho Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi | Năm 2022 | Công ty cổ phần Anova Feed – CN Đồng Nai | SGS Vietnam |
| 35 | Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh 2022- APEA | Năm 2022 | Công ty CP Tập đoàn Nova Consumer | Enterprise Asia |
| 36 | Giải thưởng "Thương Hiệu Vàng Nông Nghiệp Việt Nam 2022" cho 2 sản phẩm NOVA-AMOX 50% và NOVACIDE | Năm 2022 | Công ty Liên doanh TNHH Anova | Tổng hội Nông nghiệp & Phát triển nông thôn |
| 37 | Xuxifarm được vinh danh top 50 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam 2022 | Năm 2022 | CT CP Thực phẩm Xuxifarm (tên cũ là CT CP Thực Phẩm Gia Đình An Co) | Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam |

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0301447257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2004, cấp thay đổi lần thứ 30 ngày 21 tháng 06 năm 2022; Nova Consumer được thực hiện các ngành nghề kinh doanh sau đây:

| STT | Mã ngành, nghề kinh doanh | Tên ngành, nghề kinh doanh |
|-----|---------------------------|---|
| 1 | 4722 | <p>Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP.HCM) (CPC 631)</p> <p>Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A.16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xi gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, đầu thô và đầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</p> |
| 2 | 4791 | <p>Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ bán lẻ bình gas, khí đầu mỏ hóa lỏng LPG, đầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân TP.HCM và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn TP.HCM) (CPC 631)</p> <p>Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A.16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xi gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, đầu thô và đầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</p> |
| 3 | 4799 | <p>Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ bán lẻ bình gas, khí đầu mỏ hóa lỏng LPG, đầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân TP.HCM và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn TP.HCM) (CPC 631)</p> <p>Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A.16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xi gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, đầu thô và đầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</p> |
| 4 | 0210 | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Trồng rừng |
| 5 | 4653 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp |
| 6 | 4721 | <p>Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP.HCM) (CPC 631)</p> <p>Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A.16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xi gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, đầu thô và đầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.</p> |

| STT | Mã ngành, nghề kinh doanh | Tên ngành, nghề kinh doanh |
|-----|---------------------------|---|
| 7 | 6810 | <p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Thực hiện theo quy định Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản. (Ngoại trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).</p> |
| 8 | 6202 | <p>Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính Chi tiết: Dịch vụ tư vấn phần mềm và tư vấn hệ thống (CPC 842)</p> |
| 9 | 8299 | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A.16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xi gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, đầu thô và đầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải</p> |
| 10 | 4299 | <p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513)</p> |
| 11 | 4659 | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ) (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở).</p> |
| 12 | 7020 (Chính) | Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý) (CPC 865) |
| 13 | 4723 | <p>Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP.HCM) (CPC 631)</p> |
| 14 | 4669 | <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ) (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở)</p> |

| STT | Mã ngành, nghề kinh doanh | Tên ngành, nghề kinh doanh |
|-----|---------------------------|--|
| | | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống |
| 15 | 4620 | Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ) (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở) |
| 16 | 0141 | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò |
| 17 | 0145 | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn |
| 18 | 0146 | Chăn nuôi gia cầm |
| 19 | 0150 | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp |
| 20 | 0114 | Trồng cây mía |
| | | Bán buôn thực phẩm |
| 21 | 4632 | Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ) (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở) |
| 22 | 4633 | Bán buôn đồ uống (không hoạt động tại trụ sở) |



SẢN PHẨM - DỊCH VỤ

SẢN PHẨM DỊCH VỤ CỦA CÔNG TY MẸ

Hoạt động tại công ty mẹ - Công ty cổ phần Tập đoàn Nova Consumer bao gồm:



Hoạt động tại công ty mẹ - Công ty cổ phần Tập đoàn Nova Consumer bao gồm:



Tư vấn xây dựng chiến lược kinh doanh

Định hướng cơ cấu sản phẩm kinh doanh (tư vấn chiến lược nhằm giữ vững doanh số kinh doanh, hỗ trợ các nhà phân phối các giải pháp phòng chống và ngăn chặn lây lan bệnh dịch tả lợn Châu Phi. Tư vấn các biện pháp phòng chống dịch Covid - 19), xây dựng và phát triển mạng lưới phân phối nhằm tăng doanh số, đào tạo Quản trị chiến lược, đảm bảo trong việc thương lượng kinh doanh giữa các công ty liên quan;

Tư vấn quản lý

Hoàn thiện hệ thống kế toán nội bộ, tư vấn các chính sách tài chính kế toán khi có thay đổi, nghiên cứu và đưa ra các giải pháp các vấn đề có liên quan đến việc quản trị tài chính, tìm kiếm các giải pháp nâng cao tính cạnh tranh giữa các đơn vị trong nhóm, xây dựng và tư vấn cơ cấu tài chính về vốn vay và vốn chủ sở hữu;

Tư vấn về kỹ thuật

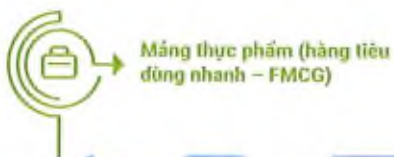
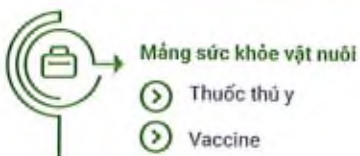
Tư vấn chuyên môn trực tiếp qua điện thoại cho các nhân viên các công ty thành viên, huấn luyện chuyên môn online qua Microsoft Teams, tổ chức các hội thảo chuyên đề đặc biệt cho các công ty thành viên và tập huấn kỹ năng; hội thảo chống dịch tả lợn Châu Phi cho đối tác; hội thảo chuyên đề về thuốc thú y cho nông dân, soạn thảo các tài liệu về kỹ thuật chuyên môn, bán hàng.

Công ty đi thuê văn phòng và cho công ty thành viên thuê lại văn phòng tại trụ sở số 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

SẢN PHẨM DỊCH VỤ CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Nova Consumer định hướng phát triển theo mô hình 3F - từ trang trại đến bàn ăn (Feed - thức ăn chăn nuôi, Farm - nông trại, Food - thực phẩm). Theo đó, thức ăn chăn nuôi được kiểm soát chặt chẽ về giá trị dinh dưỡng và tồn dư chất cấm để nâng cao hiệu quả chăn nuôi và đảm bảo nguồn thịt sạch, truy vấn được nguồn gốc sản phẩm, đưa các sản phẩm chăn nuôi đạt tiêu chuẩn chất lượng vào chế biến thành thực phẩm đến người tiêu dùng.

Đồng thời Nova Consumer cũng mở rộng hoạt động kinh doanh sang mảng thực phẩm hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) như thực phẩm đóng gói, đồ uống, nước giải khát là mắt xích quan trọng giúp gia tăng biên độ lợi nhuận của Nova Consumer.



MẢNG SỨC KHỎE VẬT NUÔI

Thuốc thú y

Bắt đầu hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và phân phối thuốc thú y từ năm 1992 đến nay, Nova Consumer đã chiếm lĩnh thị phần kinh doanh lớn trong mảng này và có các thương hiệu uy tín, là sự lựa chọn hàng đầu của người nông dân Việt Nam.

Hiện nay, Nova Consumer có 04 công ty con trực tiếp (CTCP Anova Pharma, Công ty Liên doanh TNHH Anova, Công ty CP Thành Nhơn, Công ty CP Anova Tech) và 01 công ty liên kết (Công ty Liên doanh Bio - Pharmachemie) hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và phân phối thuốc thú y; với 2 nhà máy sản xuất thuốc thú y (CTCP Anova Pharma, Công ty Liên doanh TNHH Anova) được đầu tư trang thiết bị hiện đại, đầy chuyên sản xuất tự động và đạt tiêu chuẩn WHO-GMP.



| Nhà máy | Công ty | Mã ngành, nghề kinh doanh |
|--|--|--|
| | | Công suất sản xuất / 1 ngày (8h làm việc) như sau: - Thuốc tiêm (gồm dạng dung dịch và hỗn dịch): 1.800 lít/ngày - Thuốc uống: 1.000 lít/ngày - Thuốc sát trùng: 2.000 lít/ngày - Thuốc Beta dạng bột: 6.000 kg/ngày - Thuốc bột hòa tan (WSP): 4.000kg/ngày - Thuốc bột không hòa tan và premix: 6.000kg/ngày |
| Nhà máy đặt tại khu công nghiệp VSIP - Bình Dương | Trực thuộc Công ty Liên doanh TNHH Anova (Công ty con trực tiếp) | Công suất sản xuất/ 1 ngày (8h làm việc) như sau: - Thuốc tiêm (gồm dạng dung dịch và hỗn dịch): 1.800 lít/ngày - Thuốc uống: 1.000 lít/ngày - Thuốc sát trùng: 4.000 lít/ngày - Thuốc Beta dạng bột: 2.000 kg/ngày - Thuốc bột hòa tan (WSP): 4.000kg/ngày - Thuốc bột không hòa tan và premix: 6.000kg/ngày |
| Nhà máy đặt tại cụm công nghiệp Tập đoàn Anova - Long An | Trực thuộc CTCP Anova Pharma (Công ty con trực tiếp) | Công suất sản xuất/ 1 ngày (8h làm việc) như sau: - Thuốc tiêm (gồm dạng dung dịch và hỗn dịch): 1.800 lít/ngày - Thuốc uống: 1.000 lít/ngày - Thuốc sát trùng: 2.000 lít/ngày - Thuốc bột hòa tan (WSP): 4.000kg/ngày - Thuốc bột không hòa tan và premix: 6.000kg/ngày |

MẢNG SỨC KHỎE VẬT NUÔI

Thuốc thú y

Bên cạnh đó, các công ty thành viên trong Công ty đã rất thành công trong việc xây dựng thương hiệu thuốc thú y Việt Nam trên thị trường quốc tế khi xuất khẩu sản phẩm sang hơn 27 quốc gia, bao gồm cả những quốc gia phát triển như Hàn Quốc, Dubai, Malaysia...

HÌNH ẢNH NHÀ MÁY - KHO HÀNG



Anova Pharma

Liên doanh Anova

Bio Pharmachemie

Thành Nhơn

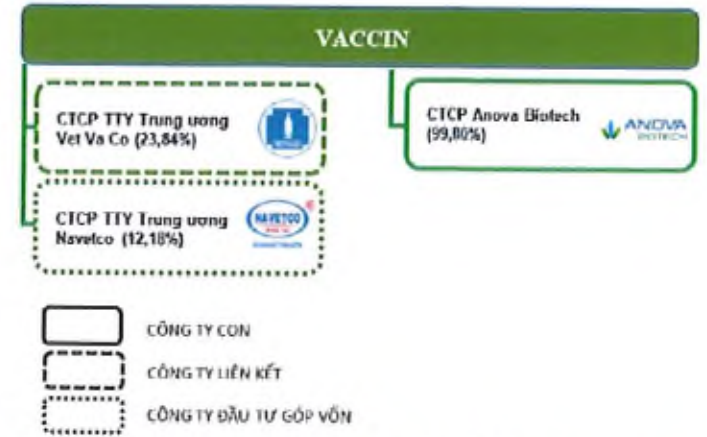
SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Sản phẩm thuốc trị bệnh (viêm phổi cấp, tiêu chảy, hô hấp...) và bổ sung chất dinh dưỡng trên trâu, bò, heo, gà và chó, mèo



Vaccine

Đối với sản phẩm Vaccin, Nova Consumer có 01 công ty con trực tiếp (CTCP Anova Biotech), 01 công ty liên kết (CTCP Thuốc Thú y Trung ương Vet Va Co) và 01 công ty đầu tư (CTCP thuốc thú y Trung Ương Navetco) hoạt động trong lĩnh vực nhập khẩu và phân phối vaccine, với hệ thống kho trữ hàng hiện đại, đạt chuẩn, dễ dàng phân phối và cung cấp sản phẩm cho khách hàng.



CÁC SẢN PHẨM VACCINE TIÊU BIỂU

Các sản phẩm vaccine, kháng sinh, thảo dược phòng & trị bệnh cho gia súc, gia cầm.



MẢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI





Nova Consumer hiện sở hữu 01 công ty con trực tiếp là CTCP Anova Feed, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và phân phối thức ăn chăn nuôi. Anova Feed chuyên cung cấp các sản phẩm thức ăn chăn nuôi mang thương hiệu Anova Feed, SG Feed, BG Feed, Nova Feed dành cho heo, gia cầm, bò, dê, thỏ sản. Nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, Anova Feed đã đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, hoàn toàn tự động nhập khẩu từ châu Âu. Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty đã đạt nhiều chứng nhận quốc tế như: ISO 9001:2015, ISO 22000:2005, ISO 17025, HACCP... Mỗi bước chân vào thị trường thức ăn chăn nuôi hơn 10 năm, nhưng CTCP Anova Feed đã nhanh chóng ghi dấu ấn và trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi. Anova Feed đầu tư hệ thống máy móc hiện đại, tự động hóa cao, giúp sản xuất ra những sản phẩm thức ăn chăn nuôi chất lượng đồng nhất, đáp ứng nhu cầu của người chăn nuôi. Anova Feed cũng cam kết tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế GLOBAL G.A.P về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, đảm bảo chất lượng sản phẩm và uy tín thương hiệu.

Nova Consumer sở hữu mạng lưới sản xuất và phân phối rộng khắp cả nước. Ba nhà máy hiện đại đặt tại Long An, Đồng Nai và Hưng Yên cùng hệ thống phân phối trải dài 63 tỉnh thành cho phép Nova Consumer đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, tiện lợi và đảm bảo chất lượng cao nhất.







Anova Feed đã có bước tiến chiến lược khi mở rộng sang mảng cung cấp heo con, heo thịt chất lượng cao. Nhu cầu thị trường về trang trại vật nuôi đang tăng lên nhanh chóng và Anova Feed tận dụng lợi thế hệ sinh thái nông nghiệp của Nova Consumer để đáp ứng nhu cầu này. Việc mở rộng này giúp hoàn thiện chuỗi cung ứng và góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành chăn nuôi. Với tầm nhìn trở thành thương hiệu thức ăn chăn nuôi hàng đầu, Anova Feed đặt mục tiêu cung cấp 1 triệu tấn thức ăn cho thị trường nội địa vào năm 2028. Để thực hiện mục tiêu này, Anova Feed không ngừng đầu tư vào công nghệ hiện đại, cải tiến quy trình sản xuất và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Anova Feed cam kết mang đến cho khách hàng những sản phẩm thức ăn chăn nuôi chất lượng cao, góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành chăn nuôi Việt Nam.

01
NHÀ MÁY LONG AN

-  Địa chỉ : Cụm Công Nghiệp Tập đoàn Anova, Ấp 4, xã Long Cang, Huyện Cần Đước, Long An
-  Chức năng : Nhà máy sản xuất cám cho gia súc và gia cầm
-  Diện tích : 5 ha
-  Công suất : 144.000 tấn/ năm







02
NHÀ MÁY ĐỒNG NAI

-  Địa chỉ : Lô G8, Đường Đ6A, Khu Công Nghiệp Dầu Giây, Thị trấn Dầu Giây, Huyện Thống Nhất, Đồng Nai
-  Chức năng : Nhà máy sản xuất cám cho gia súc và gia cầm
-  Diện tích : 5,6 ha
-  Công suất : 300.000 tấn/ năm



03
NHÀ MÁY HƯNG YÊN

-  Địa chỉ : Đường A2, Khu A, Khu Công Nghiệp Phố Nối A, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm
-  Chức năng : Nhà máy sản xuất cám cho gia súc và gia cầm
-  Diện tích : 3 ha
-  Công suất : 300.000 tấn/ năm



MẢNG TRANG TRẠI VẬT NUÔI

Nova Consumer hiện sở hữu 2 công ty con trực thuộc mảng Trang trại vật nuôi, bao gồm CTCP Anova Feed, CTCP Anova Farm. Các công ty này hoạt động trong lĩnh vực trang trại, nông trại với hệ thống sản xuất theo mô hình chăn nuôi khép kín từ con giống đến sản phẩm cuối cùng. Nhờ áp dụng mô hình này, Nova Consumer có thể truy xuất nguồn gốc sản phẩm dễ dàng và đảm bảo đạt chuẩn Viet G.A.P. Hệ thống trang trại của Nova Consumer gồm trang trại heo tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

THỨC ĂN CHĂN NUÔI – TRANG TRẠI

CTCP Anova Feed
(99,99%)



CTCP Anova Farm
(99,84%)



Trang trại heo giống

Nova Consumer sở hữu hệ thống trang trại heo nái và heo hậu bị được vận hành bởi CTCP Anova Farm và CTCP Anova Feed. Việc bố trí các trang trại cách xa nhau giúp hạn chế nguy cơ dịch bệnh, đồng thời hệ thống quản trị ERP Oracle được áp dụng để truy xuất nguồn gốc sản phẩm một cách minh bạch và chính xác.

Các trang trại heo giống được thiết kế, bố trí khoa học, thân thiện môi trường hướng tới mô hình chăn nuôi tiên tiến của thế giới như:

(1) Hệ thống điều hòa không khí đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm, tạo môi trường sống thoải mái và an toàn cho đàn heo. Nhờ đó, hệ thống này giúp đáp ứng nhu cầu sinh trưởng và phát triển tốt nhất cho đàn heo, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi;

(2) Mô hình quản lý luân chuyển heo theo từng trạng thái sản xuất được áp dụng, đi kèm với thiết kế diện tích và bố trí chuồng trại phù hợp. Nhờ vậy, nhân viên chăm sóc có thể điều chỉnh tiểu khí hậu chuồng nuôi một cách linh hoạt, đáp ứng nhu cầu cụ thể của từng loại và lứa tuổi heo, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi;

(3) Nhờ áp dụng mô hình chăn nuôi khép kín theo chuỗi, việc truy xuất nguồn gốc từng mã đàn heo xuất ra trở nên dễ dàng hơn. Hệ thống phần mềm quản lý tiên tiến bao gồm ERP-Oracle và PigVision giúp theo dõi sát sao lý lịch và năng suất của đàn heo hậu bị giống nhập ngoại. Dữ liệu được cập nhật và lưu trữ liên tục, tạo nền tảng cho công tác tuyển chọn heo giống chặt chẽ, góp phần phát huy tối đa tiềm năng di truyền của đàn heo.

Các sản phẩm được Nova Consumer cung cấp ra thị trường gồm:

Heo hậu bị cái bố mẹ: Sự kết hợp giữa giống Yorkshire và Landrace tạo ra heo lai hai máu York-Land hoặc Land-York. Nhờ ưu thế lai xuất sắc về khả năng sinh sản, đồng heo này đóng vai trò quan trọng trong việc tạo đàn heo thịt thương phẩm có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Heo hậu bị cái thuần (bao gồm các giống thuần Landrace và Yorkshire): Heo giống thuần chúng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra đàn con đồng đều về tính trạng. Để đạt được điều này, heo giống cần đáp ứng các tiêu chuẩn về giống thông qua quá trình chọn lọc và nhân giống liên tục dựa trên giá trị di truyền. Tính thuần chủng càng cao, độ đồng đều về tính trạng cho đàn con càng được đảm bảo có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Heo hậu bị đực thuần (bao gồm các giống thuần Landrace, Yorkshire và Duroc) Vai trò của con đực trong công tác giống vô cùng quan trọng, ảnh hưởng lâu dài đến các thế hệ đời con. Do đó, việc sử dụng con đực có tính thuần chủng cao sẽ giúp tạo ra đàn con đồng đều về tính trạng, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

| Stt | Thông tin trang trại | Công ty trực thuộc | Sản phẩm cung cấp | Địa chỉ | Diện tích | Thời hạn thuê – Năm thuê | Năng lực sản xuất |
|-----------------------------|---|-----------------------|-------------------|--|-----------|--------------------------|-----------------------------------|
| Trang trại heo giống | | | | | | | |
| 1 | Trại heo giống Tân Thắng | CTCP Anova Farm | Heo giống | Xã Tân Thắng, H. Hàm Tân, Bình Thuận | 12 ha | 15 năm (Từ năm 2015) | 2.400 heo nái |
| 2 | Trại heo giống Lộc Ninh | CTCP Anova Farm | Heo giống | Huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước | 10,7 ha | 15 năm (Từ năm 2022) | 2.400 heo nái + 6.000 heo cai sữa |
| 3 | Trại heo giống Bầu Bàng | CTCP Anova Feed | Heo giống | Thửa đất số 1244, tờ bản đồ số 19, ấp 4, xã Trừ Văn Thố, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương | 10 ha | 15 năm (Từ năm 2017) | 2.400 heo nái |
| 4 | Trại heo giống Cát Tiên | CTCP Anova Feed | Heo giống | Thôn Ninh Hậu, Xã Nam Ninh, Huyện Cát Tiên, Tỉnh Lâm Đồng | 9,6 ha | 15 năm (Từ năm 2021) | 2.400 heo nái |
| 5 | Trại heo giống Quảng Sơn (thuộc Chi nhánh Đắk Nông) | Công Ty CP Anova Feed | Heo giống | Xã Quảng Sơn, Huyện Đắk Nông, Tỉnh Đắk Nông. | 26,5 ha | 15 năm (Từ năm 2022) | 3.200 heo nái |
| 6 | Trại heo giống Tuy Đức | Công ty CP Anova Feed | Heo giống | Thôn Doãn Văn, Xã Đắk R Tih, Huyện Tuy Đức, Tỉnh Đắk Nông | 9,9ha | 15 năm (Từ năm 2023) | 2.400 heo nái |

MẢNG TRANG TRẠI VẬT NUÔI

Trang trại heo thịt

Công ty sở hữu hệ thống trại heo thịt được thiết kế khoa học, thân thiện với môi trường và chú trọng đến phúc lợi động vật. Mô hình chăn nuôi tiên tiến được áp dụng nhằm tạo điều kiện sống tối ưu cho đàn heo, kết hợp với chế độ dinh dưỡng cân bằng và phù hợp. Hệ thống phần mềm quản lý hiện đại như ERP-Oracle và PigVision giúp theo dõi và lưu trữ đầy đủ thông tin về thức ăn, nước uống, thuốc thú y, vaccin... phục vụ cho truy xuất nguồn gốc sản phẩm một cách minh bạch, tạo niềm tin cho người tiêu dùng.

Hệ thống trại chăn nuôi của Công ty được xây dựng và vận hành theo tiêu chuẩn cao, đảm bảo an toàn cho môi trường và sức khỏe cộng đồng. Các tiêu chuẩn về xây dựng, bảo vệ môi trường và xử lý chất thải được tuân thủ nghiêm ngặt. Áp dụng mô hình chăn nuôi theo tiêu chuẩn Viet G.A.P, cùng quy trình phòng chống dịch bệnh hiệu quả, Công ty đảm bảo đàn vật nuôi được phát triển khỏe mạnh. Hệ thống chăm sóc tự động và bán tự động giúp nâng cao năng suất chăn nuôi, cung cấp nguồn thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng.

Các sản phẩm được Nova Consumer cung cấp ra thị trường gồm:

HEO THỊT

Với ưu thế lai về khả năng sinh trưởng, dòng heo lai thịt được ưu tiên lựa chọn để tạo ra đàn heo thương phẩm chất lượng cao. Nhờ vậy, người tiêu dùng có thể an tâm về nguồn thực phẩm an toàn. Chất lượng thịt heo lai dẻo dai, màu đỏ đẹp mắt cũng vẫn mỡ ẩn tượng tạo nên hương vị thơm ngon đặc trưng. Thêm vào đó, thịt heo lai dễ dàng chế biến thành các món nguội như chả lụa, giò chả, mang đến sự đa dạng cho bữa ăn gia đình.

HEO CON NUÔI THỊT 20KG

Heo lai ba máu cuối cùng là lựa chọn tối ưu cho việc nuôi thịt bởi ưu thế lai về khả năng sinh trưởng và sức đề kháng bệnh. Dòng heo này được sử dụng để tạo ra đàn heo thịt thương phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường. Nhờ được tiêm phòng đầy đủ, tỷ lệ hao hụt trong giai đoạn nuôi thịt rất thấp, chỉ 2,5%, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi và mang lại lợi nhuận cho người chăn nuôi.



| Stt | Thông tin trang trại | Công ty trực thuộc | Sản phẩm cung cấp | Địa chỉ | Diện tích | Thời hạn thuê – Năm thuê | Năng lực sản xuất |
|----------------------------|--|-----------------------|-------------------|--|-----------|--------------------------|-------------------|
| Trang trại heo thịt | | | | | | | |
| 1 | Trại heo thịt Bung Riêng | CTCP Anova Farm | Heo thịt | Xã Bung Riêng, H. Xuyên Mộc, Bà Rịa Vũng Tàu | 12 ha | 15 năm (Từ năm 2016) | 12.000 heo thịt |
| 2 | Trại heo thịt Xuân Trường | CTCP Anova Farm | Heo thịt | xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, Đồng Nai | 10 ha | 10 năm (Từ năm 2020) | 12.000 heo thịt |
| 3 | Trại heo thịt Tây Ninh | CTCP Anova Farm | Heo thịt | huyện Tân Châu, Tây Ninh | 8,6 ha | 15 năm (Từ năm 2022) | 14.000 heo thịt |
| 4 | Trại heo thịt Phú Giáo (Chi nhánh Bình Dương 2) | CTCP Anova Feed | Heo thịt | Ấp Cây Khô, xã Tam Lập, huyện Phú Giáo | 7 ha | 15 năm (Từ năm 2020) | 12.000 heo thịt |
| 5 | Trại heo thịt Dầu Tiếng | CTCP Anova Feed | Heo thịt | Ấp Đồng Sến, xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương | 15,3 ha | 15 năm (Từ năm 2020) | 24.000 heo thịt |
| 6 | Trại heo thịt Phước Sang | Công Ty CP Anova Feed | Heo thịt | Ấp Sa Dục, Xã Phước Sang, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương. | 9ha | 15 năm (Từ năm 2022) | 15.000 heo thịt |
| 7 | Trại heo thịt Quảng Sơn (thuộc Chi nhánh Đắk Nông) | Công Ty CP Anova Feed | Heo thịt | Xã Quảng Sơn, Huyện Đắk Nông, Tỉnh Đắk Nông. | 26,5 ha | 15 năm (Từ năm 2022) | 34.000 heo thịt |



MẢNG THỰC PHẨM (HÀNG TIÊU DÙNG NHANH – FMCG)

HÌNH ẢNH SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Sản phẩm xúc xích



Sản phẩm mì xúc xích



Sản phẩm trà lá, trà túi lọc, trà hòa tan



Sản phẩm nước trái cây



Sản phẩm cà phê

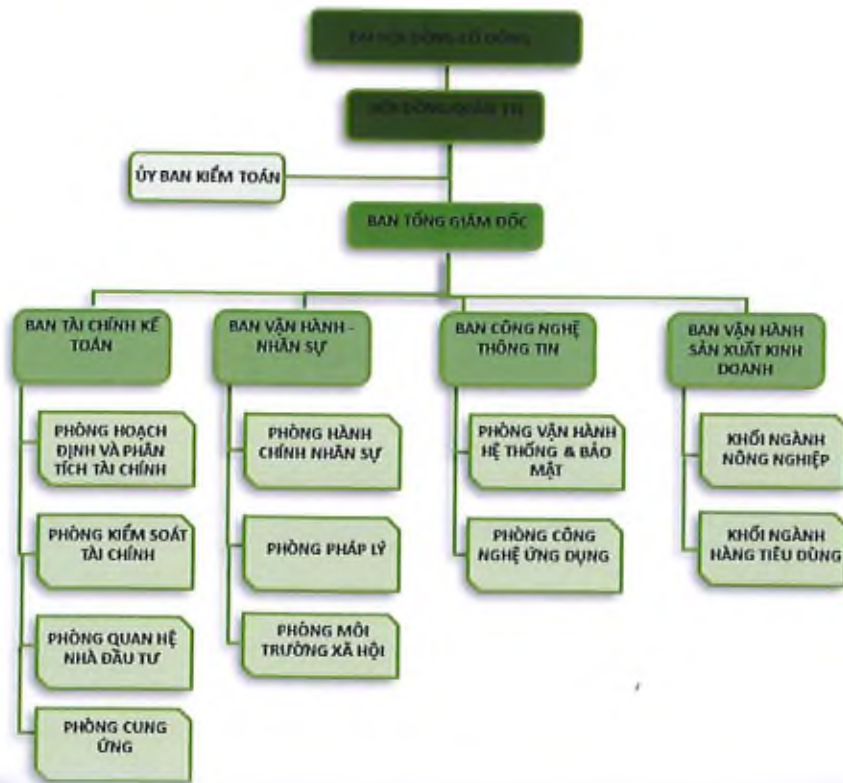


ĐỊA BÀN KINH DOANH

Thông qua mạng lưới hơn 1.000 địa điểm phân phối từ Bắc đến Nam và xuất khẩu hơn 27 thị trường quốc tế, các sản phẩm của Nova Consumer đã có mặt ở những thị trường phát triển như Hà Lan, Malaysia, Indonesia, Hàn Quốc, Thái Lan, Tiểu vương quốc Ả Rập...



- | | | | |
|---------------|------------|-----------|-------------|
| Netherland | Sudan | Iran | Korea |
| Iraq | Kuwait | Malaysia | Laos |
| Jordan | Oman | Indonesia | Thailand |
| Libya | Nepal | | Myanmar |
| Egypt | Yemen | | Philippines |
| Cote D'Ivoire | Dubai UAE | | Cambodia |
| Ghana | Bangladesh | | |
| Nigeria | Sri Lanka | | |



➤ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

ĐHĐCĐ có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, thông qua các báo cáo của Công ty (bao gồm BCTC, báo cáo của HĐQT, báo cáo của UBKT); thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty, quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm, lựa chọn công ty kiểm toán; và các quyền khác theo các quy định cụ thể trong Điều lệ Hoạt động của Công ty và theo quy định của Pháp luật.

➤ ỦY BAN KIỂM TOÁN

UBKT trực thuộc HĐQT. UBKT bao gồm tối thiểu hai (02) Thành viên được HĐQT bổ nhiệm. Tiêu chuẩn đối với Chủ tịch UBKT và các Thành viên trong UBKT được quy định trong Điều lệ và Quy chế QTCT của Công ty.

UBKT là bộ phận tham mưu và hỗ trợ HĐQT giám sát tính trung thực các BCTC của Công ty, tuân thủ các quy định pháp luật của Công ty, năng lực và tính độc lập của kiểm toán độc lập, năng lực và tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ, hiệu quả hoạt động của quản lý rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ. UBKT hiện tại của Công ty bao gồm: 02 Thành viên.

Công ty đã thành lập UBKT từ ngày 06/07/2021 và ban hành Quy chế hoạt động của UBKT ngày 01/03/2022.

➤ CÁC PHÒNG, BAN CHỨC NĂNG

Có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc về quản lý chỉ đạo trong lĩnh vực phụ trách, triển khai, cụ thể hóa công việc theo chỉ đạo của Ban TGD Công ty trong hoạt động SXKD của Công ty.

➤ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT là cơ quan quản lý của Nova Consumer, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị nội bộ và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hội đồng Quản trị của Công ty bao gồm: 03 Thành viên, mỗi nhiệm kỳ của từng Thành viên là 05 năm. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu ra.

➤ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ trong việc điều hành Nova Consumer nhằm đảm bảo Công ty hoạt động tuân thủ quy định pháp luật, hoạt động hiệu quả, vì lợi ích của Công ty, các Cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan, theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã được HĐQT và ĐHĐCĐ phê duyệt. Theo đó, TGD thực hiện vai trò xây dựng và đưa ra các khuyến nghị định hướng chiến lược; xây dựng và đưa ra khuyến nghị kế hoạch kinh doanh, ngân sách; phát triển nguồn nhân lực và hoạt động điều hành, quản lý doanh nghiệp tuân thủ, hiệu quả; thực hiện hoạt động kinh doanh để đạt được chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.

CÁC PHÒNG, BAN CHỨC NĂNG



BAN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Phòng Hoạch định và Phân tích Tài chính:

- Nhiệm vụ của phòng kế hoạch tài chính là quản trị chiến lược và kế hoạch tài chính (bao gồm hoạch định ngân sách vận hành và kế hoạch lợi nhuận);
- Xây dựng các báo cáo quản trị, báo cáo dòng tiền, chính sách tài chính cho Công ty và quản trị mua bán/sáp nhập.
- Thực hiện kiểm soát ngân sách đảm bảo hiệu quả tài chính của Công ty. Xây dựng các báo cáo quản trị, báo cáo dòng tiền, chính sách tài chính cho Công ty và quản trị mua bán sáp nhập.

Phòng Kiểm soát tài chính

- Tổ chức, vận hành quản trị hệ thống kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo thuế, quản lý kiểm soát tài sản của Công ty và các đơn vị thành viên.

Phòng Quan Hệ Nhà Đầu Tư:

- Quản lý và triển khai các hoạt động huy động vốn trong và ngoài nước.
- Quan hệ Nhà đầu tư thông qua các công cụ trên thị trường vốn và thị trường tài chính quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Xây dựng chiến lược cổ đông, công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật, cầu nối giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư đồng thời quảng bá hình ảnh Nova Consumer.

Phòng Cung ứng

- Triển khai thực hiện chiến lược cung ứng đấu thầu theo định hướng khung chiến lược chính sách của Công ty
- Xây dựng và chủ trì việc triển khai chính sách, quy trình, hệ thống, báo cáo cung ứng đấu thầu.
- Thực hiện và kiểm soát hoạt động cung ứng đấu thầu.



BAN VẬN HÀNH NHÂN SỰ

Phòng Hành chính Nhân sự

- Xây dựng, duy trì, cải tiến và tham mưu cho Ban giám đốc, các Khối/ phòng ban chức năng về các vấn đề liên quan quản lý nguồn nhân lực, tổng chế độ đãi ngộ, thu hút nguồn lực
- Xây dựng hệ thống dữ liệu, quản lý nguồn nhân lực, xây dựng chính sách nhân sự và triển khai thực hiện công tác vận hành nhân sự. Quản lý và tổ chức thực hiện công tác quản lý chứng từ hành chính nhân sự.
- Thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyển dụng nhân sự đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty.
- Phân tích, đề xuất các phương án chuyển đổi cơ cấu liên quan đến các kế hoạch sáp nhập các công ty, xây dựng văn hóa tổ chức, năng lực tổ chức đạt hiệu quả kinh doanh & phát triển con người, năng lực lãnh đạo & quản lý, truyền thông nội bộ, tạo sự gắn kết trong lực lượng lao động.

Phòng Pháp lý

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc, khối phòng ban về những vấn đề pháp lý liên quan đến quản trị và hoạt động vận hành chung của Công ty;
- Kiểm soát tuân thủ pháp lý, bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Công ty.

Phòng Môi trường và xã hội

- Phát triển và thực hiện một Chính sách E&S cho tập đoàn và các công ty con.
- Đưa ra phương pháp quản lý E&S hợp nhất cho các công ty con để thực hiện đánh giá, giảm thiểu, quản lý và giám sát rủi ro E&S, xử lý các tác động E&S cụ thể trong ngành của Tập đoàn Nova Consumer và các công ty con.
- Đào tạo E&S cho nhân viên E&S (Các nhân viên E&S liên quan của Tập đoàn Nova Consumer và các công ty con).
- Thực hiện đánh giá báo cáo E&S với bên tư vấn độc lập và lập kế hoạch hành động theo báo cáo
- Phát triển và thực hiện kế hoạch cải thiện điều kiện lao động và làm việc của công nhân trang trại, nhằm giảm tỷ lệ nghỉ việc, đạt được sự tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về lao động & làm việc theo quy định

CÁC PHÒNG, BAN CHỨC NĂNG

BAN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CNTT)

Phòng Vận hành hệ thống, Bảo mật

- Quản lý rủi ro thông tin, đảm bảo an toàn thông tin và các hệ thống hạ tầng CNTT hoạt động ổn định.
- Ứng dụng chuyển đổi số cho các công ty thành viên.
- Quản lý dự án về phần mềm, hạ tầng, thiết bị và cung cấp dịch vụ CNTT cho toàn Công ty.
- Quản lý rủi ro thông tin và hệ thống quản lý an toàn thông tin;

Phòng Công nghệ ứng dụng

- Đề xuất, xây dựng chiến lược cấu trúc, lộ trình phát triển và triển khai các ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin căn cứ trên chiến lược phát triển của Công ty.
- Xây dựng và phát triển các ứng dụng CNTT cho ngành tiêu dùng và ngành nông nghiệp.

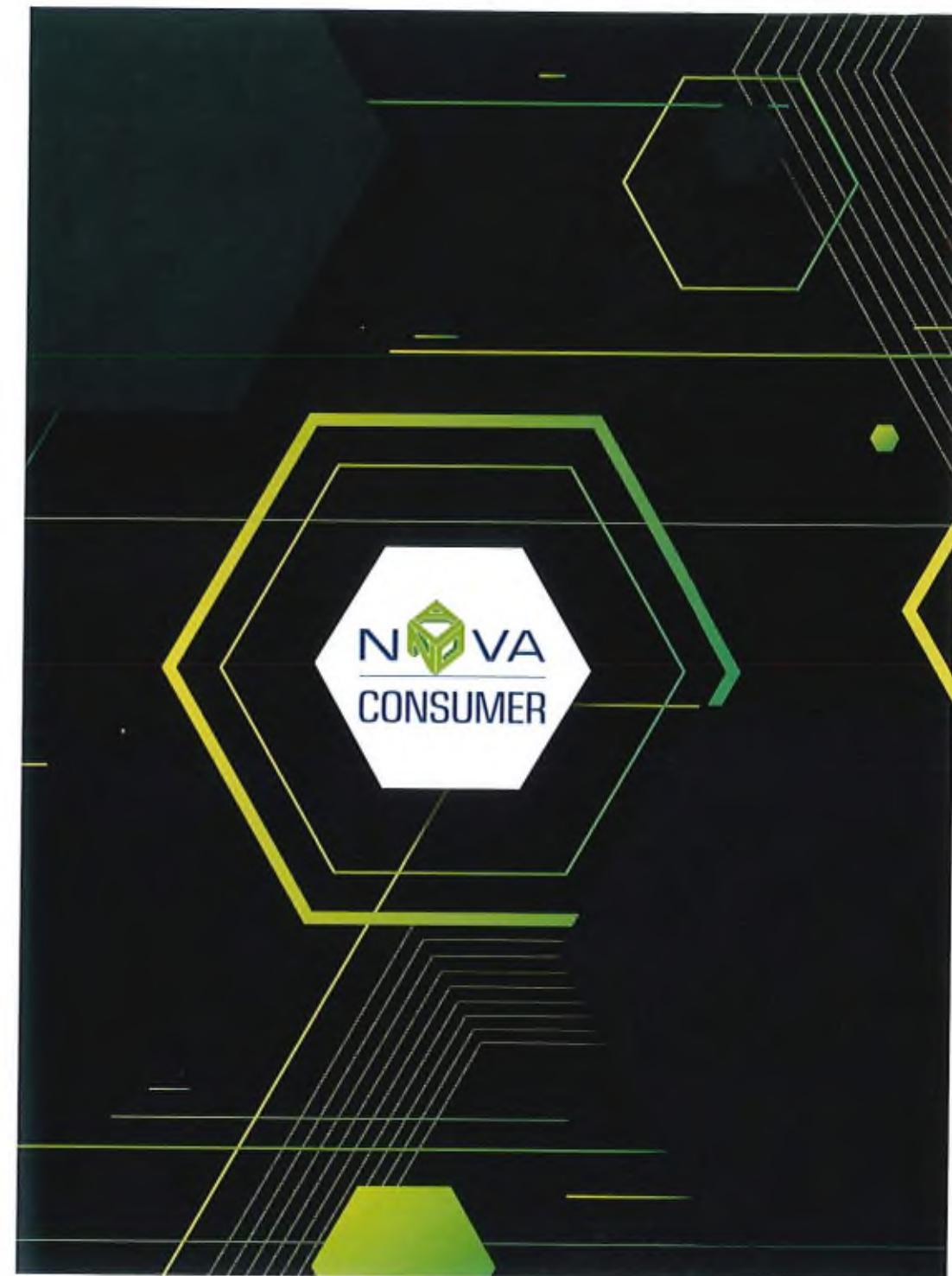
BAN VẬN HÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Khối ngành Nông nghiệp

- Hoạt động theo mô hình vận hành độc lập từng công ty với mô hình quản lý và chính sách nhân sự theo lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của các công ty thành viên.

Khối ngành Hàng tiêu dùng

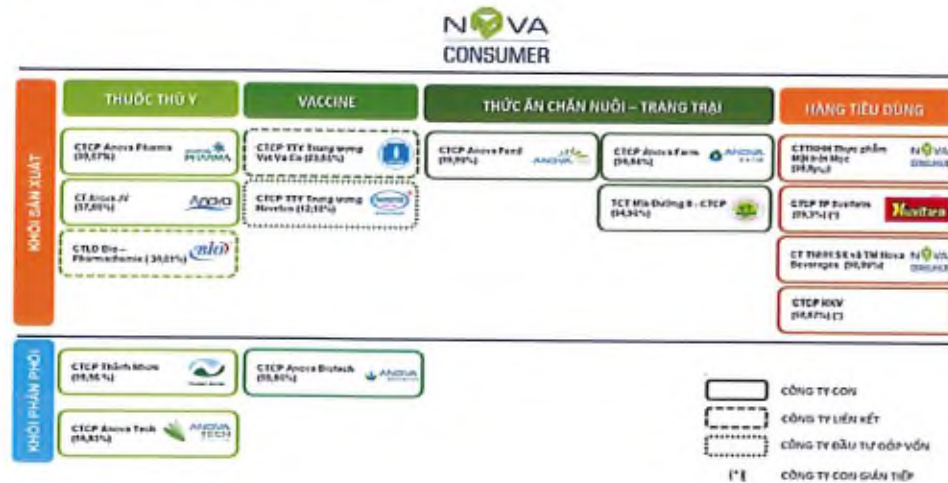
- Hoạt động theo mô hình vận hành độc lập từng công ty với mô hình quản lý và chính sách nhân sự theo lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của các công ty thành viên.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Nova Consumer là công ty mẹ của một nhóm các công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn. Các công ty thành viên chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bao gồm: (1) Sức khỏe vật nuôi bao gồm các sản phẩm thuốc thú y và vaccine; (2) Thức ăn chăn nuôi; (3) Trang trại và (4) Thực phẩm, nước giải khát.

MÔ HÌNH SỞ HỮU CÔNG TY CON- CÔNG TY LIÊN KẾT



THÔNG TIN CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

| Stt | Công ty | Ngày thành lập | Số GCN ĐKDN | Lĩnh vực kinh doanh | VĐL (tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ biểu quyết (%) |
|--------------------------------|----------------------------------|----------------|-------------|--|---------------|------------------|----------------------|
| CÔNG TY CON | | | | | | | |
| I CÔNG TY CON TRỰC TIẾP | | | | | | | |
| 1 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | 30/06/2008 | 3700471585 | Sản xuất chất bổ sung cho thức ăn gia súc, thuốc phòng và trị bệnh cho ngành thú y và thủy sản | 48 | 57,00 | 57,00 |
| 2 | Tổng Công ty Mía đường II - CTCP | 30/06/2010 | 0300673461 | Nghiên cứu, ứng dụng khoa học vào sản xuất mía - đường | 685 | 94,96 | 94,96 |
| 3 | CTCP Anova Pharma | 18/01/2002 | 0302532427 | Sản xuất thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi | 350 | 99,67 | 99,67 |

| Stt | Công ty | Ngày thành lập | Số GCN ĐKDN | Lĩnh vực kinh doanh | VĐL (tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ biểu quyết (%) |
|--|--|----------------|-------------|--|---------------|------------------|----------------------|
| CÔNG TY CON | | | | | | | |
| I CÔNG TY CON TRỰC TIẾP (Tiếp theo) | | | | | | | |
| 4 | CTCP Thành Nhơn | 07/06/2007 | 0305054306 | Mua bán thuốc thú y, nguyên phụ liệu thức ăn gia súc | 45 | 99,556 | 99,556 |
| 5 | CTCP Anova Tech | 09/08/2004 | 0101527480 | Kinh doanh thuốc thú y; thuốc thủy sản | 12 | 85,83 | 85,83 |
| 6 | CTCP Anova Feed | 14/05/2012 | 1101550146 | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản | 700 | 99,99 | 99,99 |
| 7 | CTCP Anova Biotech | 02/02/2013 | 0312150071 | Nghiên cứu phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên | 12,5 | 99,80 | 99,80 |
| 8 | CTCP Anova Farm | 09/11/2013 | 0312540579 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu | 187 | 99,84 | 99,84 |
| 9 | Công ty TNHH Thực phẩm Mặt trời mọc | 24/09/2020 | 0316503257 | Bán buôn thực phẩm | 435 | 99,89 | 99,89 |
| 10 | Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Beverages | 18/11/2020 | 0316595603 | Bán buôn thực phẩm | 400 | 99,998 | 99,998 |
| II CÔNG TY CON GIÁN TIẾP | | | | | | | |
| 11 | CTCP Thực phẩm Xuxifarm | 11/08/2010 | 1101303612 | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt | 154 | 99,30 | 99,42 |
| 12 | CTCP HKV | 13/06/2013 | 0317881332 | Sản xuất các sản phẩm cà phê, trà | 20,594 | 98,87 | 98,87 |
| CÔNG TY LIÊN KẾT | | | | | | | |
| 13 | Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie | 7/10/2008 | 0300808221 | Sản xuất thuốc thú y, thuốc sát trùng phục vụ ngành chăn nuôi | 49 | 30,01 | 30,01 |
| 14 | CTCP Thuốc Thú y Trung ương Vet Va Co | 23/02/1993 | 0500237656 | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu | 36 | 23,84 | 23,84 |
| CÔNG TY ĐẦU TƯ | | | | | | | |
| 15 | CTCP Thuốc thú y Trung Ương Navetco | 07/03/2005 | 0300600417 | Sản xuất thuốc thú y, thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản | 160 | 12,18 | 12,18 |

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện tại, Công ty có 03 thành viên HĐQT, trong đó có 02 thành viên không điều hành, 01 thành viên điều hành, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT, đáp ứng đầy đủ cơ cấu áp dụng đối với công ty đại chúng theo quy định tại Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán áp dụng đối với công ty đại chúng.

Đồng thời, các Thành viên HĐQT, Thành viên độc lập HĐQT của Công ty cũng đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Thành viên điều hành/ không điều hành | Số lượng cổ phiếu năm giữ |
|-----|--------------------------|-----------------------------|--|------------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Hiếu Liêm | Chủ tịch HĐQT | Thành viên không điều hành | 0 cổ phiếu |
| 2 | Ông Nguyễn Quang Phi Tín | Thành viên HĐQT kiểm TGD | Thành viên điều hành | 0 cổ phiếu |
| 3 | Bà Trần Thị Thu Thảo | Thành viên độc lập HĐQT | Thành viên không điều hành | 0 cổ phiếu |



SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01

ÔNG NGUYỄN HIẾU LIÊM

Chủ tịch HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kinh tế - Khoa Kế Toán - Trường Đại học Kinh tế TP.HCM; Cử nhân chuyên ngành Chăn nuôi Thú y - Khoa chăn nuôi thú y - Trường Đại học Nông Lâm



Quá trình công tác:

1982-1987: Trại heo Vĩnh An, TP.HCM-Giám đốc
1987-1991: Đại biểu Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (Khóa VIII)-Đại biểu Quốc Hội
1987-1994: Trại heo Phước Long, TP.HCM-Giám đốc; Công ty Chăn nuôi TP.HCM-Phó giám đốc
2011- 2016: Nova Consumer-Phó TGD
2016-2020: Nova Consumer-TGD
1994 - Nay: Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie-Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
2010 - Nay: Công ty Liên Doanh TNHH Anova-Chủ tịch HĐQT

Chức vụ tại Tổ chức khác:

Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie-Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
Công ty Liên doanh TNHH Anova-Chủ tịch HĐQT
CTCP Nova Thabico-Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Anova Farm-Tổng Giám Đốc
CTCP thuốc thú y Trung Ương Navetco-Thành viên HĐQT

2013 - Nay: CTCP thuốc thú y Trung Ương Navetco-Thành viên HĐQT
2013 - Nay: CTCP thuốc thú y Trung Ương Vet Va Co-Thành viên HĐQT
2020 - Nay: CTCP Nova Thabico-Chủ tịch HĐQT
2021 - Nay: Nova Consumer-Chủ tịch HĐQT
2022-Nay: CTCP Anova Farm-TGD
06/2022 -Nay: CTCP Nova Group-Phó CT HĐQT
09/2022 -Nay: Tổng Công Ty Mía Đường II-CTCP-CT HĐQT

CTCP thuốc thú y Trung Ương Vet Va co-Thành viên HĐQT
CTCP Nova Group-Phó CT HĐQT
Tổng Công Ty Mía Đường II-CTCP-CT HĐQT

02

ÔNG NGUYỄN QUANG PHI TÍN

Thành Viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kinh tế phát triển



Quá trình công tác:

07/1998 – 08/2011: Công ty TNHH Nước giải khát Coca-Cola Việt Nam-Giám đốc kinh doanh Miền Nam
09/2011 – 09/2013: CTCP Tập đoàn Trung Nguyên-Giám đốc kinh doanh Việt Nam và Indochina
09/2013 – 12/2018: CTCP Tập đoàn TH-Giám đốc Dự án – Giám đốc kinh doanh Quốc tế; CTCP Trust Farma Quốc tế-TGD; CTCP Chuỗi thực phẩm TH-Giám đốc kinh doanh Việt Nam và Indochina
01/2019 – 07/2019:CTCP Vina-Phó TGD
07/2019 – 02/2022: CTCP Trust Farma Quốc tế-TGD
02/2022 - Nay: CTCP Anova Farm-Thành viên HĐQT

03/2022 - Nay: Nova Consumer-Thành viên HĐQT kiêm TGD
04/2022 - Nay: CTCP Anova Feed-Thành viên HĐQT
04/2022 - Nay: CTCP Thành Nhơn-Thành viên HĐQT
06/2022 - Nay: Công Ty TNHH Thực Phẩm Mặt Trời Mộc-Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám Đốc
07/2022 - Nay: Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xuxifarm (Tên cũ Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Gia Đình An Co) -Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
10/2022 – Nay: Công ty TNHH Sản Xuất & Thương Mại Nova Beverages-Chủ tịch Hội đồng thành viên và TGD

Chức vụ tại Tổ chức khác:

Công ty Cổ Phần Anova Farm - Thành viên HĐQT
Công ty Cổ Phần Anova Feed - Thành viên HĐQT
Công ty Cổ Phần Thành Nhơn - Thành viên HĐQT
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xuxifarm (Tên cũ Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Gia Đình An Co) - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Công Ty TNHH Thực Phẩm Mặt Trời Mộc - Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám Đốc
Công ty TNHH Sản Xuất & Thương Mại Nova Beverages - Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám Đốc

03

BÀ TRẦN THỊ THU THẢO

Thành viên độc lập HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp



Quá trình công tác:

1/2006–8/2008: Công ty Unilever Việt Nam-Trợ lý Quản lý Báo cáo hợp nhất
8/2008–9/2009: Công ty Diageo Việt Nam-Kiểm soát Tài chính
9/2009–4/2010: Công ty Unilever Việt Nam-Dự án SAP Quy trình Tài chính
4/2010–8/2015: Công ty Diageo Việt Nam-Giám đốc Kiểm soát Tuân thủ
2/2016–12/2016: Công ty Adidas Việt Nam-Giám đốc Tài chính

12/2016–12/2017: Công ty Modelez Kinh Đô Việt Nam-Giám đốc Tuân thủ
12/2017–5/2021: Công ty Thực Phẩm PepsiCo Việt Nam-Kiểm soát Tài chính
5/2021–8/2021: Công ty DHL Supply Chain Việt Nam-Giám đốc Tài chính
10/2021–2/2022: CTCP Nova Consumer Distribution-Giám đốc KTNB
02/2022–Nay: Nova Consumer-Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT

Chức vụ tại Tổ chức khác:

Không có

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2023

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----|------------------------|-----------------|-------------------------------|
| 1 | Bà Lê Hoàng Thanh Thảo | Thành viên HĐQT | Miễn nhiệm từ ngày 28/06/2023 |

GIỚI THIỆU ỦY BAN KIỂM TOÁN DANH SÁCH THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN

Hiện tại, Công ty đã đáp ứng đầy đủ cơ cấu thành viên UBKT theo quy định. Đồng thời, các thành viên UBKT của Công ty cũng đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

| STT | Thành viên | Chức vụ |
|-----|----------------------|-----------------|
| 1 | Bà Trần Thị Thu Thảo | Chủ tịch UBKT |
| 2 | Ông Nguyễn Hiếu Liêm | Thành viên UBKT |

(Lý lịch UBKT xem tại Phần II.5 – Giới thiệu HĐQT)

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2023

Không có

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Hiện tại, Công ty có 01 TGD, 01 Giám đốc Tài chính. Các thành viên Ban điều hành của Công ty đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|--------------------------|--------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Quang Phi Tín | Tổng Giám đốc |
| 2 | Ông Nguyễn Vĩnh Huy | Giám đốc Tài Chính |
| 3 | Bà Đỗ Thị Mỹ Nhung | Kế toán trưởng |

SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Nguyễn Quang Phi Tín – TGD kiêm Thành viên HĐQT
(Lý lịch xem tại Phần II.5 – Giới thiệu HĐQT)

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2023

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----|---------------------|----------------------------|-------------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Minh Hải | Giám đốc Tài chính Phó TGD | Miễn nhiệm từ ngày 23/05/2023 |
| 2 | Ông Nguyễn Vĩnh Huy | Giám đốc Tài chính | Bổ nhiệm từ ngày 23/05/2023 |

01



ÔNG NGUYỄN VĨNH HUY

Giám đốc Tài chính

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh khoa Kế toán – Kiểm toán.

Quá trình công tác:

2007 – 2014: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C-Kiểm toán viên

2014 - 2016: Công ty TNHH Thịnh Hòa-Kế Toán Trưởng/Trưởng phòng kiểm soát tài chính

2016 – 05/2023: Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn

Tài Chính - Kế Toán Trí Minh-Kế toán Tổng hợp/Kế toán trưởng/Trưởng phòng kiểm soát tài chính/ Phó giám đốc kiểm soát tài chính

05/2023 đến nay: Nova Consumer-Giám đốc Tài chính

Chức vụ tại Tổ chức khác:

Công ty TNHH Dịch Vụ Đầu Tư Minh Thăng - Chủ tịch HĐQT

Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Văn An - Tổng giám đốc

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Aact - Tổng giám đốc

Công ty TNHH Dịch Vụ Và Đầu Tư Hiếu Thịnh - Tổng giám đốc

02



BÀ ĐỖ THỊ MỸ NHUNG

Kế Toán Trưởng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế toán Kiểm toán

Quá trình công tác:

06/2014 -07/2016:Cty TNHH Kiểm toán tư vấn Rồng Việt-Trưởng nhóm kiểm toán

08/2016 – 09/2018:Cty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Asia Dragon-Trưởng nhóm kiểm toán

10/2018 – 12/2020:Cty Cổ phần Mía Đường La Ngà-Kế toán tổng hợp

01/2021 – 07/2022:Nova Consumer -Chuyên viên kế toán dự án cao cấp

22/07/2022 – Nay:Nova Consumer-Kế toán trưởng

Chức vụ tại Tổ chức khác:

Không có

“Xây dựng mô hình 3F, viết tắt là Feed – Farm – Food là quy trình sản xuất thực phẩm an toàn, truy xuất nguồn gốc, bắt đầu từ thuốc thú y, vaccine, thức ăn chăn nuôi, tới quá trình nuôi ở các trang trại đến khâu chế biến thực phẩm. Gia tăng quy mô trang trại, thúc đẩy nhu cầu cho mảng sức khỏe vật nuôi & thức ăn chăn nuôi. Mở rộng mảng FMCG để gia tăng biên lợi nhuận của Tổng Công ty.”



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU

Nova Consumer xác định hướng đi chiến lược trong tương lai tập trung vào hai mảng chính: nông nghiệp và hàng tiêu dùng. Tập đoàn tiếp tục phát huy thế mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp, đồng thời mở rộng sang ngành hàng tiêu dùng. Mô hình 3F đóng vai trò then chốt trong chiến lược này. Mô hình tạo ra chuỗi sản xuất khép kín, giúp Nova Consumer kiểm soát toàn bộ quy trình từ khâu đầu vào đến đầu ra, đảm bảo chất lượng sản phẩm và chủ động nguồn cung. Nhờ vậy, Nova Consumer có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường và khẳng định vị thế trên thị trường.

Theo đó, Công ty nỗ lực để duy trì vị trí dẫn đầu thị trường trong lĩnh vực kinh doanh thuốc thú y và vắc-xin. Đồng thời, Công ty đặt mục tiêu trở thành tập đoàn nông nghiệp hàng đầu Việt Nam với nền tảng tiêu dùng đa dạng. Nền tảng này sẽ tập trung vào sản xuất và cung cấp các sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người tiêu dùng.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Với tầm nhìn xây dựng nền nông nghiệp xanh và nâng tầm giá trị cạnh tranh cho ngành nông nghiệp Việt Nam, Nova Consumer cam kết mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng cao. Nova Consumer từng bước áp dụng tự động hóa vào sản xuất nông nghiệp để đảm bảo an toàn, tăng hiệu quả và cung cấp nhiều phương pháp cải tiến và kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến, nhằm mang đến những sản phẩm chất lượng hoàn hảo nhất. Song song đó, Nova Consumer không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu mới cho các sản phẩm thuộc mảng nông nghiệp và hàng tiêu dùng nhanh, góp phần đưa sản phẩm Việt Nam vươn xa ra thế giới.

Dựa trên nền tảng phát triển bền vững, hiệu quả hoạt động kinh doanh vững chắc, nền tảng tài chính mạnh mẽ cùng chiến lược rõ ràng và tập trung, Nova Consumer hứa hẹn sẽ có những bước tiến vượt bậc trong tương lai. Với chuỗi thực phẩm hoàn chỉnh, Nova Consumer cam kết mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng cao, an toàn và đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường.

PHÂN TÍCH SWOT

ĐIỂM MẠNH

Nova Consumer được kế thừa và phát triển từ nền tảng mảng kinh doanh sản xuất nông nghiệp vững chắc trong suốt 30 năm hình thành, hoạt động. Công ty đã có được những thành tựu được ghi nhận bởi những cơ quan, tổ chức đánh giá uy tín như sản phẩm thuộc Công ty 12 năm đạt danh hiệu "Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn", "Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh" năm 2021, 2022 và nhiều giải thưởng uy tín khác.

Hệ thống các thương hiệu tên tuổi trong ngành là cơ sở để Công ty vận hành và sản xuất ra những sản phẩm truy xuất được nguồn gốc, đảm bảo chất lượng từ các công ty như Công ty liên doanh Bio-Pharmachemie, CTCP Anova Pharma với hệ thống quản lý chất lượng được chứng nhận theo tiêu chuẩn WHO-GMP của Tổ chức Y tế Thế giới; CTCP Anova Feed với đầy chuyên sản xuất hiện đại, hoàn toàn tự động được nhập khẩu từ châu Âu, đạt tiêu chuẩn Global G.A.P và đạt các tiêu chuẩn quản lý quốc tế khác; Trang trại heo thịt của Anova Farm được tổ chức chứng nhận quốc tế Control Union công bố đạt chứng nhận Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu Global G.A.P vào tháng 6/2017,... Anova Feed và Anova Pharma đạt Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 2023.

Công ty xác định các nhóm sản phẩm nông nghiệp và cung cấp toàn diện giải pháp chăn nuôi cho người nông dân - sẽ vẫn tiếp tục là ngành nghề kinh doanh cốt lõi mang sự ổn định và lợi nhuận cho Nova Consumer trong nhiều năm tới. Công ty cũng đã và đang phát triển kinh doanh trong lĩnh vực hàng tiêu dùng thông qua các thương vụ M&A. Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm đã và đang phát triển mạnh mẽ các dòng sản phẩm mới, mang đến cho thị trường đa dạng sản phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Bên cạnh các sản phẩm xúc xích chủ lực, Xuxifarm đã cho ra mắt các dòng sản phẩm mới như: mì xúc xích, trà, cà phê và nước trái cây.

Với bề dày kinh nghiệm lâu năm trong đầu tư, quản lý và vận hành, Nova Consumer đang khai thác lĩnh vực thuốc thú y và vaccine rất hiệu quả thông qua mạng lưới hơn 1.000 địa điểm phân phối trong nước từ Bắc tới Nam, xuất khẩu hơn 27 thị trường quốc tế trong đó có những thị trường phát triển như Hà Lan, Malaysia, Indonesia, Hàn Quốc.

ĐIỂM YẾU

Thương hiệu các sản phẩm của Nova Consumer tuy được đánh giá cao song chưa quen thuộc với người tiêu dùng trong nước.

CƠ HỘI

Nova Consumer đã và đang mở rộng hệ thống phân phối hàng tiêu dùng với việc đa dạng hoá sản phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu của người tiêu dùng Việt Nam. Năm 2025, đặt mục tiêu đạt 150.000 đến 180.000 điểm bán trên toàn quốc qua đa kênh bán hàng

Bên cạnh đó, Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm để có thể có danh mục sản phẩm đa dạng, tập trung vào hai nhóm ngành chính: Thực phẩm nhanh và đồ uống.

THÁCH THỨC

Biến động khó lường của nền kinh tế gây ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Yêu cầu về chất lượng và sự đa dạng của sản phẩm ngày một tăng;

Sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp mới vừa gia nhập thị trường cũng như các doanh nghiệp đã có thị phần lớn;

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Đánh giá chung về tình hình kinh tế
Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Tổ chức và nhân sự
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



TỔNG QUAN
KINH TẾ VĨ MÔ
THẾ GIỚI

Năm 2023 ghi dấu một năm đầy thử thách cho nền kinh tế toàn cầu. Nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề bởi sự sụt giảm trong cả tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư. Nợ xấu gia tăng, lạm phát vẫn ở mức cao, cùng với những diễn biến căng thẳng của các xung đột địa chính trị, phân mảnh công nghệ, thời tiết cực đoan và dịch bệnh diện rộng. Hoạt động thương mại quốc tế gặp nhiều khó khăn do các rào cản thương mại gia tăng và căng thẳng địa chính trị. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cũng sụt giảm do môi trường đầu tư rủi ro và bất ổn. Lạm phát giảm trong năm 2023, nhưng chính sách tiền tệ thắt chặt đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh tế.

Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) nhận định tăng trưởng thương mại thế giới giảm từ 5,2% năm 2022 xuống 2,0% năm 2023, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 4,9% của giai đoạn 2000 - 2019. Suy giảm thương mại phản ánh nhu cầu toàn cầu giảm, gia tăng cơ cấu dịch vụ trong nước, tác động trễ của tăng giá đồng đô la Mỹ và gia tăng các rào cản thương mại toàn cầu.

TỔNG QUAN
KINH TẾ VĨ MÔ
VIỆT NAM

Việt Nam bước vào thực hiện kế hoạch năm 2023 với cả cơ hội và khó khăn, thách thức. Bên cạnh việc xử lý các tác động, thách thức từ bối cảnh quốc tế, Việt Nam cũng phải nỗ lực xử lý, tháo gỡ những vấn đề tồn đọng, tích tụ từ nhiều năm trong nền kinh tế..., đồng thời giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm các cân đối lớn và tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 5,05% YoY vào năm 2023. Bình quân cả năm 2023 lạm phát ở mức 3,25%, đây là mức thấp hơn nhiều so với mục tiêu 4,5% của Chính phủ. Chỉ số giá nhóm lương thực tăng 6,85% tác động làm CPI chung tăng 0,25 điểm phần trăm. Chỉ số giá nhóm thực phẩm tăng 2,33%, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng tăng trong các dịp Lễ, Tết, tác động làm CPI chung tăng 0,5 điểm phần trăm.giai đoạn 2008 đến nay. Hoạt động đăng ký kinh doanh năm 2023 rất ấn tượng với kỷ lục gần 160.000 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 7,2% so với năm 2022, gấp 1,2 lần mức bình quân giai đoạn 2017-2022 và tăng 4,6% so với ước thực hiện cả năm 2023 .

Với những thành tựu này, Việt Nam đã và đang khẳng định vị thế là một điểm sáng trên bản đồ kinh tế thế giới, hứa hẹn tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong tương lai.



Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, FDI vẫn là điểm sáng đáng ghi nhận. Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20-12-2023, bao gồm vốn đăng ký cấp mới đạt gần 20,2 tỷ USD tăng 62,2%, vốn đăng ký điều chỉnh tăng 14%; giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 8,5 tỷ USD, tăng 65,7%.

Năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,6% so với năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 4,4%; nhập khẩu giảm 8,9%. Tuy nhiên, cán cân thương mại tiếp tục ghi nhận xuất siêu năm thứ 8 liên tiếp với mức thặng dư kỷ lục ước đạt 28 tỷ USD, gấp 2,3 lần năm 2022:



Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2023 ước đạt 355,5 tỷ USD, giảm 4,4% so với năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 95,55 tỷ USD, giảm 0,3%, chiếm 26,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 259,95 tỷ USD, giảm 5,8%, chiếm 73,1%. Có 35 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 93,6% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 07 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 66%).

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2023 ước đạt 327,5 tỷ USD, giảm 8,9% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 117,29 tỷ USD, giảm 7,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 210,21 tỷ USD, giảm 9,8%. Có 44 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 92,4% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 04 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 46,8%).



Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2023, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 96,8 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 111,6 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa đạt xuất siêu từ một số thị trường chính là: Hoa Kỳ ước đạt 83 tỷ USD, giảm 12,6% so với năm trước; EU ước đạt 29,1 tỷ USD, giảm 7,6%; Nhật Bản 1,6 tỷ USD, tăng 90,3%. Cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu một số thị trường chính là: Trung Quốc 49,9 tỷ USD, giảm 17,6%; Hàn Quốc 29,1 tỷ USD, giảm 23,3%; ASEAN 8,3 tỷ USD, giảm 37,2%.

TỔNG QUAN KINH TẾ VIỆT NAM

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 3423,5 nghìn tỷ đồng, tăng 6,2% so với năm trước, trong đó khu vực Nhà nước tăng 14,6%, khu vực ngoài Nhà nước tăng 2,7%, khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 5,4%. Mức tăng chung 6,2% thấp hơn nhiều so với mức tăng chung 11,3% của năm 2022, đã phản ánh rõ tình hình tăng trưởng kinh tế trong nước có xu hướng tăng chậm lại.

Tuy nhiên, mức tăng vốn đầu tư của năm 2023 đạt 6,2% có sự cải thiện hơn so với mức tăng 5,8% của 9 tháng đầu năm, cho thấy trong quý IV/2023, tình hình sản xuất kinh doanh đã có sự khởi sắc hơn so với các quý trước. Việc đẩy mạnh thực hiện và giải ngân nguồn vốn đầu tư công cả năm 2023 tăng 21,2% so với năm trước cho thấy sự quyết tâm của Chính phủ, các bộ ngành và địa phương trong việc nỗ lực đẩy mạnh thực hiện nguồn vốn đầu tư công nhằm tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

"Bảng chiến lược thích ứng hiệu quả, Nova Consumer đã vượt qua nhiều thách thức trong năm 2023. Mặc dù, doanh thu và lợi nhuận giảm. Thị phần nội địa vẫn được duy trì, hoạt động vận hành được đảm bảo sự ổn định. Cùng với đó là triển vọng nền kinh tế hồi phục trong năm 2024 sẽ giúp doanh thu và lợi nhuận của Công ty được kỳ vọng tăng trưởng tích cực."



KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

Hoạt động kinh doanh của Nova Consumer trong năm 2023 trải qua biến động với nhiều yếu tố bất lợi ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, bao gồm biến động kinh tế, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và sự cạnh tranh gay gắt trong ngành. Tuy nhiên, ngay từ đầu năm, Công ty đã chủ động triển khai các kế hoạch linh hoạt để thích ứng với những diễn biến phức tạp. Nhờ đó, Nova Consumer đã phần nào giảm thiểu tác động tiêu cực và duy trì hoạt động kinh doanh ổn định. Kết quả kinh doanh của Nova Consumer cụ thể:

DVT: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | TH 2022 | TH 2023 | %TH2023/TH2022 |
|---|---------|---------|----------------|
| Tổng tài sản | 5.147 | 3.876 | 75,30% |
| Doanh thu thuần | 4.880 | 4.142 | 84,87% |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 312 | -910 | -291,63% |
| Lợi nhuận khác | 43 | -38 | -87,95% |
| Lợi nhuận trước thuế | 355 | -948 | -266,99% |
| Lợi nhuận sau thuế | 274 | -951 | -347,62% |



Các chỉ mục đều suy giảm từ tác động chung của thị trường năm vừa qua. Tại thời điểm 31/12/2023, TTS của Công ty đạt 3.876 tỷ đồng và giảm 24,70%, tương đương gần 1.271 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm.

DTT hợp nhất của Công ty đạt 4.142 tỷ đồng, giảm 15,13% so với năm 2022. Với tình hình kinh tế biến động, các chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng, nên LNST hợp nhất ghi nhận giá trị -951 tỷ đồng. Đây là kết quả chưa đạt kỳ vọng nhưng cũng phản ánh nỗ lực của Nova Consumer trong việc duy trì hoạt động kinh doanh trong bối cảnh đầy thách thức.

Nova Consumer sở hữu đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, năng động và sáng tạo, luôn sẵn sàng thích ứng với thị trường. Dự báo kinh tế Việt Nam trong năm sau sẽ tăng trưởng ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Nova Consumer trong năm 2024

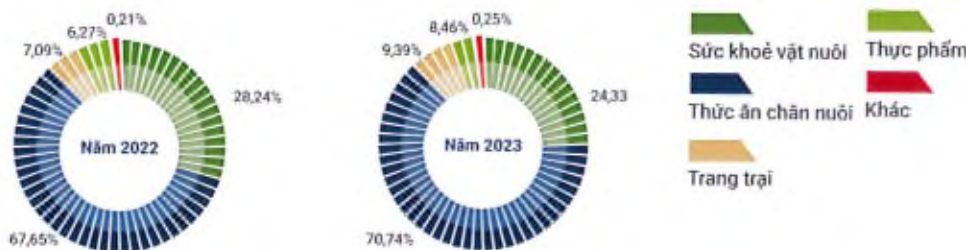


CƠ CẤU DOANH THU THUẦN

DVT: tỷ đồng

| Doanh thu thuần | Năm 2022 | | Năm 2023 | | Tăng/Giảm | |
|--------------------|--------------|----------------|--------------|----------------|-------------|----------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ lệ |
| Sức khỏe vật nuôi | 1.378 | 28,24% | 1.008 | 24,33% | -370 | -26,88% |
| Thức ăn chăn nuôi | 3.301 | 67,65% | 2.930 | 70,74% | -371 | -11,25% |
| Trang trại | 346 | 7,09% | 389 | 9,39% | 43 | 12,40% |
| Thực phẩm | 306 | 6,27% | 350 | 8,46% | 44 | 14,41% |
| Khác | 10 | 0,21% | 10 | 0,25% | 0 | 0,14% |
| Các khoản loại trừ | -461 | -9,46% | -545 | -13,17% | -84 | 18,18% |
| Tổng cộng | 4.880 | 100,00% | 4.142 | 100,00% | -739 | -15,13% |

Cơ cấu doanh thu



Doanh thu thuần trong năm 2023 của Công ty được ghi nhận đạt 4.142 tỷ đồng, tương ứng giảm 15,13% so với năm 2022, trong đó:

Mảng thức ăn chăn nuôi thuộc CTCP Anova Feed tiếp tục giữ vai trò quan trọng của Công ty khi có tỷ lệ đóng góp lớn nhất, tương ứng 70,74% tổng DTT. Trong năm 2023, doanh thu mảng này ghi nhận đạt 2.930 tỷ đồng, giảm 11,25% so với năm trước. Nguyên nhân doanh thu giảm so với cùng kỳ là do giá nguyên liệu đầu vào của mảng thức ăn chăn nuôi mặt bằng chung giảm. Do đó, doanh nghiệp có chính sách điều chỉnh giảm giá bán tương ứng nhằm kích cầu, đồng thời giảm bớt gánh nặng cho người chăn nuôi khi giá bán heo hơi liên tục giảm trong năm qua. Nguyên nhân tiếp theo là do nhu cầu tiêu dùng từ các hộ kinh doanh nhỏ lẻ giảm sút khi tình hình dịch bệnh phức tạp khiến nhiều hộ chăn nuôi gặp khó khăn, quyết định giết mổ hoặc không tái đàn sau khi xuất bán. Điều này góp phần làm ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Nova Consumer.

Mảng sức khỏe vật nuôi là mảng đem lại nguồn doanh thu quan trọng thứ 2 cho Nova Consumer khi ghi nhận đạt 1.008 tỷ đồng, giảm 26,88% so với cùng kỳ, chiếm 24,33% DTT. Doanh thu mảng này giảm so với năm 2022 nhưng vẫn có lợi nhuận đáng kể do giá nguyên liệu đầu vào giảm. Bên cạnh đó, tình hình chăn nuôi khó khăn dẫn đến người dân không tiếp tục tái đàn. Điều này ảnh hưởng đến sản lượng thuốc thú y tiêu thụ trong năm 2023. Tuy nhiên, với biên độ lợi nhuận duy trì ổn định qua các năm, mảng sức khỏe vật nuôi tiếp tục đóng góp không nhỏ vào kết quả kinh doanh của Nova Consumer trong năm tới.

Mảng trang trại từ CTCP Anova Farm chiếm tỷ trọng 9,39%, ghi nhận đạt 389 tỷ đồng, tương ứng tăng 12,40% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù doanh thu tăng trưởng so với năm 2022 nhưng mảng này tạm thời chưa có lợi nhuận vì giá bán sản phẩm trên thị trường không tích cực. Cụ thể, năm 2023, giá lợn hơi xuất chuồng năm 2023 luôn thấp hơn giá năm 2022 (ngoại trừ tháng 6/2023). Tại thời điểm tuần đầu tháng 12 năm 2023, giá lợn hơi trung bình cả nước là 48 nghìn đồng/kg - là mức giá thấp nhất trong năm 2023. Do chênh lệch cao giữa giá thành và giá bán, mỗi kg thịt lợn hơi xuất chuồng, người chăn nuôi hầu như không có lãi, thậm chí thua lỗ. Hiện tượng giá lợn hơi giảm ngang hoặc dưới giá thành sản xuất trong thời gian gần đây là do: (1) Sức mua thực phẩm của người dân nhìn chung giảm nhẹ so với trước đây; (2) Nguồn cung lợn thịt trong nước tăng vào các tháng 9, tháng 10 và tháng 11 năm 2023 do tình hình chăn nuôi lợn của các doanh nghiệp và trang trại vẫn duy trì ở mức khá cao; (3) Tâm lý của người chăn nuôi bị ảnh hưởng bởi dịch tả lợn Châu Phi; (4) Lượng thịt lợn nhập khẩu tăng liên tục trong nửa cuối năm 2023; (5) Chưa có cơ chế đảm bảo công bằng, chia sẻ lợi nhuận của các tác nhân trong chuỗi giá trị thịt lợn, mặc dù giá lợn hơi tại công trại giảm nhưng giá thịt tại các siêu thị, các cơ sở/điểm bán lẻ gần như không giảm. Tuy nhiên, giá heo hơi dự đoán sẽ tăng bền vững từ đầu năm 2024 do hội tụ nhiều yếu tố thuận lợi: (1) Đầu tiên về phía cung, sau khi dịch tả lợn Châu Phi hoành hành cao điểm từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2023, các nông hộ chăn nuôi nhỏ bị ảnh hưởng dẫn đến tỷ lệ tái đàn thấp; (2) Thứ hai về phía cầu, so với năm 2023, hoạt động kinh tế năm 2024 được kỳ vọng sẽ khởi sắc hơn. Ngay đầu năm, tín hiệu các đơn hàng xuất khẩu đã trở lại, hoạt động tuyển dụng công nhân gia tăng, du lịch phục hồi; xu hướng này sẽ cải thiện thu nhập của người dân và gia tăng nhu cầu tiêu thụ các mặt hàng thực phẩm trong đó có thịt heo; (3) tình hình dịch tả lợn Châu Phi khả năng cao sẽ được kiểm soát tốt hơn với độ phủ vaccine ngày càng cao cho đàn lợn; (4) hoạt động nhập lậu heo qua biên giới đang được quan tâm ngăn chặn và hạn chế. Tháng 8/2023, Thủ tướng Chính Phủ đã có công điện gửi các đơn vị liên quan yêu cầu triển khai các biện pháp ngăn chặn lợn nhập lậu vào Việt Nam. Do đó, mảng trang trại được kỳ vọng phục hồi trở lại trong năm 2024.

Mảng thực phẩm chiếm tỷ trọng 8,46%, ghi nhận đạt 350 tỷ đồng, tăng 44 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu do sự đóng góp doanh thu từ các công ty mảng thực phẩm hàng tiêu dùng được sáp nhập trong năm 2022 mang lại.

Mảng kinh doanh dịch vụ khác đóng góp không đáng kể trong cơ cấu doanh thu nên không có ảnh hưởng nhiều đến hoạt động SXKD của Công ty.

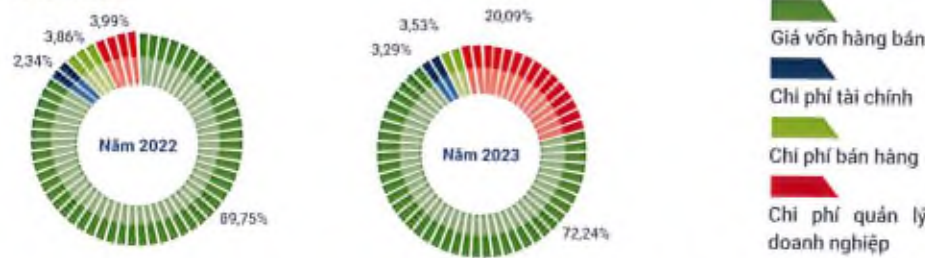
Nova Consumer đặt mục tiêu chiến lược cung cấp 330.000 heo thịt cho thị trường vào năm 2025. Mục tiêu này nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh, mở rộng thị phần mảng chăn nuôi, đồng thời tạo đà tăng trưởng mạnh mẽ cho Công ty và hoàn thiện mô hình kinh doanh khép kín 3F.

CƠ CẤU CHI PHÍ

DVT: tỷ đồng

| Chi phí | Năm 2022 | | Năm 2023 | | Tăng/Giảm | |
|------------------------------|----------|----------|----------|----------|-----------|-----------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ lệ |
| Giá vốn hàng bán | 4.366 | 89,75% | 3.743 | 72,24% | (624) | (14,29%) |
| Chi phí tài chính | 114 | 2,34% | 171 | 3,29% | 57 | 49,74% |
| Chi phí bán hàng | 188 | 3,86% | 183 | 3,53% | (5) | (2,74%) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 194 | 3,99% | 1.041 | 20,09% | 847 | 436,74% |
| Chi phí khác | 3 | 0,06% | 44 | 0,85% | 41 | 1.330,75% |
| Tổng cộng | 4.865 | 100,00% | 5.181 | 100,00% | 316 | 6,49% |

Cơ cấu chi phí



Tổng chi phí trong năm 2023 được ghi nhận là 5.181 tỷ đồng, tăng 6,49% so với năm 2022. Công ty đã gặp phải các tác động tiêu cực của nền kinh tế đã khiến cho tổng doanh thu giảm dẫn tới giá vốn hàng bán cũng giảm theo vì giảm nhu cầu mua nguyên vật liệu, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan khác.

Giá vốn hàng bán năm 2023 với tổng giá trị ghi nhận là 3.743 tỷ đồng, tương đương giảm 14,29% so với năm trước. Mức tăng chủ yếu ở Khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 1.041 tỷ đồng, tăng 847 tỷ đồng so với năm 2022, nguyên nhân do Công ty đã trích dự phòng các khoản nợ phải thu. Chi phí tài chính tăng 49,74% so với năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu do chi phí lãi vay năm 2023 tăng 34,35% so với năm 2022, chủ yếu do lãi phát sinh từ khoản vay của công ty mẹ. Công ty phát sinh chi phí lỗ do thoái vốn công ty con, cụ thể là bán Công ty Cổ phần Anova Agri Bình Dương và Công ty TNHH MTV Làng Bà Lụa (lỗ 32,5 tỷ đồng), bán Công ty CP Phin Deli (lỗ gần 6,5 tỷ đồng). Ngoài ra, Nova Consumer phát sinh chi phí khác từ việc thoái mảng gà của Anova Feed dẫn đến bồi thường hợp đồng thuê trại gần 19 tỷ đồng. Mặc dù Nova Consumer hướng tới là tập đoàn hoạt động đa ngành trong lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm và tiêu dùng tuy nhiên Công ty vẫn phải thực hiện cắt lỗ các mảng hoạt động kinh doanh không hiệu quả, tập trung nguồn lực, phát triển cho các mảng kinh doanh mang lại hiệu quả cao.

Nova Consumer đã thiết lập quy trình sản xuất chặt chẽ, cụ thể và đồng bộ mang lại nhiều lợi ích cho Công ty như: Kiểm soát chi phí đầu vào, nguyên vật liệu, từ đó tối ưu hóa chi phí sản xuất, đồng bộ quy trình giúp tăng năng suất, nâng cao hiệu quả chung của Công ty.

Nova Consumer đặt mục tiêu tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh và tập trung nâng cao chất lượng các dòng sản phẩm mang lại lợi nhuận tốt. Đồng thời, Công ty tiếp tục đẩy mạnh khai thác, nghiên cứu và phát triển thêm các dòng sản phẩm mới phù hợp với xu thế thị trường và có khả năng cạnh tranh cao.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TẠI NOVA CONSUMER



Nova Consumer hoạt động theo mô hình tập đoàn trong đó công ty mẹ đóng vai trò quản lý, tối ưu hóa nguồn lực và hỗ trợ, kết nối việc hợp tác sản xuất, kinh doanh giữa các công ty thành viên. Hoạt động đầu tư ở Công ty chủ yếu bao gồm hoạt động M&A (đầu tư thêm các thành viên mới, gia tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty thành viên hiện hữu) và đầu tư phát triển các dự án mới để hoàn thiện chuỗi giá trị toàn diện.

Tại các công ty thành viên có hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp, hoạt động đầu tư chủ yếu là đầu tư dự án sản xuất, xây dựng nhà máy mới, mở rộng nông trường, nâng cao công suất... Đồng thời hoạt động M&A cũng có thể được thực hiện để mở rộng thị phần hoặc chuỗi giá trị, phù hợp với đặc điểm ngành nghề kinh doanh và chiến lược phát triển lâu dài của Công ty.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ M&A VÀ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ LỚN CỦA NOVA CONSUMER TRONG NĂM 2023

Nova Consumer không phát sinh đầu tư trong năm 2023 vì tình hình kinh tế biến động.






TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: tỷ đồng

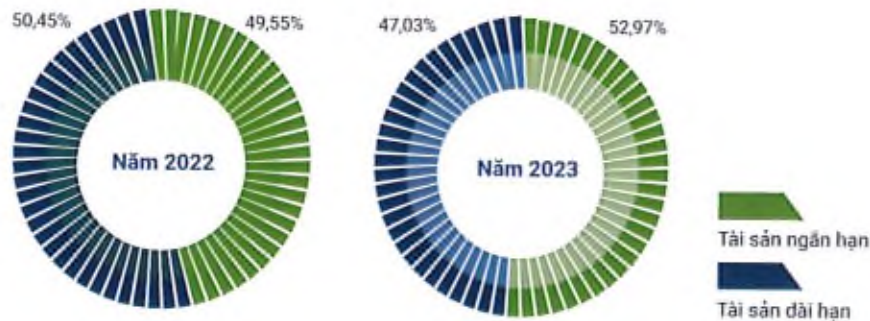
| Khoản mục | 31/12/2022 | | 31/12/2023 | | Tăng/Giảm | |
|---------------------|--------------|----------------|--------------|----------------|---------------|----------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ lệ |
| Tài sản ngắn hạn | 2.551 | 49,55% | 2.053 | 52,97% | -498 | -19,51% |
| Tài sản dài hạn | 2.597 | 50,45% | 1.823 | 47,03% | -774 | -29,79% |
| Tổng tài sản | 5.147 | 100,00% | 3.876 | 100,00% | -1.271 | -24,70% |

Tính tới thời điểm ngày 31/12/2023, TTS của Công ty được ghi nhận là 3.876 tỷ đồng, giảm 24,70% so với đầu năm.

Tài sản ngắn hạn duy trì ở mức cao hơn và chiếm 52,97% TTS, tương ứng 2.053 tỷ đồng, giảm 19,51% so với năm 2022. Các chỉ tiêu suy giảm do tình hình chung của thị trường, Trong đó:

-  Lượng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng của Công ty tăng 118 tỷ đồng.
-  Khoản phải thu ngắn hạn giảm 35,50% (tương đương giảm 520 tỷ đồng).
-  Hàng tồn kho giảm nhẹ 9,14% (tương ứng giảm gần 75 tỷ đồng).

Tài sản dài hạn được ghi nhận ở mức 1.823 tỷ đồng, giảm 29,79% so với năm 2022.

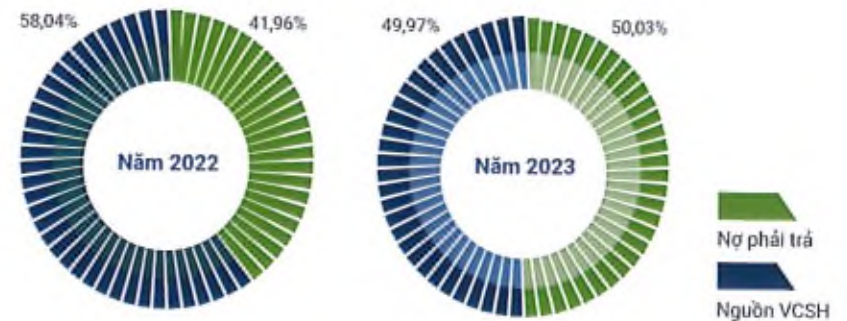


TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

ĐVT: tỷ đồng

| Khoản mục | 31/12/2022 | | 31/12/2023 | | Tăng/Giảm | |
|-----------------------|--------------|----------------|--------------|----------------|---------------|----------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ lệ |
| Nợ phải trả | 2.160 | 41,96% | 1.939 | 50,03% | -221 | -10,21% |
| - Nợ ngắn hạn | 1.666 | 32,37% | 1.640 | 42,31% | -26 | -1,59% |
| - Nợ dài hạn | 494 | 9,59% | 299 | 7,72% | -194 | -39,35% |
| Nguồn VCSH | 2.987 | 58,04% | 1.937 | 49,97% | -1.051 | -35,17% |
| Tổng nguồn vốn | 5.147 | 100,00% | 3.876 | 100,00% | -1.271 | -24,70% |

Tại thời điểm 31/12/2023, Nợ phải trả của Công ty được ghi nhận là 1.939 tỷ đồng, giảm 10,21% so với năm trước. Trong đó, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn 42,31% và giảm nhẹ 1,59% so với cùng kỳ năm trước; nợ dài hạn giảm mạnh 39,35% so với năm 2022. Bên cạnh đó, Nguồn VCSH của Công ty năm 2023 được ghi nhận là 1.937 tỷ đồng, giảm 35,17% so với năm trước chủ yếu đến từ sụt giảm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2022 | Năm 2023 |
|--|------|----------|----------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Khả năng thanh toán ngắn hạn | lần | 1,53 | 1,25 |
| Khả năng thanh toán nhanh | lần | 1,04 | 0,80 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số nợ/ TTS | lần | 0,42 | 0,50 |
| Hệ số nợ/ VCSH | lần | 0,72 | 1,00 |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | vòng | 5,61 | 4,76 |
| Vòng quay TTS | vòng | 1,10 | 0,92 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số LNST/ DTT (ROS) | % | 5,61 | - |
| Hệ số LNST/ VCSH bình quân (ROE) | % | 10,40 | - |
| Hệ số LNST/ TTS bình quân (ROA) | % | 6,19 | - |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ DTT | % | 6,40 | - |



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong năm 2023, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt đạt 1,25 và 0,80; hệ số thanh toán ngắn hạn vẫn duy trì ở mức ổn định, hệ số thanh toán nhanh biến động mạnh hơn. Cụ thể:

- Trong năm qua, khoản phải thu ngắn hạn giảm dẫn đến tài sản ngắn hạn tại thời điểm cuối năm giảm 19,51% (tương đương 498 tỷ đồng).

- Đồng thời, khoản mục hàng tồn kho cũng giảm 9,14% (tương đương 75 tỷ đồng) so với cùng kỳ khiến cho chỉ số khả năng toán giảm so với năm 2022.

Khả năng thanh toán của Công ty được duy trì ở mức an toàn trong các năm qua, thể hiện qua việc Công ty luôn chủ động trong việc quản trị rủi ro thanh khoản. Nhờ vậy, Công ty đảm bảo năng lực thanh toán các khoản nợ đến hạn, giảm thiểu rủi ro và duy trì hoạt động kinh doanh ổn định.

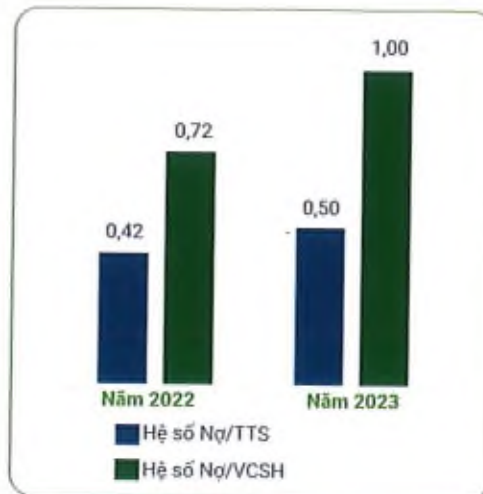


CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Công ty luôn cẩn trọng trong việc huy động và sử dụng vốn vay để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn tốt nhất và giảm thiểu rủi ro tài chính.

Năm 2023, TTS của Công ty giảm 24,70% tương đương 1271 tỷ đồng đã dẫn đến các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều tăng so với năm 2022. Cụ thể, hệ số nợ trên TTS và hệ số nợ trên VCSH được ghi nhận ở mức 0,50 lần và 1,00 lần.

Với tỷ lệ đòn bẩy tăng trong năm 2023, Công ty luôn áp dụng chiến lược sử dụng nợ một cách thận trọng và hợp lý, hướng đến mục tiêu đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh, duy trì mức rủi ro thấp nhất. Với mục tiêu duy trì mức độ an toàn tài chính cao, Công ty sẽ có nhiều lợi thế trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay mới để tài trợ cho các hoạt động đầu tư trong tương lai.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

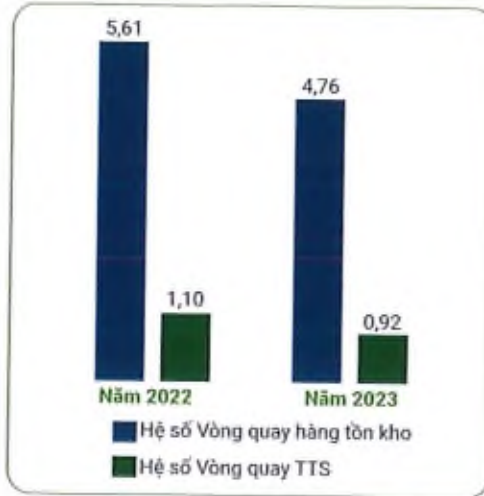
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty trong năm 2023 duy trì mức ổn định và xu hướng giảm nhẹ so với năm 2022.

- Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 5,61 vòng xuống 4,76 vòng, giá vốn hàng bán năm 2023 ghi nhận mức giảm 14,29% so với cùng kỳ. Do tình hình chăn nuôi gặp nhiều khó khăn, dịch bệnh phức tạp khiến nhiều hộ chăn nuôi không tái đàn, dẫn đến sản lượng bán hàng giảm. Nhu cầu từ các hộ kinh doanh nhỏ lẻ cũng sụt giảm, góp phần làm cho vòng quay hàng tồn kho chậm lại.

- Vòng quay TTS giảm nhẹ từ 1,1 vòng xuống 0,92 vòng, chủ yếu do DTT năm 2023 giảm 15,13% (tương đương giảm hơn 738 tỷ đồng) so với năm trước.

Với triển vọng kinh tế vĩ mô ngày càng ổn định, hoạt động kinh doanh dần khởi sắc, các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động của Công ty hứa hẹn sẽ tiếp tục được cải thiện và đạt những thành tích ấn tượng trong thời gian tới.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm vừa qua, chịu ảnh hưởng bởi những biến động của nền kinh tế vĩ mô, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng gặp phải một số khó khăn nhất định, dẫn đến kết quả kinh doanh chưa đạt được như kỳ vọng. Với tầm nhìn trở thành tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực chăn nuôi và sản xuất thực phẩm chăn nuôi, Công ty đang từng bước kiến tạo một hệ sinh thái hoàn chỉnh, từ trang trại đến bàn ăn. Công ty sẽ phát triển bền vững các mảng trang trại chăn nuôi, thuốc và vaccin thú y, đảm bảo nguồn cung cấp nguyên liệu chất lượng cao, nâng cao năng suất sản xuất thực phẩm chăn nuôi, đáp ứng nhu cầu thị trường và gia tăng lợi nhuận và mở rộng hoạt động kinh doanh, tạo ra nhiều cơ hội việc làm và góp phần vào sự phát triển kinh tế chung.

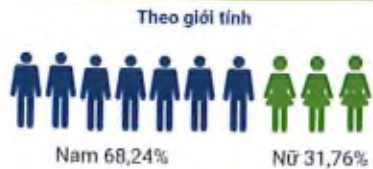
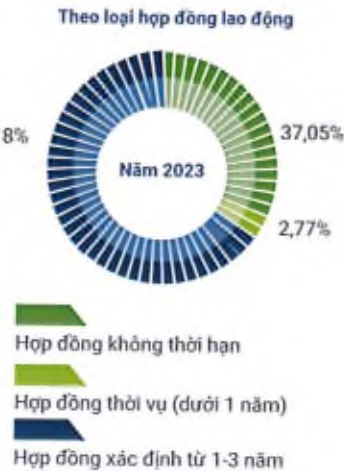


Tổng số nhân sự của Nova Consumer tính đến ngày 31/12/2023 là 1.911 Người, tăng tương đương 4% so với cùng kỳ năm 2022.

Cơ cấu người lao động tại ngày 31/12/2023 như sau:

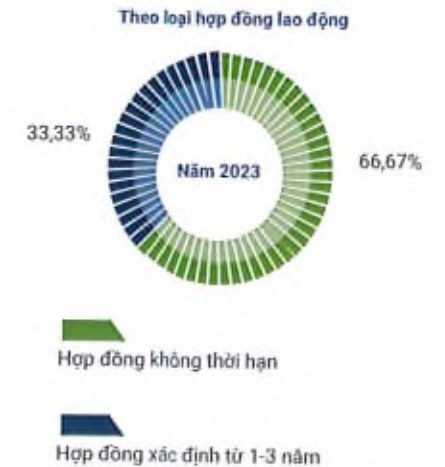
CƠ CẤU LAO ĐỘNG TẠI CÔNG TY TẠI NGÀY 31/12/2023

| STT | Tiêu chí | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|-----|-------------------------------|------------------|--------------|
| I | Theo trình độ lao động | 1.911 | 100,00% |
| 1 | Trình độ trên đại học | 12 | 0,63% |
| 2 | Trình độ đại học, cao đẳng | 738 | 38,62% |
| 3 | Trình độ trung cấp | 314 | 16,43% |
| 4 | Công nhân kỹ thuật | 80 | 4,19% |
| 5 | Lao động phổ thông | 767 | 40,14% |
| II | Theo loại hợp đồng lao động | 1.911 | 100,00% |
| 1 | Hợp đồng không thời hạn | 708 | 37,05% |
| 2 | Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm) | 53 | 2,77% |
| 3 | Hợp đồng xác định từ 1-3 năm | 1.150 | 60,18% |
| III | Theo giới tính | 1.911 | 100,00% |
| 1 | Nam | 1.304 | 68,24% |
| 2 | Nữ | 607 | 31,76% |



CƠ CẤU LAO ĐỘNG TẠI CÔNG TY MẸ TẠI NGÀY 31/12/2023

| STT | Tiêu chí | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|-----|--|------------------|--------------|
| I | Theo trình độ lao động | 30 | 100,00% |
| 1 | Trình độ trên đại học, đại học, cao đẳng | 21 | 70,00% |
| 2 | Trình độ trung cấp | 4 | 13,33% |
| 3 | Lao động phổ thông | 5 | 16,67% |
| II | Theo loại hợp đồng lao động | 30 | 100,00% |
| 1 | Hợp đồng không thời hạn | 20 | 66,67% |
| 2 | Hợp đồng xác định từ 1-3 năm | 10 | 33,33% |
| III | Theo giới tính | 30 | 100,00% |
| 1 | Nam | 11 | 36,67% |
| 2 | Nữ | 19 | 63,33% |



Thu nhập bình quân

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 |
|---------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng nhân sự | 1.837 | 1.911 |
| Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | 10.703.820 | 10.728.278 |

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Nova Consumer đề cao giá trị con người, lấy con người làm trọng tâm phát triển. Công ty luôn coi trọng đội ngũ nhân sự như nguồn lực cốt lõi. Nhờ vậy, Công ty đã dành nhiều tâm huyết cho công tác tuyển dụng, đào tạo, phúc lợi và các chính sách khác nhằm xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và gắn kết.

Nova Consumer tự hào mang đến môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp và đầy thử thách, nơi mỗi nhân viên được thỏa sức phát huy năng lực bản thân. Chúng tôi đề cao tinh thần đồng tâm hiệp lực, cùng chung tay hướng đến mục tiêu chung và cùng nhau tỏa sáng. Tại đây, mọi đóng góp, dù là nhỏ nhất, hướng đến mục tiêu đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công ty đều được ghi nhận và tưởng thưởng xứng đáng, công bằng.

Nova Consumer luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt cho sự thành công và phát triển bền vững. Chính vì vậy, Công ty luôn dành ưu tiên hàng đầu cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách nhân sự. Trong thời gian tới, Nova Consumer sẽ tập trung cải tiến các chính sách nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của đội ngũ nhân viên, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, khuyến khích sáng tạo và phát triển tiềm năng. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh các hoạt động thu hút nhân tài, tạo dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, gắn bó, góp phần đưa Nova Consumer vươn lên những tầm cao mới.



Hình thức tuyển dụng: Công ty có các hình thức tuyển dụng như sau:

- **Tuyển dụng chính thức:** Sau khi hoàn thành tốt thời gian thử việc, nhân viên được chính thức tuyển dụng, ký hợp đồng lao động và được hưởng đầy đủ các quyền lợi theo quy định.
- **Tuyển dụng thời vụ:** Áp dụng cho các nhân viên ký hợp đồng lao động thời vụ thời hạn dưới 1 năm, tính chất công việc mang tính thời vụ không ổn định, không áp dụng các chế độ quyền lợi như nhân viên được tuyển dụng chính thức.



Thử việc

- Thời gian thử việc trước khi trở thành nhân viên chính thức là tối đa 60 ngày; thời điểm kết thúc thử việc sẽ được thông báo đến người lao động trong thông báo tuyển dụng và hợp đồng thử việc.
- Trong thời gian thử việc, Công ty và người lao động đều có quyền chấm dứt việc tuyển dụng mà không cần phải báo trước hoặc bồi thường; người lao động được hưởng 90% đến 100% lương. Thời gian thử việc cũng được xem là thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc khi nghỉ việc.
- Khi kết thúc thời gian thử việc, Công ty sẽ đánh giá năng lực và sự phù hợp với vị trí công việc của người lao động. Nếu người lao động đạt yêu cầu, Công ty sẽ tiến hành ký hợp đồng lao động, ngược lại nếu không đạt yêu cầu, Công ty giải quyết thôi việc và thanh toán đầy đủ các chế độ đã thỏa thuận trong hợp đồng thử việc theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng lao động

- Sau khi hết thời gian thử việc, trưởng bộ phận nhận xét đánh giá và đề nghị Ban TGD phê duyệt quyết định tuyển dụng chính thức, phòng nhân sự có trách nhiệm soạn thảo hợp đồng lao động theo các hình thức tuyển dụng sau: (1) Hợp đồng thời vụ có thời hạn dưới 12 tháng, (2) Hợp đồng có thời hạn từ 1 đến 3 năm, (3) Hợp đồng không thời hạn.
- Người lao động được yêu cầu ký và giữ 01 bản hợp đồng lao động theo mẫu qui định.
- Việc gia hạn hay chấm dứt hợp đồng sẽ được xem xét thông báo bằng văn bản cho người lao động; thông thường HĐLĐ sẽ được gia hạn 01 năm (trừ những trường hợp khác do quyết định của Ban TGD).
- Tùy theo vị trí công việc và tầm quan trọng, người lao động có thể được yêu cầu ký vào hợp đồng cam kết bảo mật thông tin liên quan đến kinh doanh, hoạt động, để Công ty an tâm đào tạo; bản cam kết này hoàn toàn tự nguyện, không bắt buộc.



CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển bền vững, Nova Consumer luôn ưu tiên đầu tư vào công tác đào tạo và phát triển nhân viên. Chúng tôi tin rằng, việc trang bị kiến thức và kỹ năng chuyên nghiệp cho mỗi cán bộ nhân viên là chìa khóa để họ định hướng nghề nghiệp phù hợp, phát huy tối đa tiềm năng và cống hiến cho sự thành công chung của Công ty. Nova Consumer cam kết tạo môi trường học tập và phát triển toàn diện, giúp mỗi nhân viên hoàn thiện bản thân, trở thành những nhà lãnh đạo tài ba trong tương lai.

Nova Consumer hiểu rằng nguồn nhân lực là yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững. Do đó, Công ty luôn đầu tư vào công tác đào tạo và phát triển nhân viên một cách bài bản và hiệu quả. Các chương trình đào tạo được thiết kế đa dạng, phù hợp với nhu cầu của từng cá nhân và từng bộ phận, bao gồm đào tạo chuyên môn, kỹ năng mềm và đào tạo quản lý. Bên cạnh đó, Nova Consumer khuyến khích các cấp quản lý chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và hỗ trợ nhân viên phát triển. Nhờ vậy, Công ty đã xây dựng được đội ngũ nhân viên năng động, sáng tạo, có đủ kiến thức và kỹ năng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần đưa Nova Consumer ngày càng phát triển.

Công tác đào tạo được tổ chức và triển khai dưới các hình thức sau:

Đào tạo ban đầu: Nhân viên mới vào Công ty sẽ phải biết về Nội quy lao động của Công ty, các quy định, chính sách của Công ty, giới thiệu về các hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức của Công ty, nghiệp vụ chuyên môn... để nhanh chóng hòa nhập vào công việc. Việc đào tạo ban đầu do phòng nhân sự, quản lý trực tiếp và các trưởng bộ phận có liên quan thực hiện theo quy trình tiếp nhận nhân viên mới.

Đào tạo tại Công ty: Việc đào tạo được sắp xếp và tiến hành theo kế hoạch đào tạo hàng năm.

Tự đào tạo: Công ty luôn khuyến khích người lao động tự nâng cao kiến thức ngoài giờ làm việc và thanh toán học phí cho các khóa có liên quan đến nghề nghiệp được Ban TGD duyệt chấp thuận vào đơn xin đi học và đề nghị hỗ trợ học phí.



Đào tạo trong công việc (coaching, on job training, OJT): Việc đào tạo do các Giám sát hoặc Trưởng bộ phận phụ trách. Việc đào tạo này cũng được thực hiện khi người lao động được chuyển công việc vào vị trí công việc mới. Trong quá trình làm việc, nhân viên có nhiều kinh nghiệm sẽ hướng dẫn công việc cho nhân viên mới vào hay có ít kinh nghiệm hơn, công việc này được tiến hành thường xuyên ở mọi vị trí trong Công ty.

Cử đi đào tạo bên ngoài: Người lao động có thể tham dự những khóa đào tạo hoặc những buổi báo cáo chuyên đề do các tổ chức đào tạo trong nước hoặc ở nước ngoài.

Trong năm, Công ty đã tổ chức các chương trình phát triển kỹ năng, các buổi đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn học tập liên tục nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nhận thức của toàn thể người lao động, một số chương trình đào tạo nổi bật:

- 📌 Phát triển trí tuệ cảm xúc
- 📌 Phát huy đồng cảm và kỹ năng tương tác
- 📌 Nâng cao hiệu suất cá nhân trong công việc
- 📌 Kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả
- 📌 Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định
- 📌 Đào tạo quy trình/ quy định/ chuyên môn theo từng khối, phòng ban.

Trung bình năm 2023, tổng số giờ đào tạo các khóa học là 103 giờ, với 56 khóa học, mỗi khóa học trung bình từ 2 giờ đến 3 giờ, tổng số khóa đào tạo cụ thể đối với từng phân loại nhân viên như sau:



CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Công ty thực hiện chế độ làm việc 44 tiếng/tuần. Trong đó, bộ phận văn phòng làm việc năm ngày làm việc/tuần (từ thứ hai đến thứ sáu); bộ phận sản xuất và bộ phận liên quan sản xuất làm việc sáu ngày làm việc/tuần (từ thứ hai đến thứ bảy).

Nova Consumer luôn quan tâm đến sức khỏe, tinh thần và hiệu quả công việc của cán bộ công nhân viên (CBCNV). Chúng tôi cam kết tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và tiện nghi, giúp CBCNV phát huy tối đa tiềm năng và cống hiến cho sự phát triển chung của Công ty. Nova Consumer đầu tư vào cơ sở vật chất hiện đại,

trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị và phương tiện làm việc cần thiết. Đồng thời, Công ty cung cấp đồng phục và thiết bị bảo hộ lao động cá nhân cho CBCNV làm việc tại công trường, đảm bảo an toàn lao động và sức khỏe cho mọi người.

Với môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, tạo điều kiện để mỗi cán bộ công nhân viên đều có cơ hội tự khẳng định, phát huy hết năng lực của bản thân, đồng thời luôn có sự hỗ trợ hướng dẫn của cấp trên, sự phối hợp của đồng nghiệp và các bộ phận liên quan trên tinh thần vì sự phát triển chung của Công ty.

CHÍNH SÁCH THƯỜNG VÀ PHÚC LỢI

Tại Nova Consumer, chúng tôi luôn đề cao giá trị con người và cam kết mang đến môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh lành mạnh. Bên cạnh việc đảm bảo chế độ phúc lợi theo quy định pháp luật, Nova Consumer còn xây dựng và ban hành chính sách phúc lợi riêng, nhằm chuẩn hóa và nâng cao chất lượng cuộc sống cho CBCNV. Với sự quan tâm thiết thực của Công ty, CBCNV Nova Consumer luôn có tinh thần làm việc hăng say, gắn bó lâu dài và cống hiến hết mình cho sự phát triển chung của tập thể.

Chính sách chăm sóc sức khỏe

Tại Nova Consumer, sức khỏe và quyền lợi của người lao động luôn được quan tâm hàng đầu. Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động, đảm bảo cho người lao động được hưởng các quyền lợi chính đáng về sức khỏe theo quy định pháp luật hiện hành.

Chính sách lương

Đảm bảo đãi ngộ công bằng, xét năng lương định kỳ, trả lương theo năng lực, thưởng theo thành tích, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

- Mức lương cơ bản của người lao động sẽ được ghi bằng tiền đồng Việt Nam trong hợp đồng lao động.
- Kỳ tính lương mỗi tháng sẽ thay đổi theo chính sách tại từng công ty thành viên, riêng đối với công ty mẹ Nova Consumer kỳ lương được tính từ ngày 23 tháng trước đến ngày 22 của tháng hiện tại.
- Ngày công làm việc được xác định qua việc chấm công.

Lương hiệu quả công việc (KPI)

- Lương hiệu quả công việc tại Nova Consumer được xây dựng dựa trên mục tiêu KPI được giao cho nhân viên hàng tháng. Các mục tiêu này được thỏa thuận cụ thể trong phụ lục hợp đồng, đảm bảo sự đồng thuận và thống nhất giữa hai bên.

Ngày trả lương

- Lương cơ bản và lương hiệu quả được thanh toán mỗi tháng một lần bằng tiền đồng Việt Nam vào ngày cuối tháng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của nhân viên. Nếu ngày trả lương trùng vào ngày lễ hoặc cuối tuần thì ngày trả lương là ngày kế cận trước khi nghỉ lễ hoặc cuối tuần.
- Việc điều chỉnh lương dựa vào hoạt động kinh doanh của Công ty, mức độ lạm phát và tình hình biến động của thị trường lao động trong năm, lãnh đạo Công ty sẽ xem xét điều chỉnh lương/thu nhập cho phù hợp. Thu nhập chính bằng tiền của nhân viên bao gồm lương cơ bản, lương hiệu quả công việc và tiền thưởng cuối năm.
- Hàng năm, việc tổng kết đánh giá thực hiện công việc của nhân viên sẽ được thực hiện vào cuối năm dựa vào các kết quả đánh giá và các văn bản khen thưởng hay kỷ luật lưu tại phòng nhân sự trong năm, nhân viên được xem xét điều chỉnh lương và thu nhập.

Phụ cấp ngoài lương: Phụ cấp ngoài lương: phụ cấp làm thêm giờ, phụ cấp cơm trưa, phụ cấp điện thoại, gửi xe.....

Các khoản khấu trừ lương: các khoản khấu trừ lương nếu có sẽ được thực hiện theo luật định (thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải trả bởi nhân viên; vắng mặt không xin phép; nghỉ không lương, nghỉ lố phép; các khoản khấu trừ khác được sự đồng ý của nhân viên...)

Công tác phí: đảm bảo thanh toán công tác phí đầy đủ trong trường hợp nhân viên khi được điều động đi công tác.

Chính sách thưởng lễ, Tết và thưởng khác

Chi trả lương tháng 13, thưởng hiệu quả cuối năm, tặng quà vào các ngày lễ trong năm, quà tặng sinh nhật cho cán bộ công nhân viên.

Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên soát xét và cải tiến chính sách lương, thưởng cho phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo tính cạnh tranh trong thị trường lao động.

THÔNG TIN CỔ PHẦN



Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 119.784.325 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 119.784.325 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
 Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 119.784.325 cổ phiếu
 Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
 Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng



CƠ CẤU SỞ HỮU

DANH MỤC CỔ ĐÔNG (TẠI NGÀY 29/12/2023)

| STT | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông |
|------------------|--------------------|--------------------|------------------|------------------|
| I | Cổ phiếu phổ thông | 119.784.325 | 100% | 742 |
| 1 | Cổ đông trong nước | 106.528.325 | 88,93% | 736 |
| | - Tổ chức | 95.026.306 | 79,33% | 02 |
| | - Cá nhân | 11.502.019 | 9,60% | 734 |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 13.256.000 | 11,07% | 06 |
| | - Tổ chức | 13.220.000 | 11,04% | 03 |
| | - Cá nhân | 36.000 | 0,03% | 03 |
| II | Cổ phiếu ưu đãi | - | - | - |
| III | Cổ phiếu quỹ | - | - | - |
| Tổng cộng | | 119.784.325 | 100% | 742 |

DANH MỤC CỔ ĐÔNG (TẠI NGÀY 29/12/2023)

| STT | Tên | Số lượng cổ phiếu (cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%) |
|-----|----------------------------|------------------------------|----------------------|
| 1 | CTCP Thương Mại Bảo Khang | 78.587.385 | 65,61 |
| 2 | CTCP Đầu Tư A.N.O.V.A | 16.438.921 | 13,72 |
| 3 | Foremost Worldwide Limited | 12.772.000 | 10,66 |

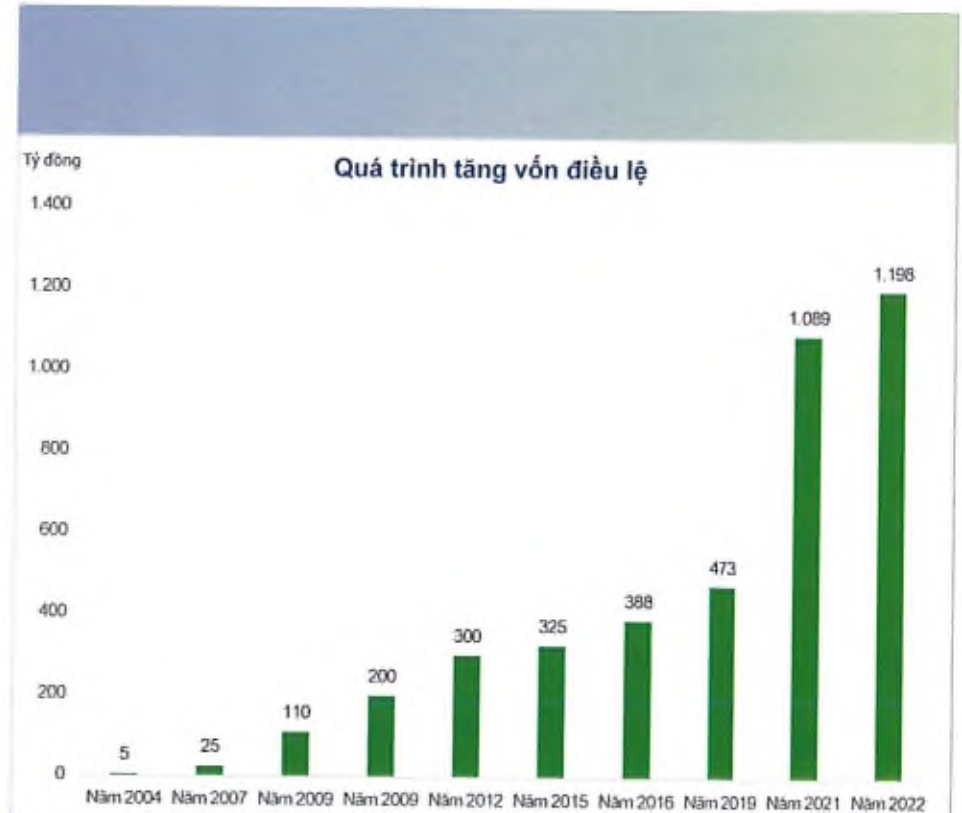
TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA

50% (Tại ngày 31/12/2023)

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Công ty được thành lập dưới hình thức CTCP vào năm 2004 với số VDL là 5.005.000.000 đồng. Kể từ khi trở thành CTCP đến nay, Công ty đã thực hiện 09 đợt tăng VDL nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh.

| Thời điểm | Vốn tăng thêm (đồng) | VDL (đồng) | Phương thức tăng vốn |
|-----------|----------------------|-------------------|---|
| 2004 | - | 5.005.000.000 | Thành lập Công ty |
| 2007 | 19.995.000.000 | 25.000.000.000 | Phát hành riêng lẻ, giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 2009 | 85.000.000.000 | 110.000.000.000 | Phát hành riêng lẻ, giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 2009 | 90.000.000.000 | 200.000.000.000 | Chào bán cổ phần riêng lẻ và phát hành cổ phiếu trả cổ tức, giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 2012 | 100.000.000.000 | 300.000.000.000 | Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, giá phát hành là 17.000 đồng/cổ phiếu |
| 2015 | 25.000.000.000 | 325.000.000.000 | Chào bán cho cán bộ nhân viên (ESOP), giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 2016 | 62.797.770.000 | 387.797.770.000 | Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và trái chủ, giá phát hành là 40.000 đồng/cổ phiếu |
| 2019 | 85.612.420.000 | 473.410.190.000 | Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và trái chủ, giá phát hành là 55.000 đồng/cổ phiếu |
| 2021 | 615.433.060.000 | 1.088.843.250.000 | Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn VCSH |
| 2022 | 109.000.000.000 | 1.197.843.250.000 | Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, giá chào bán là 44.000 đồng/cổ phiếu |



04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động kinh doanh trong năm 2023
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2024
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán



**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2023 SO VỚI KẾ HOẠCH
ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT**

DVT: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | TH 2022 | KH 2023 | TH 2023 | %TH2023/ KH2023 | %TH2023/ TH2022 |
|--------------------|---------|---------|---------|--------------------|--------------------|
| Doanh thu thuần | 4.880 | 5.629 | 4.142 | 73,58% | 84,87% |
| Lợi nhuận sau thuế | 274 | 17 | -951 | - | - |

Năm 2023, nhờ sự chủ động, linh hoạt và tinh thần đoàn kết của tập thể Ban lãnh đạo và nhân viên, Nova Consumer đã nỗ lực vượt qua những khó khăn của thị trường. Mặc dù kết quả đạt được vẫn còn nhiều khó khăn, Nova Consumer tin rằng sẽ tăng trưởng và gặt hái nhiều thành công hơn nữa trong thời gian tới.

Nova Consumer luôn chú trọng đầu tư vào nghiên cứu và phát triển để tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng. Công ty đã xây dựng hệ thống phân phối rộng khắp, bao gồm các kênh bán hàng truyền thống và hiện đại để đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng một cách nhanh chóng và tiện lợi nhất. Với các nỗ lực trên, Công ty hứa hẹn sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Nhờ sự thống nhất và phối hợp tốt, Nova Consumer có thể đưa ra các quyết sách kịp thời, phù hợp với nhu cầu thị trường, nắm bắt cơ hội thị trường, tăng cường khả năng cạnh tranh và đạt được lợi thế trong kinh doanh. Nova Consumer còn chú trọng phối hợp chặt chẽ giữa các công ty thành viên trong các hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, phân tích nhu cầu thị trường và định hướng chiến lược. Nhờ sự phối hợp hiệu quả này, Công ty đã bổ sung các mặt hàng còn thiếu, đặc biệt là sản phẩm thiết yếu theo nhu cầu của khách hàng, qua đó gia tăng hiệu quả bán hàng.

Nova Consumer sở hữu hệ thống chính sách toàn diện, bao gồm chính sách phát triển nhân sự, chính sách chăm sóc khách hàng, chính sách khen thưởng và chính sách phát triển thị trường. Hệ thống chính sách này được xây dựng dựa trên mục tiêu tạo niềm tin, gắn kết cho nhân viên, thu hút khách hàng, khen thưởng hiệu quả và mở rộng thị trường, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.



**NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH,
QUẢN LÝ**

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC KHỐI PHÒNG BAN TRONG NĂM

Ngành chăn nuôi 2023 đối mặt với nhiều biến động tiêu cực, khiến nhiều nhà chăn nuôi thua lỗ và buộc phải giảm tài đàn, dẫn đến nhu cầu thuốc thú y và vaccine giảm mạnh. Bản thân Nova Consumer cũng gặp phải nhiều khó khăn với biến động chung của ngành chăn nuôi. Tuy nhiên, Nova Consumer vẫn cố gắng giữ vững hoạt động kinh doanh ổn định để vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục phát triển trong tương lai.

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Nova Consumer đã thực hiện nhiều đổi mới trong cơ cấu tổ chức, hướng đến sự tinh gọn và hiệu quả. Công ty đã quy định rõ ràng nhiệm vụ và chức năng của từng phòng ban, đồng thời sắp xếp nhân sự phù hợp với năng lực, tạo điều kiện phát huy tối đa tiềm năng của mỗi nhân viên. Sơ đồ tổ chức được phân cấp, phân quyền và trách nhiệm rõ ràng tạo điều kiện cho các công ty thành viên phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả. Nhờ vậy, Công ty có thể tận dụng tối đa năng lực của mỗi cá nhân, đẩy nhanh tiến độ công việc và đạt được mục tiêu chung.

XÂY DỰNG VĂN HÓA VÀ NHẬN DẠNG THƯƠNG HIỆU

Nova Consumer triển khai nhiều hoạt động marketing nhằm thực hiện chiến lược đề ra, bao gồm nâng cao chất lượng dịch vụ, cải thiện chất lượng sản phẩm, và xây dựng chính sách bán hàng riêng cho từng nhóm khách hàng. Những nỗ lực này giúp Công ty xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng hiện tại, thu hút khách hàng mới và mở rộng thị trường hiệu quả.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Chất lượng sản phẩm là nền tảng tạo dựng uy tín và sự sống còn cho Nova Consumer. Sản phẩm chất lượng cao giúp Công ty thu hút và giữ chân khách hàng, tạo dựng lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Nova Consumer áp dụng quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt từ khâu lên kế hoạch sản xuất đến khâu phát triển chiến lược cho từng nhóm sản phẩm chủ lực. Nhờ vậy, Công ty luôn đảm bảo sản phẩm đến tay người tiêu dùng đạt chất lượng cao nhất, đáp ứng nhu cầu thị trường và góp phần nâng cao uy tín thương hiệu.

Nova Consumer luôn nỗ lực tìm kiếm giải pháp tối ưu để giảm thiểu ảnh hưởng của thị trường cung ứng đến giá nguyên vật liệu đầu vào và chi phí sản xuất. Mục tiêu của Công ty là đảm bảo giá thành sản phẩm ổn định, nâng cao chất lượng sản phẩm và gia tăng lợi ích cho khách hàng.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH DOANH NĂM 2024 CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

ĐVT: tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện 2023 | Kế hoạch 2024 | Tăng/ giảm so với năm 2023 | |
|-----|--------------------|----------------|---------------|----------------------------|---------|
| | | | | % | Giá trị |
| 1 | Doanh thu thuần | 4.142 | 5.057 | 22,09% | 915 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | -951 | 26 | - | 977 |

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2024



Trong năm 2024, trước sự bất ổn và biến động của giá heo, Công ty sẽ củng cố hoạt động kinh doanh bền vững, nâng cao chất lượng sản phẩm, tập trung tối đa công suất các trang trại đang thuê hiện tại để tối ưu các chi phí. Bên cạnh đó, Công ty vẫn sẽ tiếp tục duy trì thị phần hiện tại trong mảng thuốc thú y, nâng công suất sản xuất của các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi hiện hữu, giành thêm thị phần từ các đối thủ cạnh tranh trong năm 2024, vốn hiện là mảng kinh doanh cốt lõi của Công ty trong lĩnh vực nông nghiệp.

Đồng thời, Công ty sẽ có những phương án cắt giảm chi phí từ các mảng kinh doanh không hiệu quả để đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh được tốt hơn.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, đơn vị kiểm toán Công ty TNHH PwC (Việt Nam) đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban TGD không có ý kiến giải trình thêm.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Báo cáo Hội đồng quản trị
Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị
Báo cáo của Ủy ban kiểm toán
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của
HĐQT, Ban TGD và UBKT
Đánh giá việc thực hiện các quy định về Quản trị
Công ty
Báo cáo Quản trị rủi ro



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2023

Xuyên suốt trong năm 2023, HĐQT sâu sát chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty cụ thể:

-Thực hiện việc giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám Đốc trong việc tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2023 thành công, kính trình và đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2023 thông qua nhiều vấn đề trong đó có nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ, hoàn thiện cơ cấu của Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2021 đến 2025 nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu hoạt động của Công ty. Duy trì chế độ báo cáo định kỳ của Ban TGD cho HĐQT về tình hình kinh doanh và điều hành Công ty.

-Chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám Đốc trong việc hoàn thành thủ tục đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Hệ thống đăng ký giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (UPCOM) vào tháng 11/2023.

-HĐQT luôn đồng hành cùng Ban TGD nhằm triển khai các hoạt động SXKD để thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh do ĐHĐCĐ đề ra.

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

HĐQT đã tổ chức 26 phiên họp và ban hành 26 Nghị quyết thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, trong đó có 26 phiên họp trực tiếp và 0 phiên họp được tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Tỷ lệ tham dự như sau:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp | Tỷ lệ tham dự | Lý do không tham dự họp |
|-----|--------------------------|-------------------------|-------------|---------------|----------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Hiếu Liêm | Chủ tịch HĐQT | 26/26 | 100% | - |
| 2 | Ông Nguyễn Quang Phi Tín | Thành viên HĐQT | 26/26 | 100% | |
| 3 | Bà Trần Thị Thu Thảo | Thành viên độc lập HĐQT | 26/26 | 100% | |
| 4 | Bà Lê Hoàng Thanh Thảo | Thành viên HĐQT | 10/26 | 39% | Đơn từ nhiệm từ 15/05/2023 |



Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành năm 2023

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|------------|--|
| 1 | 01A/2023/NQ/HĐQT-NCG | 03/01/2023 | Thông qua việc thay đổi Thành viên Ủy ban trực thuộc HĐQT. |
| 2 | 01/2023/NQ/HĐQT-NCG | 10/01/2023 | Thông qua bảo lãnh cho Công ty Cổ Phần Anova Farm tại Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam. |
| 3 | 01B/2023/NQ/HĐQT-NCG | 10/01/2023 | Thay đổi Người đứng đầu Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nova Consumer. |
| 4 | 02/2023/NQ/HĐQT-NCG | 21/02/2023 | Thông qua giao dịch với công ty con, công ty liên kết năm 2023. |
| 5 | 03/2023/NQ/HĐQT-NCG | 27/02/2023 | Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức 2021 bằng tiền. |
| 6 | 04/2023/NQ/HĐQT-NCG | 02/03/2023 | Thông qua kế hoạch tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên 2023. |
| 7 | 05/2023/NQ/HĐQT-NCG | 13/03/2023 | Thông qua bảo lãnh cho Công ty Cổ Phần Anova Farm tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn. |
| 8 | 06/2023/NQ/HĐQT-NCG | 03/04/2023 | Thông qua gia hạn tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên năm 2023. |
| 9 | 07/2023/NQ/HĐQT-NCG | 10/04/2023 | Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về điều chỉnh Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên số 11.18/2022/NQ-ĐHĐCĐ-NCG ngày 31/05/2022. |
| 10 | 08/2023/NQ/HĐQT-NCG | 05/05/2023 | Thông qua kế hoạch tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên 2023. |
| 11 | 08A/2023/NQ/HĐQT-NCG | 10/05/2023 | Thông qua chủ trương thành lập Phòng Môi Trường và Xã Hội. |
| 12 | 09/2023/NQ/HĐQT-NCG | 18/05/2023 | Triển khai thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu tại UPCOM. |
| 13 | 10/2023/NQ/HĐQT-NCG | 23/05/2023 | -Miễn nhiệm Bà Nguyễn Ngọc Anh vị trí Người phụ trách quản trị Công ty. -Miễn nhiệm Ông Nguyễn Minh Hải vị trí Phó Tổng Giám Đốc và Giám Đốc Tài Chính. -Bổ nhiệm Ông Nguyễn Vinh Huy vị trí Giám Đốc Tài Chính. |
| 14 | 11/2023/NQ/HĐQT-NCG | 22/06/2023 | -Thông qua bảo lãnh cho Công ty Cổ Phần Anova Feed tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn. |

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2023

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành năm 2023

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|------------|---|
| 15 | 12/2023/NQ/HĐQT-NCG | 03/07/2023 | Thông qua mức thù lao của Thành viên HĐQT từ Tháng 07/2023. |
| 16 | 13/2023/NQ/HĐQT-NCG | 03/08/2023 | Thông qua Điều Lệ sửa đổi bổ sung. |
| 17 | 14/2023/NQ/HĐQT-NCG | 16/08/2023 | Thông qua điều chỉnh Phương thức nhận cổ tức năm 2021 bằng tiền. |
| 18 | 15/2023/NQ/HĐQT-NCG | 17/08/2023 | Thông qua việc bảo lãnh cho Công ty Cổ Phần Thành Nhơn cho các khoản cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch. |
| 19 | 16/2023/NQ/HĐQT-NCG | 18/10/2023 | Thông qua ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu tại ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu NCG tại UPCOM. |
| 20 | 17/2023/NQ/HĐQT-NCG | 31/10/2023 | Thông qua điều chỉnh về ngày giao dịch đầu tiên và Phương pháp xác định giá tham chiếu tại ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu NCG tại UPCOM. |
| 21 | 18/2023/NQ/HĐQT-NCG | 20/11/2023 | Thông qua việc bảo lãnh cho Công ty Cổ Phần Anova Biotech cho các khoản cấp tín dụng tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam. |
| 22 | 19/2023/NQ/HĐQT-NCG | 30/11/2023 | Thông qua việc bảo lãnh cho Công ty Cổ Phần Anova Feed cho các khoản cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch. |
| 23 | 21/2023/NQ/HĐQT-NCG | 14/12/2023 | Thông qua các giao dịch với Bên liên quan. |
| 24 | 22/2023/NQ/HĐQT-NCG | 15/12/2023 | Thông qua việc bảo lãnh cho Công ty Cổ Phần Thành Nhơn cho các khoản cấp tín dụng tại Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh. |
| 25 | 23/2023/NQ/HĐQT-NCG | 26/12/2023 | Thông qua việc góp vốn thành lập Công ty Cổ Phần Nova AI Mall. |
| 26 | 24/2023/NQ/HĐQT-NCG | 29/12/2023 | Thông qua việc hủy bỏ Nghị Quyết Hội Đồng Quản Trị số 23/2023/NQ/HĐQT-NCG ngày 26/12/2023. |

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ TRONG NĂM 2023

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua các chiến lược phát triển quan trọng cho Công ty. Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên đang nỗ lực hết mình để thực hiện các Nghị quyết của Đại hội một cách hiệu quả nhất. Cụ thể như sau:

- DTT đạt 4.142 tỷ đồng tương đương đạt 73,58% so với kế hoạch kinh doanh đã đề ra và giảm 15,13% so với năm 2022, LNST ghi nhận âm 951 tỷ đồng.
- Lựa chọn CT TNHH PwC (Việt Nam) – một trong bốn đơn vị kiểm toán đã được ĐHĐCĐ thông qua là đơn vị thực hiện kiểm toán các BCTC của Công ty trong năm tài chính 2023. (*)
- Hoàn thiện Điều lệ Công ty đáp ứng quy định pháp luật về quản trị công ty đại chúng.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2023, chúng kiến những ảnh hưởng nặng nề từ thị trường kinh doanh cũng như tác động từ biến động thị trường tài chính, Nova Consumer đối mặt với môi trường kinh doanh không thuận lợi. Doanh thu và lợi nhuận giảm sút so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của toàn thể ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên của Công ty đã đồng hành và vượt qua những khó khăn trong năm 2023. Mặc dù kết quả kinh doanh chưa đạt kỳ vọng nhưng với niềm tin và sự cố gắng không ngừng nghỉ, HĐQT tin rằng sẽ đạt được thành công trong thời gian tới

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban TGD đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT đưa Công ty vượt qua giai đoạn biến động chung của nền kinh tế toàn cầu. Nhờ sự nỗ lực của Ban TGD, các kế hoạch, chiến lược, mục tiêu của Công ty đã được điều chỉnh phù hợp và thực hiện hiệu quả.

Trong năm 2024, HĐQT tiếp tục giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám Đốc trong việc tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên năm 2024. Hội Đồng Quản Trị luôn đồng hành cùng Ban Tổng Giám Đốc nhằm triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh để thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh do Đại Hội Đồng Cổ Đông đề ra, đảm bảo tuân thủ pháp luật trong hoạt động vận hành, kinh doanh.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sự tham gia của thành viên độc lập HĐQT đóng góp vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính minh bạch, công bằng và hiệu quả hoạt động của HĐQT. Với tinh thần trách nhiệm cao, họ đã đề xuất nhiều giải pháp sáng tạo, đưa ra quyết định đúng đắn, kịp thời và tuân thủ luật pháp, góp phần đưa Công ty phát triển bền vững. Cụ thể:

- Với tinh thần trách nhiệm cao, thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát, đảm bảo hoạt động quản lý điều hành của Công ty tuân thủ luật pháp và mang lại lợi ích cho tất cả các cổ đông.
- Thành viên độc lập HĐQT của Công ty đã lập đầy đủ các báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.
- Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT trong UBKT được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ các quy định của Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.

(*) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn đã ký các hợp đồng dịch vụ kiểm toán với Công ty TNHH PwC (Việt Nam) với tổng giá trị là 2.290.680.000 đồng.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ủy ban Kiểm toán

- Thảo luận về kế hoạch công việc năm 2023 và phân công cho từng thành viên
- Thảo luận về kế hoạch công việc năm 2023 của Phòng Kiểm toán Nội bộ.
- Xem xét và cho ý kiến về sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế QTCT liên quan đến các điều khoản UBKT trước khi trình HĐQT.
- Giám sát hoạt động của Phòng Kiểm toán Nội bộ.
- Tham gia Đại hội đồng cổ đông 2023 và báo cáo hoạt động năm 2022 của Thành viên độc lập HĐQT trong UBKT.

Tiểu Ban Nhân Sự

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám Đốc, Hội Đồng Quản Trị chính sách thu hút nhân tài, hoàn thiện tinh gọn bộ máy lao động đảm bảo đúng pháp luật lao động. Việc xây dựng chính sách thu hút nhân tài và tinh gọn bộ máy lao động đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Tư vấn cho Ban Tổng Giám Đốc, Hội Đồng Quản Trị các chính sách đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Tiểu Ban Lương Thưởng

- Giám sát việc triển khai chính sách thù lao Thành viên HĐQT tuân thủ Nghị Quyết HĐQT đã được phê duyệt.
- Tham mưu cơ cấu thù lao, chính sách lương thưởng, chế độ đãi ngộ nhằm giữ chân nhân sự chủ chốt của Công ty.

Tiểu Ban Chính Sách Phát Triển

- Trợ giúp HĐQT trong việc xác định các vấn đề chiến lược then chốt đối với Công ty, trợ giúp HĐQT phân tích lựa chọn chiến lược phù hợp.
- Đưa ra các khuyến nghị cho HĐQT về tầm nhìn, sáng kiến chiến lược và những chương trình hành động của Công ty

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chiến lược phát triển của Công ty trong năm 2024 tập trung vào việc triển khai hoạt động kinh doanh cốt lõi trong lĩnh vực nông nghiệp một cách bền vững. Công ty sẽ đầu tư vào mô hình chăn nuôi hiệu quả, ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Mục tiêu của Công ty là xây dựng một chuỗi thực phẩm sạch, an toàn, truy xuất nguồn gốc và khép kín chuỗi cung ứng. Để thực hiện mục tiêu này, Công ty sẽ huy động vốn để đầu tư mạnh mẽ vào các khâu trong chuỗi giá trị, từ sản xuất, chế biến đến phân phối. Việc phát triển mô hình 3F hiệu quả cũng là một phần quan trọng trong chiến lược này.

Dự kiến trong năm 2024, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ có bước phát triển hơn năm 2023 vì nền kinh tế phục hồi, tăng trưởng, nhu cầu tiêu dùng nội địa tăng. Bên cạnh sự tăng trưởng bền vững của các mảng kinh doanh truyền thống trong lĩnh vực nông nghiệp, ngành hàng tiêu dùng được đầu tư và phát triển thông qua chiến lược mua bán sáp nhập sẽ đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh chung của Công ty.

BÁO CÁO CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tại Nova Consumer, hiện tại, HĐQT có ba (03) thành viên, trong đó có một (01) thành viên độc lập giữ chức vụ Chủ tịch UBKT. Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT trong năm 2023 cũng chính là hoạt động của UBKT.

BÁO CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2023

Trong năm 2023, UBKT đã thực hiện những việc sau:

- Giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro thông qua hệ thống báo cáo quản trị Công ty, trao đổi, làm việc với Ban điều hành.
- Giám sát thông qua định kỳ làm việc trực tiếp với Kiểm toán nội bộ và các báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nội bộ.
- Giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, mức độ hoàn thành các chỉ tiêu hoạt động, các kế hoạch đã hoàn thành, các vấn đề trọng yếu mà Ban điều hành đang giải quyết, kế hoạch thực hiện thông qua hệ thống báo cáo quản trị Công ty.
- Xem xét và báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ, tình hình giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro đến HĐQT.

Trong năm, UBKT đã tổ chức 02 phiên họp với các nội dung và tỷ lệ thông qua như sau:

| STT | Nội dung | Ngày họp | Nội dung chi tiết | Kết quả |
|-----|---|------------|---|-----------------------|
| 1 | Báo cáo hoạt động 2022 của Thành viên độc lập HĐQT trong UBKT tại Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên 2023 | 26/05/2023 | Thảo luận và đồng ý phát hành Báo cáo hoạt động 2022 của thành viên độc lập HĐQT trong UBKT tại Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên 2023 | Tán thành phiếu 02/02 |
| 2 | Báo cáo hoạt động của UBKT trong 6 tháng đầu năm 2023 | 14/07/2023 | Báo cáo hoạt động của UBKT trong 6 tháng đầu năm 2023 | Tán thành phiếu 02/02 |

Trong năm 2023 UBKT đã thực hiện hai cuộc họp với số lượng thành viên tham dự là 2/2 và tất cả các thành viên UBKT đều bỏ phiếu tán thành cho các nội dung đã trình bày.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BCTC, TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

BCTC được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành. BCTC được lập phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính của Công ty.

Các nghị quyết, quyết định được ban hành hợp lệ, đúng thẩm quyền và tuân thủ chế độ công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

Công ty kiểm toán được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ thời hạn kiểm toán, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán và tuân thủ chế độ công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

BÁO CÁO VỀ CÁC GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VÀ NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY; NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY, CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT

Công ty đã tuân thủ quy định có liên quan về thẩm quyền phê duyệt, theo dõi và thuyết minh giao dịch giữa Công ty và người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát. Các giao dịch này đã được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ HỆ THỐNG KSNB VÀ QLRR TẠI CÔNG TY

Sự phối hợp hiệu quả giữa UBKT và Ban điều hành Công ty đã giúp Công ty chủ động nắm bắt diễn biến thị trường, dự báo rủi ro và đưa ra các phương án kinh doanh phù hợp. Nhờ đó, Công ty đã giảm thiểu được các rủi ro môi trường, kinh tế, luật pháp, rủi ro ngành và các rủi ro khác, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn và hiệu quả.

UBKT thực hiện chương trình giám sát hệ thống KSNB bao gồm đánh giá kế hoạch, chương trình làm việc năm 2023 của phòng QLRR, Quy trình, Tuân thủ.

UBKT thực hiện chương trình chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động phòng KTNB, bao gồm đánh giá Báo cáo Chất lượng KTNB 2023, kế hoạch KTNB 2024 theo định hướng rủi ro, đánh giá, rà soát chất lượng nhân sự KTNB, thẩm định Báo cáo KTNB trước khi phát hành.

UBKT, KTNB cùng tìm hiểu và trao đổi các kế hoạch kiểm tra góp ý các kế hoạch kiểm tra, chia sẻ các phát hiện, khuyến nghị trong công tác giám sát hệ thống KSNB, QLRR.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BAN QUẢN LÝ CÔNG TY

HĐQT luôn đảm bảo các cuộc họp được tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch và cẩn thận. Các nội dung thảo luận được báo cáo đầy đủ, đánh giá kỹ lưỡng để đưa ra những định hướng và giải pháp tốt nhất cho Công ty.

UBKT không chỉ thực hiện giám sát theo yêu cầu của HĐQT mà còn chủ động báo cáo chính sách QLRR, đề xuất giải pháp xử lý rủi ro, thúc đẩy củng cố quy chế, đào tạo nhận diện vi phạm, tăng cường an toàn bảo mật. Nhờ đó, UBKT góp phần đảm bảo hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả và tuân thủ quy định.

Sự tham dự của Chủ tịch UBKT vào các cuộc họp Ban TGD giúp đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa UBKT và Ban TGD trong việc giám sát và điều hành hoạt động của Công ty.

Sự tham gia của UBKT vào các cuộc họp HĐQT góp phần đảm bảo tính minh bạch, công khai và tuân thủ quy định trong việc xây dựng các văn bản quan trọng của Công ty.

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA UBKT, HĐQT VÀ BAN TGD TRONG NĂM 2023

Sự phối hợp của UBKT với HĐQT, TGD và các cố đồng góp phần đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ quy định, hướng đến mục tiêu phát triển chung.

Ban TGD cởi mở, tạo điều kiện để UBKT tiếp cận nhân sự, hồ sơ, tài liệu phục vụ cho công tác giám sát chuyên môn của UBKT.

UBKT báo cáo định kỳ kết quả chương trình làm việc đến Chủ tịch HĐQT và luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Chủ tịch HĐQT đến các vấn đề rủi ro trọng yếu của Công ty.

KIẾN NGHỊ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA UBKT ĐỐI VỚI NĂM 2024

Nhằm thực hiện mục tiêu theo dõi, kiểm soát, UBKT đề xuất kế hoạch hoạt động trong năm 2024 với các nội dung chính như sau:

-Đảm bảo thực hiện khuyến nghị KTNB và nâng cao năng lực KTNB theo kỳ vọng HĐQT.

-Giám sát Ban TGD thực hiện dự án cải tiến hệ thống kiểm soát, nâng cao vai trò và trách nhiệm của Người quản lý, đồng thời nhận diện rủi ro mới.

-Tiếp tục giám sát tập trung vào các dự án cải tiến như điều chỉnh bộ máy tổ chức, quy trình, khai thác dữ liệu, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động và giá trị của Công ty.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ UBKT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Trong năm 2023, tổng mức lương, thưởng và thù lao của HĐQT đã thực hiện đúng theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể như sau:

ĐVT: đồng

| STT | Thành viên | Chức vụ | Lương/thưởng/thù lao |
|-----|----------------------|--------------------|----------------------|
| 1 | Nguyễn Hiếu Liêm | Chủ tịch | 180.000.000 |
| 2 | Nguyễn Quang Phi Tín | Thành viên | 120.000.000 |
| 3 | Trần Thị Thu Thảo | Thành viên độc lập | 138.000.000 |

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

"HDQT xác định nâng cao chất lượng và năng lực Quản trị Công ty là trọng tâm chiến lược. Mục tiêu là xây dựng hệ thống quản trị vững mạnh dựa trên thông lệ quốc tế và sức mạnh tổng thể của doanh nghiệp. Hệ thống này giúp kiểm soát và giám sát hoạt động hiệu quả, minh bạch và có trách nhiệm."

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tuân thủ quy định về công bố thông tin và minh bạch

- Công ty đã nghiêm túc thực hiện các quy định về công bố thông tin tại Thông tư 96/2020/TT-BTC, quy định của SGDK Hà Nội và UBCKNN.
- Công ty cam kết công khai minh bạch mọi thông tin liên quan đến hoạt động quản trị, kinh doanh và các sự kiện bất thường. Việc công bố thông tin được thực hiện đúng thời hạn quy định, đảm bảo quyền lợi cho tất cả cổ đông và nhà đầu tư.
- Để nâng cao tính minh bạch, Công ty đã công bố đầy đủ các văn bản nội bộ quan trọng như Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế Công bố thông tin trên Website Công ty (Mục Quan hệ nhà đầu tư, Điều lệ Quy chế). Các văn bản này được ĐHCĐ/HĐQT ban hành và đảm bảo tuân thủ theo quy định hiện hành.

Đối xử công bằng với cổ đông

Nova Consumer cam kết tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của tất cả các cổ đông, bao gồm cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài. Chúng tôi đảm bảo đối xử công bằng với tất cả các cổ đông thông qua việc công bố thông tin chính xác, minh bạch, đầy đủ và kịp thời.

Nova Consumer cam kết tổ chức ĐHCĐ thường niên hiệu quả và minh bạch. Chúng tôi đảm bảo thông báo mời họp đầy đủ thông tin, tài liệu đính kèm đến các cổ đông. Đồng thời, tài liệu họp cũng được công bố trên website để cổ đông có thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng. Cuộc họp ĐHCĐ được tiến hành theo chương trình đã đề cập trong thư mời.

Tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của cổ đông là cam kết của Nova Consumer. Trong các cuộc họp ĐHCĐ hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, cổ đông được thực hiện đầy đủ các quyền lợi của mình một cách công bằng, bao gồm: đóng góp ý kiến, đề xuất, biểu quyết các nội dung, bầu cử HĐQT. Các quyền này được quy định rõ ràng trong Điều lệ Công ty và được pháp luật Việt Nam bảo vệ.

Năm 2023, Công ty đã tổ chức thành công cuộc họp ĐHCĐ thường niên dưới hình thức họp trực tiếp ngày 28/06/2023 và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 14/04/2023 để thông qua và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHCĐ vừa đảm bảo quyền lợi của cổ đông vừa đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp về trình tự, thủ tục tổ chức/lấy ý kiến. Cụ thể, Chủ tịch HĐQT, Ban Điều hành đã trả lời các câu hỏi và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của các cổ đông; Biên bản họp/Biên bản kiểm phiếu ĐHCĐ được ghi chép chính xác, đầy đủ kịp thời theo quy định của pháp luật và được công bố kèm theo Nghị quyết của ĐHCĐ cho UBCKNN, SGDK Hà Nội và Website Công ty đúng quy định.

Đảm bảo vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT

Năm 2023, Nova Consumer sở hữu HĐQT với số lượng thành viên độc lập đáp ứng quy định. Các thành viên này có năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức cao, góp phần thúc đẩy nhận định độc lập của HĐQT và xây dựng hệ thống quản trị liêm chính, minh bạch.

MỘT SỐ ĐIỂM CẦN TIẾP TỤC CẢI THIỆN ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Với mục tiêu áp dụng và từng bước tiệm cận các chuẩn mực về QTCT của khu vực và trên thế giới, trong thời gian tới Công ty cần tiếp tục thực hiện một số công tác sau liên quan đến QTCT

Kế hoạch ngắn hạn

Website của Nova Consumer đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin minh bạch và kết nối với các bên liên quan. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tập trung phát triển website theo hướng nâng cao nội dung, cải thiện giao diện, tăng cường tương tác và bảo mật thông tin. Mục tiêu là mang đến trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng, nhà đầu tư và các đối tác, đồng thời nâng cao hình ảnh và uy tín của Nova Consumer trên thị trường.

Nova Consumer cam kết tiếp tục cập nhật, sửa đổi, bổ sung và tuân thủ các quy định về công bố và minh bạch thông tin theo yêu cầu tại Thông tư 96/2020/TT-BTC và các chuẩn mực tại thể điểm QTCT khu vực ASEAN. Chúng tôi sẽ cung cấp các thông tin kịp thời, chính xác đến cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước thông qua các kênh truyền thông chính thức của Công ty, bao gồm website, báo cáo thường niên, báo cáo tài chính.

Nâng cao năng lực QTCT là một trong những ưu tiên hàng đầu của Nova Consumer. Chúng tôi tham gia các khóa đào tạo do UBCKNN tổ chức để cập nhật kiến thức và kỹ năng quản trị tiên tiến nhất. Nova Consumer cũng cam kết áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất vào hoạt động QTCT. Để thực hiện cam kết này, chúng tôi thường xuyên cập nhật thông tin về QTCT trên thế giới, đồng thời hợp tác với các tổ chức quốc tế uy tín để xây dựng mô hình quản trị phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty Nova Consumer tin rằng việc áp dụng QTCT hiệu quả sẽ góp phần nâng cao giá trị và uy tín của Công ty trên thị trường.

Kế hoạch dài hạn

Nhằm nâng cao chất lượng QTCT, Công ty đã đặt ra các mục tiêu dài hạn cần tiếp tục tập trung triển khai và hoàn thiện trong giai đoạn tiếp theo như sau:

Nova Consumer luôn nỗ lực nâng cao hiệu quả quản trị để gia tăng giá trị cho các bên liên quan. Chúng tôi cam kết tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp giữa công ty mẹ và các công ty thành viên, đồng thời nâng cao tính tuân thủ trong toàn hệ thống.

Nova Consumer xác định vai trò quản trị tập trung là yếu tố quan trọng để đảm bảo sự phát triển đồng bộ và hiệu quả của toàn hệ thống. Chúng tôi sẽ tập trung hỗ trợ các công ty thành viên trong các lĩnh vực tài chính, nhân sự - đào tạo, công nghệ thông tin, thương hiệu, đầu tư, xây dựng cơ bản.

Thường xuyên cập nhật kiến thức, thông lệ quốc tế về QTCT trong và ngoài nước để vận dụng vào thực tiễn hoạt động của Nova Consumer.

Áp dụng Công cụ Thể điểm QTCT Khu vực Asean để nâng cao năng lực và thực hành QTCT của Công ty tại Việt Nam và vươn ra khu vực.

Đẩy mạnh công tác QLRR, tuân thủ và KTNB để cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động quản trị doanh nghiệp.

Nova Consumer luôn tiên phong trong việc áp dụng các phương pháp quản trị tiên tiến, bao gồm công tác QTRR. Công ty đã xây dựng một hệ thống QTRR toàn diện, bao gồm các quy trình, công cụ và phương pháp để xác định, đánh giá và kiểm soát rủi ro. Ban lãnh đạo Công ty luôn cam kết thực hiện QTRR một cách hiệu quả và thường xuyên cập nhật hệ thống QTRR để phù hợp với môi trường kinh doanh thay đổi. Nhờ vậy, Nova Consumer đã có thể giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Hoạt động QTRR tại Công ty hướng đến các mục tiêu:

- Kịp thời nhận diện rủi ro và khai thác các cơ hội, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động;
- Tăng cường năng lực trong việc ra quyết định, lập kế hoạch trên cơ sở hiểu biết thấu đáo về hoạt động và môi trường kinh doanh, cơ hội và thách thức của Công ty;
- Bảo vệ và tăng cường tài sản cũng như hình ảnh Nova Consumer;
- Phân định rõ ràng trách nhiệm sở hữu và QTRR, xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro liên tục trong toàn Công ty.

NHẬN DIỆN RỦI RO

Trong bối cảnh kinh tế hiện nay, cùng với các hoạt động kinh doanh của Nova Consumer, các rủi ro và mức độ ảnh hưởng đã được Ban lãnh đạo xác định bao gồm:

| Các rủi ro trọng yếu | Đánh giá mức độ rủi ro |
|---|------------------------|
| Rủi ro tài chính | |
| Rủi ro kinh tế | Trung bình |
| Rủi ro tỷ giá | Cao |
| Rủi ro lãi suất | Cao |
| Rủi ro đặc thù ngành | |
| Rủi ro về thị trường | Cao |
| Rủi ro cạnh tranh | Trung bình |
| Rủi ro nguyên liệu đầu vào | Trung bình |
| Rủi ro về dịch bệnh và sự biến đổi khí hậu | Cao |
| Rủi ro hoạt động | |
| Rủi ro pháp luật | Trung bình |
| Rủi ro nguồn nhân lực | Thấp |
| Rủi ro mua bán, sáp nhập (M&A) | Thấp |
| Rủi ro thương hiệu | Thấp |
| Rủi ro môi trường – xã hội | |
| Rủi ro ô nhiễm và sự cố môi trường | Trung bình |
| Rủi ro an toàn và sức khỏe người lao động | Thấp |
| Rủi ro sự cố chất lượng, an toàn thực phẩm, trách nhiệm cộng đồng | Thấp |
| Rủi ro khác | Thấp |

PHÂN TÍCH VÀ QUẢN TRỊ CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro kinh tế

Năm 2023, Việt Nam ghi nhận nhiều biến động khó lường tác động mạnh mẽ đến kinh tế - xã hội. Xung đột quân sự Nga – Ukraine và các bất ổn chính trị tại một số quốc gia đã gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế toàn cầu. Giá cả nguyên liệu đầu vào tăng cao, gián đoạn chuỗi cung ứng, suy thoái kinh tế ở một số quốc gia là những hệ quả tiêu biểu. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu là những vấn đề dai dẳng gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, du lịch và đời sống người dân.

Theo Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2023 tăng 5,05% so với năm trước. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.

Ngành chăn nuôi Việt Nam đang chung tay nỗ lực giải quyết các vấn đề gặp phải và đặt mục tiêu phục hồi và tăng trưởng nhờ vào chiến lược phát triển hiệu quả của các cấp, các ngành và người chăn nuôi. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, ngành chăn nuôi và hàng hóa tiêu dùng vẫn còn khó khăn do ảnh hưởng từ nhu cầu tiêu dùng thực phẩm của người dân sụt giảm do ảnh hưởng của lạm phát, lãi suất cho vay và tỷ giá ngoại tệ. Nhiều doanh nghiệp buộc phải giảm quy mô sản xuất, cắt giảm lao động do chi phí nhập khẩu nguyên liệu tăng cao. Hệ quả là sức tiêu thụ thị trường tại các khu công nghiệp giảm mạnh, tác động tiêu cực đến các doanh nghiệp trong ngành thực phẩm.

Nền kinh tế luôn biến động, và những biến động này có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhận thức được điều này, Công ty luôn theo sát và đánh giá thị trường một cách cẩn trọng để kịp thời đưa ra các chính sách phù hợp với diễn biến đang xảy ra

Rủi ro tỷ giá

Nova Consumer là một công ty hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi và sản xuất thức ăn chăn nuôi. Công ty nhập khẩu trực tiếp nguồn lợn từ Mỹ và New Zealand để nhân giống và lai tạo. Ngoài ra, Nova Consumer cũng nhập khẩu một số nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi. Sản phẩm thuốc thú y của Công ty cũng được xuất khẩu sang 27 quốc gia khác. Do hoạt động xuất nhập khẩu, Nova Consumer chịu ảnh hưởng bởi biến động của tỷ giá ngoại tệ. Khi tỷ giá USD tăng, chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu và con giống của Công ty sẽ tăng lên, dẫn đến lợi nhuận giảm. Ngược lại, khi tỷ giá USD giảm, lợi nhuận của Công ty sẽ tăng.

Trong năm 2023, tỷ giá đồng Việt Nam và ngoại tệ (đặc biệt là đô la Mỹ) biến động mạnh, thị trường chứng kiến USD tăng giá mạnh. Ở trong nước có thời điểm tiền VND mất giá gần 3% so với USD. Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước đã có những động thái kịp thời nhằm tạo bối cảnh thuận lợi hơn cho tăng trưởng kinh tế cũng như để nhà đầu tư nước ngoài quản lý rủi ro tỷ giá. Mảng chăn nuôi của Nova Consumer gặp phải nhiều khó khăn do nguồn thức ăn và con giống chủ yếu phụ thuộc vào nhập khẩu. Việc này khiến cho giá thành sản phẩm chăn nuôi cao, ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của ngành trên thị trường quốc tế.

Mặc dù Chính phủ luôn ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô và Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện nhiều biện pháp điều hành chính sách tỷ giá, thị trường ngoại tệ vẫn chịu áp lực tăng trong thời gian tới. Nhận thức được điều này, Nova Consumer luôn chủ động theo sát tình hình biến động tỷ giá để có thể kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp.

Rủi ro lãi suất

Trong năm 2023, tổng nợ phải trả vay từ các tổ chức tín dụng của Nova Consumer lên đến hơn 1.380 tỷ đồng. Lãi suất thị trường là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chi phí tài chính của doanh nghiệp. Khi lãi suất thị trường biến động, đặc biệt là khi tăng cao, có thể dẫn đến những ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

Trước những tác động tiêu cực của nền kinh tế, Ngân hàng Nhà nước đã chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung nhiều cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân. Một trong những giải pháp quan trọng là giảm lãi suất cho vay. Việc giảm lãi suất cho vay giúp giảm bớt áp lực lên khả năng cân đối dòng tiền trả lãi và nợ gốc của doanh nghiệp và người dân. Nhờ vậy, Công ty có thể dành nhiều nguồn lực hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và chỉ tiêu thiết yếu.

Trong năm 2024, mức lãi suất điều hành dự kiến duy trì ở mức thấp, giảm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Nova Consumer. Tuy nhiên, Công ty thường xuyên theo dõi biến động lãi suất trên thị trường để có thể chủ động đưa ra những kế hoạch kinh doanh, phương án phòng ngừa rủi ro phù hợp với nhu cầu vay thực tế và diễn biến chung của thị trường.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Nova Consumer là doanh nghiệp chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động ngành nông nghiệp, là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, cung cấp các sản phẩm như thuốc thú y, vaccine, thức ăn gia súc và vận hành trang trại chăn nuôi. Do đặc thù hoạt động, Nova Consumer chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các tác động ảnh hưởng đến ngành nông nghiệp nói chung và ngành chăn nuôi nói riêng.

Rủi ro về thị trường

Ngành thức ăn chăn nuôi hứa hẹn nhiều kỳ vọng tăng trưởng năm 2024 với sự gia tăng nhu cầu thực phẩm thiết yếu. Tuy nhiên ngành thức ăn chăn nuôi vẫn tiềm ẩn vài rủi ro ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Thứ nhất, biến động giá năng lượng, nguyên vật liệu đầu vào ảnh hưởng tới chi phí đầu vào của ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi. Thứ hai, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành. Do nhu cầu ngày càng tăng trong nước, các đối thủ cạnh tranh đa quốc gia cũng ngày càng phổ biến trên thị trường khiến cho thị phần doanh nghiệp có thể bị thu hẹp. Thứ ba, bất ổn chính trị trên thế giới, đặc biệt là căng thẳng giữa Nga - Ukraine từ tháng 3/2022, đã gây trở ngại đáng kể đến xuất nhập khẩu, chuỗi cung ứng và giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi.

Chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi lợn của người sản xuất trong năm 2023 giảm 3,57% so với cùng kỳ năm 2022; chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi lợn tháng 12/2023 giảm 5,63% so với cùng kỳ năm trước và giảm 2,75% so với tháng trước. Giá lợn thịt hơi xuất chuồng trung bình cả năm 2023 đạt 53,8 nghìn đồng/kg thịt lợn hơi, thấp hơn 3,2 nghìn đồng so với trung bình năm 2022. Hiện giá lợn hơi đã có dấu hiệu phục hồi. Điều này cho thấy thị trường đang có nhu cầu tiêu thụ thịt lợn tăng trở lại từ sau dịp Tết Dương lịch. Giá thịt lợn hơi giảm khiến doanh thu của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Công ty QLRR áp dụng hệ thống kiểm soát chi phí hiệu quả và ứng dụng Khoa học - Kỹ thuật - Công nghệ để nâng cao năng suất. Nhờ đó, Công ty đảm bảo chất lượng sản phẩm nhất quán, giảm thiểu rủi ro khi giá nguyên vật liệu đầu vào tăng. Việc kiểm soát chi phí và chất lượng giúp Công ty nâng cao hiệu quả hoạt động và lợi nhuận. Công ty QLRR tập trung phát triển mô hình 3F và hàng tiêu dùng. Đồng thời, Công ty từng bước đa dạng hóa thị trường tiêu thụ sản phẩm, tập trung vào những phân khúc sản phẩm có sức tiêu thụ cao. Việc đa dạng hóa thị trường tiêu thụ giúp Công ty giảm thiểu rủi ro, gia tăng đầu ra cho mảng nông nghiệp, nâng cao doanh thu và mở rộng biên lợi nhuận.

Rủi ro về cạnh tranh

Nông nghiệp Việt Nam hiện nay đang trong quá trình hội nhập sâu vào kinh tế thế giới với quy mô sản xuất nhỏ lẻ. Thực trạng này khiến cho ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

- Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Châu Âu (EVFTA) chính thức có hiệu lực, giúp nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu vào EU được hưởng ưu đãi lớn về thuế.

- Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) được ký kết đã mở ra cục diện tích cực vì thị trường được mở rộng, thuế quan được ưu đãi, hiệu quả kinh tế cao hơn khi đứng trước cơ hội mở cửa thị trường; dòng chảy đầu tư, công nghệ, trao đổi hợp tác cũng được nâng cao.

Hội nhập kinh tế gia tăng áp lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp trong nước như Nova Consumer. Khi hàng rào thuế quan được gỡ bỏ, các doanh nghiệp phải đối mặt với sự khốc liệt của thị trường, với các hàng rào kỹ thuật, phí thuế quan và thậm chí là bảo hộ mậu dịch. Để tồn tại và phát triển, Công ty cần nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

Chăn nuôi trang trại gia súc, thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y - vaccine là mảng kinh doanh trọng yếu trong lĩnh vực nông nghiệp của Nova Consumer. Mảng này đóng góp lớn vào doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Khả năng gia nhập thị trường của các doanh nghiệp mới chưa có kinh nghiệm thường thấp. Tuy nhiên, Nova Consumer luôn đổi mới và tìm kiếm hướng đi riêng để mở rộng thị phần. Dung sai thị trường tiêu thụ vẫn còn lớn và còn nhiều dư địa phát triển. Đây là cơ hội cho Nova Consumer để tăng trưởng trong tương lai.

Bên cạnh lĩnh vực nông nghiệp, Nova Consumer đang từng bước định hướng mở rộng sang lĩnh vực sản xuất và phân phối hàng tiêu dùng nhanh. Đây là một thị trường tiềm năng với nhu cầu cao của người tiêu dùng Việt Nam. Tuy nhiên, lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng nhanh tại Việt Nam có sự cạnh tranh sôi động với nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước. Nova Consumer sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức như: Cạnh tranh về thương hiệu, cạnh tranh về giá cả, cạnh tranh về hệ thống phân phối. Nova Consumer có thể tận dụng lợi thế về nguồn nguyên liệu từ mảng nông nghiệp để tạo ra sản phẩm khác biệt và cạnh tranh.

Nova Consumer luôn đầu tư cho việc nghiên cứu phát triển sản phẩm, các chiến lược hậu mãi và quảng cáo. Nova Consumer chú trọng phát triển hệ thống phân phối rộng khắp, giúp sản phẩm của Công ty dễ dàng tiếp cận người tiêu dùng. Nhờ đó, Công ty có thể cung cấp sản phẩm chất lượng cao, dịch vụ khách hàng tốt và tiếp cận hiệu quả đến khách hàng tiềm năng.



Rủi ro về nguyên liệu đầu vào

Hoạt động sản xuất của Nova Consumer phụ thuộc vào sự ổn định và tính hiệu quả của nguồn cung nguyên liệu. Việc thiếu hụt hoặc biến động giá cả nguyên liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng và chi phí sản xuất của Nova Consumer. Các tác động khi nguồn cung thay đổi hay sự thiếu hụt trên thị trường thế giới có thể ảnh hưởng đến số lượng, giá cả nguyên liệu đầu vào, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro, Nova Consumer cần đa dạng hóa nguồn cung nguyên liệu, tăng cường hợp tác với các nhà cung cấp uy tín và chủ động xây dựng dự trữ nguyên liệu.

Giá cả của các loại nguyên vật liệu chính chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan như: Thời tiết, môi trường, mùa vụ, biến động giá cả tiêu dùng, tỷ giá hối đoái, những thay đổi trong chính sách của Chính phủ về nông nghiệp. Những yếu tố này có thể khiến giá nguyên liệu tăng, dẫn đến nhiều hệ quả tiêu cực cho Nova Consumer. Để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của giá nguyên liệu, Nova Consumer chú trọng tăng cường quản lý rủi ro giá nguyên liệu, đa dạng hóa nguồn cung ứng nguyên liệu.

Nova Consumer áp dụng nhiều giải pháp để quản lý rủi ro nguyên vật liệu, củng cố và thiết lập các mối quan hệ bền vững với các nhà cung cấp uy tín để đảm bảo nguồn cung nguyên liệu cả về chất lượng và số lượng. Công ty cũng áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong biến động giá.

**Rủi ro về dịch bệnh và sự biến đổi của khí hậu**

Biến đổi khí hậu và dịch bệnh là những rủi ro chung mà tất cả các công ty trong ngành đều phải đối mặt. Những rủi ro này khó có thể tránh khỏi và có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Nova Consumer.

Theo Báo cáo của Cục Thú y (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), từ đầu năm đến hết tháng 10 năm 2023, cả nước đã xảy ra 481 ổ dịch tả lợn châu Phi tại 44 tỉnh, thành phố. Đây là vấn đề đáng báo động và là thách thức lớn cho ngành chăn nuôi trong thời gian tới. Công ty luôn chú trọng công tác phòng chống dịch bệnh để đảm bảo quá trình chăn nuôi tại trang trại được diễn ra an toàn và hiệu quả. Công ty áp dụng nhiều giải pháp đồng bộ để phòng chống dịch bệnh, tổ chức tiêm vaccine cho đàn vật nuôi, tăng cường công tác vệ sinh, khử trùng chuồng trại, kiểm soát chặt chẽ quy trình chăn nuôi an toàn sinh học. Đây là yếu tố quan trọng giúp Công ty đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng cao và khắt khe của Viet G.A.P.

Nova Consumer nhận thức rõ rủi ro từ dịch bệnh và biến đổi khí hậu, và chủ động triển khai các biện pháp phòng chống hiệu quả. Nhờ vậy, Công ty có thể giảm thiểu rủi ro và đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra ổn định. Nova Consumer áp dụng nhiều giải pháp đồng bộ để phòng chống dịch bệnh, bao gồm: Đảm bảo an toàn sinh học cho tất cả các nhà máy sản xuất, trại giống và trại lợn thịt, áp dụng các biện pháp an toàn sinh học cao nhất, áp dụng các tiêu chuẩn thực hành chăn nuôi quốc tế như GLOBAL G.A.P và Viet G.A.P. Công ty cũng đã khẳng định vị thế là doanh nghiệp hàng đầu trong ngành sức khỏe vật nuôi, luôn tiên phong trong việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế và đảm bảo an toàn sinh học.

Với mô hình quản trị gồm công ty mẹ và nhiều công ty thành viên thuộc nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau và trải dài tại nhiều khu vực địa lý thì rủi ro hoạt động luôn hiện hữu tại Nova Consumer. Rủi ro hoạt động có thể gây ra nhiều tổn thất đáng kể cho Công ty, giảm doanh thu, tăng chi phí và gây tổn hại đến uy tín thương hiệu. Để giảm thiểu rủi ro hoạt động, Nova Consumer đã nâng cao hiệu quả hoạt động của các quy trình, con người và hệ thống, tăng cường kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro hiệu quả.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG**Rủi ro pháp luật**

Nova Consumer cam kết hoạt động sản xuất và kinh doanh tuân thủ nghiêm ngặt luật pháp Việt Nam, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, ... Nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường quốc tế và nâng cao khả năng xuất khẩu, Công ty luôn cập nhật và tuân thủ các bộ luật, chính sách quốc tế cũng như các quy định của quốc gia nơi hợp tác. Nắm vững và thực hiện quy trình chất lượng đạt tiêu chuẩn là chìa khóa giúp Nova Consumer xuất khẩu sản phẩm một cách thuận lợi và hiệu quả.

Với đặc thù kinh doanh thực phẩm, Nova Consumer luôn tuân thủ và đáp ứng nghiêm ngặt các quy định, chính sách của thị trường khách hàng. Công ty chủ động cập nhật và áp dụng các luật và bộ luật mới được sửa đổi, điều chỉnh tại Việt Nam nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh tuân thủ pháp luật, phù hợp với xu thế thị trường và tạo điều kiện cho sự phát triển lâu dài.

Ban lãnh đạo Nova Consumer luôn đề cao việc tuân thủ pháp luật. Do đó, Công ty đã thành lập bộ phận pháp chế chuyên trách theo dõi, cập nhật và điều chỉnh nội dung phù hợp với các quy định pháp luật mới nhất. Sau mỗi lần điều chỉnh, nội dung mới sẽ được phổ biến đến toàn bộ công nhân viên nhằm đảm bảo mọi người đều nắm bắt và thực hiện đúng các điều khoản pháp luật hiện hành.

Rủi ro về nguồn nhân lực

Ngành sản xuất đặc trưng bởi nhu cầu nhân lực cao và biến động liên tục về nguồn cung ứng lao động. Do đó, rủi ro thiếu hụt nhân lực luôn là mối lo ngại thường trực đối với các doanh nghiệp trong ngành, bao gồm cả Nova Consumer.

Để giảm thiểu rủi ro thiếu hụt nhân lực, Nova Consumer đã áp dụng nhiều chiến lược hiệu quả. Công ty luôn chuẩn bị sẵn sàng phương án tuyển dụng dự phòng để ứng phó với các tình huống bất ngờ. Bên cạnh đó, Nova Consumer cũng xây dựng chính sách lương thưởng và phúc lợi cạnh tranh, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và năng động để thu hút và giữ chân nhân tài.



Rủi ro mua bán, sáp nhập (M&A)

Sự khác biệt về môi trường văn hóa giữa Nova Consumer và các công ty thành viên là một vấn đề cần được quan tâm khi thực hiện đầu tư. Sự xáo trộn của nguồn nhân lực trung và cao cấp có thể xảy ra do sự khác biệt trong cách quản lý, quy trình làm việc và mục tiêu chiến lược. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội để tạo ra các giá trị cộng hưởng. Việc kết hợp các nền văn hóa khác nhau có thể giúp Nova Consumer học hỏi những kinh nghiệm mới, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tạo ra lợi thế cạnh tranh.

Nova Consumer luôn đề cao sự chuyên nghiệp trong hoạt động M&A. Công ty sở hữu quy trình M&A bài bản, với việc xác định mục tiêu rõ ràng, đánh giá tiềm năng công ty mục tiêu một cách cẩn trọng và đưa ra mức giá đầu tư hợp lý. Bí quyết thành công của Nova Consumer trong M&A chính là quy trình chiến lược được xây dựng hoàn chỉnh và hiệu quả. Quy trình này bao gồm: lên kế hoạch chi tiết, đánh giá sự phù hợp giữa hai công ty, và xử lý hiệu quả các vấn đề sau M&A như kết hợp văn hóa doanh nghiệp, quy trình quản lý và nhân sự. Nhờ vậy, Nova Consumer luôn đảm bảo giá trị doanh nghiệp được gia tăng và đạt được những lợi ích như kỳ vọng.



Rủi ro thương hiệu

Nova Consumer luôn đối mặt với rủi ro từ việc lan truyền thông tin sai sự thật. Những thông tin này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến lòng tin của khách hàng, cổ đông, đối tác, cộng đồng, và tác động đến nhu cầu sử dụng sản phẩm của Công ty. Rủi ro này có thể dẫn đến tổn thất tài chính và ảnh hưởng đến thương hiệu mà Nova Consumer đã dày công xây dựng. Tuy nhiên, với hơn 30 năm kinh nghiệm và uy tín, thương hiệu vững mạnh, Nova Consumer có khả năng kiểm soát rủi ro này ở mức thấp.

Nhận thức tầm quan trọng của thương hiệu, Nova Consumer luôn chú trọng công tác quản trị rủi ro liên quan đến lĩnh vực này. Các cán bộ quản lý được giao nhiệm vụ trọng tâm trong việc bảo vệ tài sản vô hình này. Nova Consumer cam kết tuân thủ quy định pháp luật về công bố thông tin, đảm bảo tính đầy đủ, minh bạch và kịp thời cho mọi thông tin, bao gồm cả thông tin thường xuyên và bất thường.

RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro đã nêu, Nova Consumer còn phải đối mặt với các yếu tố bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai. Những rủi ro này có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và lợi nhuận của Công ty. Nhằm giảm thiểu thiệt hại, Nova Consumer luôn chủ động đề phòng, xây dựng giải pháp ứng phó kịp thời và nâng cao ý thức của cán bộ công nhân viên. Công ty thường xuyên tổ chức tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh và huấn luyện phòng cháy chữa cháy để đảm bảo an toàn cho con người và tài sản.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI

Rủi ro ô nhiễm và sự cố môi trường

Trong quá trình hoạt động của Công ty, đặc biệt là hoạt động chăn nuôi, tạo ra lượng chất thải khổng lồ, khả năng gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng nếu không có biện pháp kiểm soát chặt chẽ. Vấn đề này không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe dân gia súc mà còn tác động tiêu cực đến hình ảnh và kết quả kinh doanh của Công ty.

Nhằm giải quyết vấn đề chất thải, Nova Consumer đã áp dụng quy trình sản xuất chăn nuôi khép kín, tuân thủ tiêu chuẩn sản xuất của Việt Nam và quốc tế. Song song đó, Công ty luôn chú trọng bảo vệ môi trường, tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Chất thải được lưu giữ và xử lý theo quy trình khép kín, đạt chuẩn, đồng thời ứng dụng công nghệ hiện đại để giảm thiểu rủi ro.

Rủi ro an toàn và sức khỏe người lao động

Do đặc thù kinh doanh chính trong lĩnh vực nông nghiệp, rủi ro về các sự cố lao động tại Nova Consumer tuy không thường xuyên xảy ra nhưng lại có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng người lao động và dẫn đến trách nhiệm pháp lý cho Công ty. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, Nova Consumer luôn ưu tiên hàng đầu việc đảm bảo an toàn và sức khỏe cho đội ngũ nhân viên của mình.

Nova Consumer không chỉ tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn sức khỏe lao động như khám sức khỏe, trang bị bảo hộ, tập huấn... mà còn đầu tư mạnh mẽ vào dây chuyền sản xuất và công cụ thiết bị hiện đại. Việc áp dụng công nghệ tiên tiến giúp giảm thiểu rủi ro sự cố, hạn chế tối đa công việc nguy hiểm và độc hại, đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho người lao động.

Rủi ro sự cố chất lượng, an toàn thực phẩm, trách nhiệm cộng đồng

Rủi ro về chất lượng sản phẩm luôn hiện hữu trong ngành nông nghiệp và thực phẩm, thậm chí có thể gây nguy hại cho người tiêu dùng. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến Nova Consumer, không chỉ về mặt tài chính mà còn là uy tín và niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, Nova Consumer luôn chú trọng xây dựng hệ thống sản xuất và kiểm soát chất lượng chặt chẽ, ứng dụng công nghệ và công cụ quản trị tiên tiến để tạo ra sản phẩm chất lượng tốt, đáp ứng cam kết và thông tin trên bao bì và truyền thông.



06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp Phát triển bền vững
Mục tiêu Phát triển bền vững
Tiêu chuẩn của báo cáo và cam kết Phát triển bền vững
Tiêu chí Phát triển bền vững
Gắn kết với các bên liên quan
Trách nhiệm đối với người lao động
Trách nhiệm đối với môi trường
Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương



Nova Consumer xác định mô hình PTBV là yếu tố chiến lược giúp gia tăng sức cạnh tranh và hướng đến phát triển bền vững trong tương lai. Công ty cam kết thực hiện QLRR một cách hiệu quả để mang lại giá trị bền vững cho khách hàng, cổ đông, đồng thời tạo ra nhiều tiềm năng kinh doanh mới. Nova Consumer luôn tiên phong trong việc áp dụng các nguyên tắc phát triển bền vững vào chiến lược kinh doanh. Chúng tôi cam kết sử dụng công nghệ tiên tiến, nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn và có quy trình thẩm định rõ ràng để đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định về môi trường và xã hội. Nova Consumer sử dụng nguyên vật liệu có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng và an toàn cho người tiêu dùng, đồng thời tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường. Công ty đã thành lập đội ngũ chuyên trách để kiểm soát các hoạt động có nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường và xã hội, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Chúng tôi thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động thiết thực, hướng đến lợi ích của cộng đồng và nhân viên. Chúng tôi tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn, công bằng, cùng với thu nhập xứng đáng và các chế độ phúc lợi tốt, giúp nhân viên phát triển bản thân và an tâm công tác. Nova Consumer đề cao đạo đức kinh doanh, sử dụng tài nguyên hiệu quả, bảo vệ môi trường, và hướng đến xây dựng chuỗi cung ứng bền vững. Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình thiện nguyện, hỗ trợ giáo dục, y tế, môi trường,... góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Nova Consumer luôn hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, tạo giá trị cho doanh nghiệp và đồng thời đóng góp cho cộng đồng. Chúng tôi thực hiện chiến lược PTBV bằng cách lồng ghép tích hợp các khía cạnh PTBV vào mọi hoạt động, từ khâu sản xuất đến phân phối.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chương trình Nghị sự 2030 vì sự PTBV của Liên Hợp Quốc được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh Liên Hợp Quốc từ ngày 25/09/2015 đến ngày 27/09/2015 tại New York, Hoa Kỳ. Chương trình đưa ra tầm nhìn phát triển từ năm 2015 đến năm 2030 với 17 mục tiêu PTBV, 169 chỉ tiêu cụ thể định hướng phương thức thực hiện và các quan hệ đối tác toàn cầu. Với tầm nhìn chiến lược và mong muốn kiến tạo một thế giới phát triển năng động, hài hòa và bền vững, các quốc gia trên thế giới đang tập hợp sức mạnh để xây dựng chiến lược PTBV cho giai đoạn mới. Tại Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành kế hoạch hành động cụ thể, thể hiện cam kết mạnh mẽ của đất nước trong nỗ lực chung của toàn cầu.

Gắn kết với 17 mục tiêu PTBV này, Nova Consumer xác định các mục tiêu ưu tiên trong chiến lược phát triển bền vững dựa trên mức độ tác động đến hoạt động kinh doanh tổng thể. Chúng tôi cam kết đảm bảo sự hài hòa giữa chiến lược PTBV và lợi ích của cán bộ công nhân viên.

TIÊU CHUẨN CỦA BÁO CÁO VÀ CAM KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Cam kết Phát triển bền vững của Nova Consumer là minh chứng trong việc hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững với các mục tiêu như quản trị hiệu quả, phát triển sản phẩm an toàn, chất lượng cao và thân thiện với môi trường, hỗ trợ Người nông dân tiếp cận khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Với mục tiêu trở thành tập đoàn tiên phong trong cung cấp giải pháp toàn diện và tối ưu cho người nông dân, Nova Consumer cam kết phát triển bền vững để song hành cùng tăng trưởng kinh tế. Trong môi trường hoạt động, chúng tôi luôn nỗ lực đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế khắt khe nhất nhằm mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng cao, đồng thời đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về môi trường và an toàn lao động.

Nova Consumer hướng tới mục tiêu minh bạch hóa thông tin và bảo vệ quyền lợi của các Bên liên quan. Báo cáo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ và dễ hiểu về hoạt động PTBV của Công ty, giúp các Bên liên quan đánh giá hiệu quả hoạt động và đưa ra quyết định phù hợp.

TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tiêu chí PTBV tại Nova Consumer được xác định tham chiếu với 17 mục tiêu PTBV của Liên Hợp Quốc.

| STT | Mục tiêu | Nội dung |
|-----|---|--|
| 1 | Xóa nghèo | Trong thời gian bùng phát dịch Covid-19 kéo dài, Công ty đã chủ động chuyển trạng thái từ làm việc tại văn phòng sang làm việc tại nhà (WFH) mà không cắt giảm lương, trợ cấp, đảm bảo cuộc sống ổn định cho cán bộ công nhân viên trong Công ty. |
| 2 | Xóa đói | Tặng quà cho trẻ em vùng cao, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn |
| 3 | Cuộc sống khỏe mạnh | Chung tay góp sức, ủng hộ công tác phòng - chống dịch Covid-19 của cả nước. Tổ chức, duy trì chương trình "Hiến máu tình nguyện" hàng năm với sự hưởng ứng tích cực của toàn thể nhân viên toàn hệ thống với ý nghĩa mang lại niềm vui, hy vọng sống mới cho rất nhiều sinh mệnh. Đồng thời, những chỉ dẫn như chủ động bảo vệ sức khỏe bằng cách ăn uống đầy đủ, chế độ sinh hoạt lành mạnh, áp dụng các phương pháp tăng cường sức đề kháng... cũng được Phòng Hành chính Nhân sự liên tục nhắc nhở, cảnh báo đến toàn thể CBNV. |
| 4 | Chất lượng giáo dục | Xây dựng các tủ sách tại các trường học, tặng dụng cụ học tập, cặp sách... cho trẻ em vùng cao đến trường. Xây dựng đội ngũ chuyên viên chất lượng cao thông qua các khóa đào tạo nội bộ và bên ngoài. |
| 5 | Bình đẳng giới | Không phân biệt vùng miền, không phân biệt giới trong chính sách tuyển dụng của Nova Consumer. Tỉ lệ nam nữ của Công ty: 31,76% là Nam giới và 68,24% là nữ giới. Chính sách với lao động nữ của Công ty: Tổ chức các hoạt động, tặng quà chúc mừng ngày 8/3, 20/10, có chế độ phúc lợi trong thời gian nghỉ thai sản... |
| 6 | Nước sạch và vệ sinh | Tuân thủ các quy định về nước sạch và xả thải ra môi trường |
| 7 | Năng lượng sạch và giá thành hợp lý | Ưu tiên sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện trong việc thi công lắp đặt văn phòng, chi nhánh của Công ty. Tắt các thiết bị điện khi không có nhu cầu sử dụng. Khuyến khích nhân viên đi thang bộ thay vì sử dụng thang máy. |
| 8 | Việc làm tốt và tăng trưởng kinh tế | Cung cấp các cơ hội việc làm với môi trường năng động, chuyên nghiệp, góp phần thúc đẩy nền kinh tế đất nước. Hoàn thành tốt kế hoạch tăng trưởng doanh thu cao và đóng góp hàng tỷ đồng tiền thuế cho ngân sách quốc gia |
| 9 | Công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng | Xây dựng nền tảng công nghệ trong các hoạt động tại Công ty |

| STT | Mục tiêu | Nội dung |
|-----|--|--|
| | | Dầu tư phát triển các dự án nhà ở xã hội |
| 10 | Giám bất bình đẳng | Thăm, tặng quà tri ân đến các mẹ Việt Nam anh hùng, các cụ già neo đơn, hoàn cảnh khó khăn đang sinh sống tại địa bàn. |
| 11 | Đô thị và cộng đồng bền vững | Hỗ trợ, trao tặng vật tư y tế cần thiết cho các bệnh viện, khu cách ly tập trung đồn biên phòng... |
| 12 | Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm | Công ty nghiêm túc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, công tác giám sát môi trường được thực hiện thường xuyên và định kỳ, báo cáo thường xuyên cho các ban ngành liên quan. |
| 13 | Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu | Chú trọng giảm thiểu sử dụng túi nilon, đồ nhựa khó tái chế... Khuyến khích không sử dụng vật phẩm tạo rác thải nhựa dùng 01 lần như ống hút, cốc, chén..., thay vào đó khuyến khích sáng kiến về sử dụng nguyên liệu và năng lượng sạch tại văn phòng làm việc như ống hút bằng giấy, tre, gạo, sử dụng ly chén cá nhân có thể tái sử dụng. |
| 14 | Tài nguyên nước | Sử dụng lượng nước hợp lý và tiết kiệm xuyên suốt quá trình SXKD, Tái sử dụng lượng nước đã sử dụng tại Công ty. |
| 15 | Tài nguyên đất | Quy hoạch thông minh, ưu tiên diện tích cây xanh trong việc xây dựng các nhà máy, nông trại. Tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu, xử lý ô nhiễm, đảm bảo các tiêu chuẩn, quy định về bảo vệ môi trường. |
| 16 | Hòa bình, công bằng và thể chế vững mạnh | Tiếp tục hoàn thiện quy chế lương thưởng, hệ thống kiểm toán và quản trị nội bộ, nâng cao tính minh bạch trong điều hành nhằm tạo hành lang pháp lý, hành chính cho các hoạt động Công ty, góp phần kiểm soát rủi ro hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh trong hệ thống nội bộ Công ty. |
| 17 | Hợp tác để hiện thực hóa các mục tiêu | Đồng hành cùng chủ đầu tư, khách hàng, đối tác của Công ty. |

GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nova Consumer xác định các bên liên quan là cá nhân, tổ chức chịu ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp từ hoạt động, sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Công ty đưa ra các quyết định và chiến lược phù hợp, đáp ứng nhu cầu của thị trường và tạo giá trị bền vững cho các bên liên quan.

Nova Consumer áp dụng nhiều phương thức truyền thông phù hợp với từng bên liên quan để đảm bảo minh bạch và trách nhiệm giải trình. Chúng tôi tổ chức các buổi gặp gỡ, hội thảo để trao đổi trực tiếp với các bên liên quan, cung cấp thông tin đầy đủ, cập nhật về hoạt động của Công ty trên website và các kênh truyền thông đại chúng. Công ty thực hiện khảo sát mức độ hài lòng và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên để lấy ý kiến của các bên liên quan và cung cấp các kênh liên lạc khác như email, điện thoại để tiếp nhận ý kiến phản hồi.

Nova Consumer luôn đặt mục tiêu mang đến giá trị vượt trội cho tất cả các bên liên quan. Để thực hiện điều này, chúng tôi không ngừng nỗ lực đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của họ bằng sự tận tâm và đam mê. Công ty cam kết xây dựng mối quan hệ hợp tác bền vững với các bên liên quan, cùng nhau hướng đến mục tiêu phát triển chung.

| Bên liên quan | Mối quan tâm | Hoạt động của Nova Consumer |
|---------------|--|--|
| Khách hàng | Uy tín công ty Chất lượng sản phẩm Dịch vụ Chính sách bán hàng và sau bán hàng Giá cả hợp lý | <ul style="list-style-type: none"> Giám sát chất lượng. Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình. Chính sách giá hợp lý và cạnh tranh. Quan tâm đến bộ phận Dịch vụ khách hàng, chăm sóc khách hàng. Chính sách bán hàng, hội nghị khách hàng. |
| | Tình hình kinh doanh, định hướng, chiến lược Thông tin minh bạch và bảo vệ quyền lợi cổ đông PTBV và có trách nhiệm | <ul style="list-style-type: none"> Tổ chức nhiều cuộc gặp gỡ nhà đầu tư và tham quan dự án, nhà máy. Tham gia các diễn đàn của ngành để tăng cường cơ hội chia sẻ và tiếp xúc với nhà đầu tư. Công bố thông tin minh bạch, kịp thời và đầy đủ trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Chi trả cổ tức theo các nghị quyết/ quyết định của Đại hội đồng cổ đông từng thời kỳ |
| Cộng đồng | Hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương Tác động trực tiếp và gián tiếp của Công ty đến môi trường | <ul style="list-style-type: none"> Tài trợ xây nhà đại đoàn kết, trao tặng các phần quà Tết cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Tham gia đóng góp vào các hoạt động cộng đồng của chính quyền địa phương. Tuân thủ quy trình kỹ thuật, xử lý chất thải, sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường tại các dự án. Trồng nhiều mảng xanh tại văn phòng và các dự án, nhà máy sản xuất. |
| | Đào tạo và cơ hội phát triển Chính sách phúc lợi An toàn lao động và sức khỏe Môi trường năng động, chuyên nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên tổ chức nhiều chương trình đào tạo cho nhân viên, cho cấp quản lý. Chú trọng chương trình sức khỏe và an toàn lao động cho người lao động. Quan tâm đến lương thưởng và chính sách phúc lợi cho nhân viên, xây dựng Văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc tiêu chuẩn. |

| Bên liên quan | Mối quan tâm | Hoạt động của Nova Consumer |
|------------------------------------|---|---|
| Cơ quan quản lý Nhà nước | Tuân thủ pháp luật Thực hiện nghĩa vụ Thuế Chung tay cùng cơ quan quản lý thực hiện các chương trình vì môi trường, cộng đồng | Tuân thủ tuyệt đối quy định pháp luật về QTCT và môi trường. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ Thuế |
| Nhà thầu, cung ứng, đối tác | Tôn trọng đối tác | <ul style="list-style-type: none"> • Bảo mật thông tin. • Xây dựng và duy trì mối quan hệ hiệu quả với đối tác. |
| Tổ chức tín dụng | Tình hình kinh doanh Kế hoạch, định hướng QTRR Thông tin minh bạch Bảo mật thông tin | <ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng hệ thống QTRR, quản trị tài chính, đảm bảo dòng tiền hoạt động của Công ty. • Minh bạch và bảo mật thông tin. |
| Cơ quan truyền thông | Thông tin minh bạch và chủ động | <ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng và duy trì mối quan hệ tốt với cơ quan truyền thông, đảm bảo thông tin được cập nhật đầy đủ, khách quan, kịp thời và minh bạch. • Bình tĩnh giải quyết các sự cố truyền thông một cách chuẩn mực và hợp pháp. |

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nova Consumer chú trọng đầu tư vào nguồn nhân lực, coi đây là yếu tố quyết định cho sự phát triển bền vững của Công ty. Công ty luôn quan tâm đến đời sống của cán bộ công nhân viên thông qua việc áp dụng chính sách lao động hợp lý, đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi. Nhờ vậy, tinh thần làm việc của họ được nâng cao, từ đó, họ hăng hái, chuyên cần và cống hiến nhiều hơn cho Công ty. Đây là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước và cải thiện đời sống của người lao động. Cụ thể:

- Triển khai đồng bộ các giải pháp cải tiến về việc làm và thu nhập, chủ động điều chỉnh đơn giá lương và chính sách thưởng nhằm nâng cao tính cạnh tranh;
- Minh bạch giờ công, tiền lương, các chế độ phúc lợi xã hội;
- Cải tiến môi trường làm việc năng động và chuyên nghiệp hơn;
- Cung cấp cho người lao động đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động đạt chuẩn, phù hợp với từng công việc. Nhờ vậy, người lao động có thể an tâm làm việc và cống hiến hết mình cho Công ty;
- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị. Đầu tư vào các chương trình đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng kỹ năng mềm cho cán bộ công nhân viên.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Bức tranh môi trường toàn cầu đang gây ra các hệ lụy xấu do tác động tiêu cực từ con người. Việt Nam, với vị trí địa lý và đặc điểm khí hậu, là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Năm bắt được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, Nova Consumer đã cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định về môi trường và không ngừng nỗ lực cải thiện hiệu quả hoạt động để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Nhờ vậy, trong năm 2023, Nova Consumer đã hoàn thành xuất sắc mục tiêu bảo vệ môi trường và không bị nhắc nhở hay phạt vi phạm nào.



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Nova Consumer sở hữu chuỗi cung ứng khép kín, giúp đảm bảo nguồn cung cấp nguyên vật liệu chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) luôn ổn định. Nhờ vậy, Công ty có thể kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, hạn chế tối đa việc sử dụng nguyên vật liệu không đảm bảo tiêu chuẩn, gây hại cho môi trường và cộng đồng. Đồng thời, Nova Consumer cũng luôn khuyến khích, hướng dẫn và chỉ đạo các công ty con, công ty liên kết chú trọng quản lý nguồn nguyên vật liệu, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững thông qua các hành động cụ thể như sau:

- Khuyến khích sử dụng các nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, có thể tái chế và tái sử dụng.
- Nova Consumer luôn ý thức được tầm quan trọng của việc kiểm soát chất lượng nguồn cung nguyên vật liệu. Chúng tôi lựa chọn hợp tác với các đối tác uy tín, có kinh nghiệm và năng lực cung cấp nguyên liệu đạt tiêu chuẩn chất lượng cao. Việc này giúp Nova Consumer và các công ty con, công ty liên kết tránh rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và nâng cao uy tín thương hiệu trên thị trường.

Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng trong năm 2023 là 258.883 tấn, trong đó 100% lượng nguyên vật liệu có thể tái sử dụng hoặc tái chế đều sẽ được Công ty tận dụng tối đa vào các hoạt động sản xuất kinh doanh.

QUẢN LÝ TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Nova Consumer luôn tiên phong trong việc ứng dụng các nguyên tắc PTBV vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Một trong những trọng tâm của Công ty là sử dụng năng lượng hiệu quả và tiết kiệm. Việc sử dụng năng lượng hợp lý giúp Nova Consumer giảm thiểu chi phí hoạt động, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu. Trong những năm qua, Công ty đã triển khai nhiều biện pháp tiết kiệm điện năng hiệu quả, góp phần xây dựng một môi trường sống xanh - sạch - đẹp cho thế hệ tương lai như:

-Để đảm bảo an toàn và hạn chế rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Nova Consumer luôn chú trọng kiểm tra định kỳ tình hình bố trí điện và mạng lưới điện.

-Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng và rút nguồn các thiết bị điện không cần thiết.

-Công ty đã triển khai nhiều giải pháp tiết kiệm năng lượng, trong đó có việc cải tiến hệ thống chiếu sáng. Việc thay thế các thiết bị chiếu sáng cũ bằng các thiết bị tiết kiệm năng lượng, tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên và không khí mát tự nhiên đã mang lại hiệu quả tích cực cho Công ty.

-Công ty thường xuyên thực hiện các hoạt động tuyên truyền, nhắc nhở về tiết kiệm điện. Việc tuyên truyền được thực hiện qua nhiều kênh khác nhau như thông báo nội bộ, email, bảng tin, hội nghị chuyên đề.... Nhờ vậy, thói quen và văn hóa tiết kiệm điện năng đã dần được hình thành và lan tỏa trong toàn Công ty.

Tổng khối lượng điện mà Công ty đã sử dụng trong năm là 13.804.247 kWh/năm, mức tiêu thụ này được đánh giá là phù hợp đối với tình hình hiện tại của Công ty. Đồng thời, nhờ vào giải pháp tiết kiệm năng lượng như trên, tính đến cuối năm 2023, Chúng tôi cam kết tiếp tục nỗ lực hơn nữa trong việc quản lý nhiên liệu tiêu hao nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính, góp phần bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Nova Consumer luôn hướng đến phát triển bền vững và đồng hành cùng cộng đồng xây dựng một tương lai xanh cho thế hệ sau.

QUẢN LÝ TIÊU THỤ NƯỚC

Nova Consumer luôn hướng đến phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. Một trong những nỗ lực của Công ty là sử dụng nước hiệu quả và tiết kiệm. Nước là nguồn tài nguyên quý giá và cần được sử dụng hợp lý để bảo vệ cho thế hệ sau. Để đạt được mục tiêu này, Nova Consumer đã triển khai nhiều giải pháp như:

-Kiểm tra nguồn nước phải được khóa kỹ lưỡng sau khi sử dụng xong.

-Tái sử dụng nước nếu vẫn còn sử dụng được cho sinh hoạt, sản xuất.

-Kiểm tra hệ thống nước định kỳ nếu có dấu hiệu bất thường về định mức, đảm bảo đã đóng chặt van nước sau khi sử dụng.

-Tìm kiếm thêm các biện pháp thay thế, thay đổi quy trình sản xuất để tiếp tục có các giải pháp tích cực cho môi trường.

Tổng lượng nước tiêu thụ cho mục đích sinh hoạt trong năm là 550.574 m³. Đồng thời với các giải pháp tiết kiệm nước như trên, Công ty đã tận dụng 100% nước sau sử dụng còn có thể tái sử dụng được cho các hoạt động sinh hoạt, sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, Nova Consumer luôn ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường. Do đó, Công ty đã đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải hiện đại. Hệ thống này hoạt động hiệu quả, giúp xử lý triệt để các chất ô nhiễm trong nước thải trước khi thải ra môi trường. Nhờ vậy, Nova Consumer đã góp phần bảo vệ nguồn nước, hệ sinh thái và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng xung quanh.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Nova Consumer không chỉ chú trọng vào hoạt động kinh doanh mà còn luôn hướng về cộng đồng với tinh thần trách nhiệm cao. Chúng tôi mong muốn đóng góp một phần sức lực để chung tay xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân. Bên cạnh các hoạt động thiện nguyện, Nova Consumer luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về thuế, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế theo đúng thời gian quy định của Nhà nước. Đây là cách mà Công ty thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và góp phần vào sự phát triển chung của đất nước.

Trong nhiều năm qua, Công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của mình thông qua việc tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động địa phương, tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ xã hội, từ thiện và trao học bổng cho các học sinh nghèo hiếu học. Những hoạt động này đã góp phần nâng cao đời sống của người dân địa phương, thúc đẩy sự phát triển chung của cộng đồng.

Riêng trong năm 2023, Nova Consumer đã có nhiều hoạt động vì cộng đồng như:

- Chương trình "Xuân ấm nghĩa tình" tại ANOVA FEED đã mang đến những món quà ấm áp cho các cán bộ, nhân viên có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, Công ty còn lan tỏa các phần quà tới các cụ già neo đơn tại địa phương, bệnh nhi tại một số bệnh viện.

- Ứng hộ chương trình "Cùng Greenfeed chung tay nuôi dưỡng điều lành"

- Ứng hộ quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Bình Dương.

- Ứng hộ, người khuyết tật, trẻ mồ côi, bệnh nhân nghèo tỉnh Bình Dương.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán



14
G
T
M
H

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0301447257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 30 ngày 21 tháng 6 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| | |
|--------------------------|---|
| Ông Nguyễn Hiếu Liêm | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Quang Phi Tín | Thành viên |
| Bà Lê Hoàng Thanh Thảo | Thành viên (đến ngày 28 tháng 6 năm 2023) |
| Bà Trần Thị Thu Thảo | Thành viên độc lập |

Ủy ban Kiểm toán

| | |
|----------------------|------------|
| Bà Trần Thị Thu Thảo | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Hiếu Liêm | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|--------------------------|--|
| Ông Nguyễn Quang Phi Tín | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Vinh Huy | Giám đốc Tài chính (từ ngày 23 tháng 5 năm 2023) |
| Ông Nguyễn Minh Hải | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính (đến ngày 22 tháng 5 năm 2023) |

Người đại diện theo pháp luật

| | |
|--------------------------|---------------|
| Ông Nguyễn Quang Phi Tín | Tổng Giám đốc |
|--------------------------|---------------|

Trụ sở chính

315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ
Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí
Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các số sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 71. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 71.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0819-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Trần Văn Thắng
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3586-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán HCM15354
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | 2023 VND | 2022 VND |
| 100 | TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 2.053.080.473.606 | 2.550.678.656.958 |
| 110 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 294.901.008.976 | 177.059.895.437 |
| 111 | Tiền | | 277.784.420.933 | 160.629.791.173 |
| 112 | Các khoản tương đương tiền | | 17.116.588.043 | 16.430.104.264 |
| 120 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | 26.200.470.095 | 33.700.470.095 |
| 121 | Chứng khoán kinh doanh | | 470.095 | 470.095 |
| 123 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5(a) | 26.200.000.000 | 33.700.000.000 |
| 130 | Các khoản phải thu ngắn hạn | | 945.080.302.111 | 1.465.182.319.492 |
| 131 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6(a) | 578.749.531.609 | 548.105.591.529 |
| 132 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 7(a) | 89.817.891.858 | 70.204.862.967 |
| 135 | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 8 | 577.560.520.000 | 620.260.833.373 |
| 136 | Phải thu ngắn hạn khác | 9(a) | 251.684.117.466 | 243.773.443.413 |
| 137 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 10 | (552.731.758.822) | (17.162.411.790) |
| 140 | Hàng tồn kho | 11 | 748.423.338.816 | 823.740.542.035 |
| 141 | Hàng tồn kho | | 753.652.661.689 | 828.230.318.822 |
| 149 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (5.229.322.873) | (4.489.776.787) |
| 150 | Tài sản ngắn hạn khác | | 38.475.353.608 | 50.995.429.899 |
| 151 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 12(a) | 13.814.571.211 | 27.735.927.994 |
| 152 | Thuế Giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ | 18(a) | 2.758.504.517 | 2.630.134.071 |
| 153 | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 18(a) | 21.902.277.880 | 20.629.367.834 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)


| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|------------|-----------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | 2023 VND | 2022 VND |
| 200 | TÀI SẢN DÀI HẠN | | 1.822.920.105.173 | 2.596.509.176.954 |
| 210 | Các khoản phải thu dài hạn | | 290.205.606.929 | 692.043.417.689 |
| 211 | Phải thu dài hạn của khách hàng | 6(b) | - | 12.711.888.000 |
| 212 | Trả trước cho người bán dài hạn | 7(b) | 152.000.000.000 | 152.000.000.000 |
| 216 | Phải thu dài hạn khác | 9(b) | 475.205.606.929 | 527.331.529.689 |
| 219 | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 10 | (337.000.000.000) | - |
| 220 | Tài sản cố định | | 964.145.667.241 | 1.142.312.346.970 |
| 221 | Tài sản cố định hữu hình | 13(a) | 828.166.182.170 | 1.015.055.985.899 |
| 222 | Nguyên giá | | 1.390.655.308.601 | 1.567.111.396.131 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (562.489.126.431) | (552.055.410.232) |
| 224 | Tài sản cố định thuê tài chính | 13(b) | 21.404.203.627 | - |
| 225 | Nguyên giá | | 22.962.066.127 | - |
| 226 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (1.557.862.500) | - |
| 227 | Tài sản cố định vô hình | 13(c) | 114.575.281.444 | 127.256.361.071 |
| 228 | Nguyên giá | | 161.347.837.207 | 166.828.936.432 |
| 229 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (46.772.555.763) | (39.572.575.361) |
| 240 | Tài sản dở dang dài hạn | | 85.341.746.781 | 160.279.257.664 |
| 242 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 14 | 85.341.746.781 | 160.279.257.664 |
| 250 | Đầu tư tài chính dài hạn | | 165.385.468.426 | 156.279.356.226 |
| 252 | Đầu tư vào công ty liên kết | 5(b) | 102.597.928.360 | 99.759.370.230 |
| 253 | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 5(c) | 68.123.284.778 | 68.123.284.778 |
| 254 | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 5(c) | (5.335.744.712) | (11.603.298.782) |
| 260 | Tài sản dài hạn khác | | 317.841.615.796 | 445.594.798.405 |
| 261 | Chi phí trả trước dài hạn | 12(b) | 221.235.273.617 | 242.871.769.177 |
| 262 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 23 | 4.282.720.602 | 4.918.193.161 |
| 269 | Lợi thế thương mại | 15 | 92.323.621.577 | 197.804.836.067 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 3.876.000.578.779 | 5.147.187.833.912 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)


| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|------------|-------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | 2023 VND | 2022 VND |
| 300 | NỢ PHẢI TRẢ | | 1.939.275.219.398 | 2.159.887.098.423 |
| 310 | Nợ ngắn hạn | | 1.639.932.217.202 | 1.666.367.438.345 |
| 311 | Phải trả người bán ngắn hạn | 16 | 358.406.105.934 | 458.623.092.288 |
| 312 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 17 | 28.518.943.999 | 48.303.777.064 |
| 313 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 18(b) | 27.123.842.930 | 25.082.978.840 |
| 314 | Phải trả người lao động | 19 | 21.071.941.092 | 17.714.286.488 |
| 315 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 20 | 35.708.310.506 | 64.195.540.324 |
| 318 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | | 106.297.504 | - |
| 319 | Phải trả ngắn hạn khác | 21 | 15.980.411.593 | 14.527.874.528 |
| 320 | Vay ngắn hạn | 22(a) | 1.146.258.804.021 | 1.029.801.019.259 |
| 321 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | | 1.665.802.231 | - |
| 322 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 5.091.757.392 | 8.118.869.554 |
| 330 | Nợ dài hạn | | 299.343.002.196 | 493.519.660.078 |
| 338 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 22(b) | 234.914.477.483 | 387.347.875.000 |
| 341 | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 23 | 58.503.034.478 | 100.856.337.148 |
| 342 | Dự phòng phải trả dài hạn | | 5.925.490.235 | 5.315.447.930 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|-------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | 2023 VND | 2022 VND |
| 410 | Vốn chủ sở hữu | | 1.936.725.359.381 | 2.987.300.735.489 |
| 411 | Vốn góp của chủ sở hữu | 24, 25 | 1.197.843.250.000 | 1.197.843.250.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 1.197.843.250.000 | 1.197.843.250.000 |
| 412 | Thặng dư vốn cổ phần | 25 | 426.598.785.061 | 426.598.785.061 |
| 414 | Vốn khác của chủ sở hữu | 25 | (3.772.154.614) | (3.772.154.614) |
| 418 | Quỹ đầu tư phát triển | 25 | 70.988.004.240 | 69.831.535.979 |
| 421 | Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối | 25 | 224.549.770.748 | 1.227.637.626.401 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước | | 1.154.748.538.737 | 953.896.656.005 |
| 421b | - (Lỗ sau thuế)/LNST chưa phân phối của năm nay | | (930.198.767.989) | 273.740.970.396 |
| 429 | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 25 | 20.517.703.946 | 69.161.692.662 |
| 440 | TỔNG NGUỒN VỐN | | 3.876.000.578.779 | 5.147.187.833.912 |


Đỗ Thị Mỹ Nhung
Người lập kiêm Kế toán trưởng





Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

| Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm | |
|--------------|---|---|---------------------|
| | | 2023 VND | 2022 VND |
| 01 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 4.421.981.471.427 | 5.211.375.178.285 |
| 02 | Các khoản giảm trừ doanh thu | (280.142.748.449) | (331.002.672.356) |
| 10 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 28 4.141.838.722.978 | 4.880.372.505.929 |
| 11 | Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 29 (3.742.610.220.245) | (4.366.461.679.354) |
| 20 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 399.228.502.733 | 513.910.826.575 |
| 21 | Doanh thu hoạt động tài chính | 30 56.127.943.623 | 263.790.604.601 |
| 22 | Chi phí tài chính | 31 (170.656.574.943) | (113.968.254.278) |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | 31 (101.783.232.612) | (75.758.096.637) |
| 24 | Phân lãi trong công ty liên kết | 5(b) 28.544.595.325 | 30.298.764.449 |
| 25 | Chi phí bán hàng | 32 (182.821.528.701) | (187.976.275.439) |
| 26 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 33 (1.040.763.538.786) | (193.904.956.410) |
| 30 | (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | (910.340.600.749) | 312.150.709.498 |
| 31 | Thu nhập khác | 34 6.277.613.866 | 46.043.313.675 |
| 32 | Chi phí khác | 34 (44.063.687.383) | (3.079.751.043) |
| 40 | (Lỗ)/lợi nhuận khác | (37.786.073.517) | 42.963.562.632 |
| 50 | Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế | (948.126.674.266) | 355.114.272.130 |
| 51 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành | 35 (44.521.139.203) | (24.229.664.188) |
| 52 | Thuế TNDN hoãn lại | 35 41.717.830.111 | (57.330.322.013) |
| 60 | (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN | (950.929.983.358) | 273.554.285.929 |
| Phân bổ cho: | | | |
| 61 | Cổ đông của Công ty | (930.198.767.989) | 273.740.970.396 |
| 62 | Cổ đông không kiểm soát | (20.731.215.369) | (186.684.467) |
| 70 | (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu | 26(a) (7.766) | 2.225 |
| 71 | (Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu | 26(b) (7.766) | 2.225 |


Đỗ Thị Mỹ Nhung
Người lập kiêm Kế toán trưởng




Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm | |
|---|---|---|---------------------|
| | | 2023 VND | 2022 VND |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | (Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế | (948.126.674.266) | 355.114.272.130 |
| Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| 02 | Khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại | 36 113.074.143.061 | 112.421.274.573 |
| 03 | Trích lập các khoản dự phòng | 969.317.183.584 | 18.227.246.934 |
| 04 | Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 30, 31 11.078.760.188 | (12.963.843.860) |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | (36.134.184.813) | (295.987.003.826) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 31 101.783.232.612 | 75.758.096.637 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 110.992.460.366 | 252.570.042.588 |
| 09 | Giảm/(tăng) các khoản phải thu | 73.170.471.694 | (78.149.450.417) |
| 10 | Giảm/(tăng) hàng tồn kho | 65.521.727.772 | (53.021.448.660) |
| 11 | (Giảm)/tăng các khoản phải trả | (110.407.200.285) | 115.469.282.810 |
| 12 | Giảm/(tăng) chi phí trả trước | 33.208.545.838 | (49.603.909.325) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | (102.757.934.999) | (78.404.455.713) |
| 15 | Thuế TNDN đã nộp | 18 (42.799.327.635) | (28.415.696.996) |
| 17 | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | (16.602.422.790) | (18.768.003.671) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 10.326.319.961 | 61.676.360.616 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ | (38.884.895.215) | (51.263.539.682) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 27.352.755.745 | 35.930.507.859 |
| 23 | Tiền chi cho vay | (204.403.717.000) | (1.418.762.000.000) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay | 250.854.197.000 | 842.941.000.000 |
| 25 | Tiền chi đầu tư vào công ty con | - | (793.067.072.809) |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư vào công ty con và công ty liên kết | 129.993.110.600 | 196.452.058.309 |
| 27 | Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức được chia | 50.158.761.697 | 109.622.880.065 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 215.070.212.827 | (1.078.146.166.258) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm | |
|--|---|---|---------------------|
| | | 2023 VND | 2022 VND |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | - | 494.560.204.785 |
| 33 | Tiền thu từ vay ngắn hạn, dài hạn | 3.299.536.497.511 | 4.011.570.682.375 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | (3.333.535.771.865) | (3.555.025.214.602) |
| 36 | Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | (73.551.585.535) | (14.798.732.611) |
| 40 | Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính | (107.550.859.889) | 936.306.939.947 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 117.845.672.899 | (80.162.865.695) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 4 177.059.895.437 | 257.311.245.913 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | (4.559.360) | (88.484.781) |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 4 294.901.008.976 | 177.059.895.437 |



Đỗ Thị Mỹ Nhung
Người lập kiểm Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301447257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 30 ngày 21 tháng 6 năm 2022.

Hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý), sản xuất và kinh doanh thuốc thú y, thuốc thủy sản, thuốc sát trùng; kinh doanh vắc-xin thú y; sản xuất, kinh doanh và gia công các loại thức ăn chăn nuôi và thức ăn thủy sản; chế biến các sản phẩm còn và CO₂; kinh doanh thương mại bán buôn các sản phẩm nông nghiệp; bán lẻ lương thực, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 1.911 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.837 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 12 công ty con và 3 công ty liên kết (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: có 14 công ty con và 3 công ty liên kết) được trình bày như sau:

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

| STT | Tên | Hoạt động chính | Nơi thành lập, đăng ký hoạt động | 2023 | | 2022 | |
|-----------------------|---|---|--|----------------------|--------------------------------|----------------------|--------------------------------|
| | | | | Tỷ lệ sở hữu % | Tỷ lệ quyền biểu quyết % | Tỷ lệ sở hữu % | Tỷ lệ quyền biểu quyết % |
| I. Công ty con | | | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Anova Feed | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. | Tỉnh Long An | 99,99 | 99,99 | 99,99 | 99,99 |
| 2 | Công ty Cổ phần Anova Biotech | Nghiên cứu phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên. | TP. Hồ Chí Minh | 99,80 | 99,80 | 99,80 | 99,80 |
| 3 | Tổng Công ty Mía đường II - Công ty Cổ phần | Nghiên cứu, ứng dụng khoa học vào sản xuất mía đường. | TP. Hồ Chí Minh | 94,96 | 94,96 | 94,96 | 94,96 |
| 4 | Công ty Cổ phần Anova Agri Bình Dương (Thuyết minh 3.1) | Kinh doanh đường, mặt; dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho hàng, bến bãi; trồng cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày, chăn nuôi bò sữa | Tỉnh Bình Dương | - | - | 87,98 | 92,65 |
| 5 | Công ty TNHH Một thành viên Làng Bà Lụa (Thuyết minh 3.1) | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | Tỉnh Bình Dương | - | - | 87,98 | 92,65 |
| 6 | Công ty Cổ phần Anova Tech | Kinh doanh thuốc thú y, thuốc thủy sản. | TP. Hồ Chí Minh | 85,83 | 85,83 | 85,83 | 85,83 |
| 7 | Công ty Liên doanh TNHH Anova | Sản xuất chất bổ sung cho thức ăn gia súc, thuốc phòng và trị bệnh cho ngành thú y và thủy sản. | Tỉnh Bình Dương | 57,00 | 57,00 | 57,00 | 57,00 |
| 8 | Công ty TNHH Thực phẩm Mặt Trời Mộc | Buôn bán thực phẩm | TP. Hồ Chí Minh | 99,89 | 99,89 | 99,89 | 99,89 |

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

| STT | Tên | Hoạt động chính | Nơi thành lập, đăng ký hoạt động | 2023 | | 2022 | |
|-----------------------------------|--|---|--|----------------------|--------------------------------|----------------------|--------------------------------|
| | | | | Tỷ lệ sở hữu % | Tỷ lệ quyền biểu quyết % | Tỷ lệ sở hữu % | Tỷ lệ quyền biểu quyết % |
| I. Công ty con (tiếp theo) | | | | | | | |
| 9 | Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm (trước đây là Công ty Cổ phần Thực phẩm Gia đình An Co) | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt | Tỉnh Long An | 99,30 | 99,42 | 99,30 | 99,42 |
| 10 | Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Beverages | Sản xuất và phân phối đồ uống không cồn, nước khoáng | TP. Hồ Chí Minh | 99,998 | 99,998 | 99,998 | 99,998 |
| 11 | Công ty Cổ phần Phindeli (Thuyết minh 3.2 và 3.3) | Sản xuất sản phẩm cà phê, trà | TP. Hồ Chí Minh | - | - | 98,07 | 98,87 |
| 12 | Công ty Cổ phần HKV (Thuyết minh 3.2) | Sản xuất sản phẩm cà phê, trà | TP. Hồ Chí Minh | 98,87 | 98,87 | - | - |
| 13 | Công ty Cổ phần Anova Pharma | Sản xuất thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi | Tỉnh Long An | 99,67 | 99,67 | 99,67 | 99,67 |
| 14 | Công ty Cổ phần Anova Farm | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu | TP. Hồ Chí Minh | 99,84 | 99,84 | 99,84 | 99,84 |
| 15 | Công ty Cổ phần Thành Nhơn | Mua bán thuốc thú y, nguyên phụ liệu thức ăn gia súc | TP. Hồ Chí Minh | 99,56 | 99,56 | 99,56 | 99,56 |
| II. Công ty liên kết | | | | | | | |
| 1 | Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie | Sản xuất thuốc thú y, thuốc sát trùng phục vụ ngành chăn nuôi | TP. Hồ Chí Minh | 30,01 | 30,01 | 30,01 | 30,01 |
| 2 | Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương VET VA CO | Sản xuất thuốc, hóa được và được liệu | TP. Hà Nội | 23,84 | 23,84 | 23,84 | 23,84 |
| 3 | Công ty Cổ phần Mía Đường Hiệp Hòa | Sản xuất thuốc và bán buôn đường ăn | Tỉnh Long An | 20,66 | 20,66 | 20,66 | 20,66 |

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý là sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh của nhiều giải đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc tài vụ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi hoặc đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày Công ty mẹ kiến soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lỗ, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các công ty và ngày kết thúc năm tài chính của Tập đoàn. Bất dãi của năm tài chính và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

Nghị quyết và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghị quyết với cổ đông không kiểm soát giống như nghị quyết các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua là tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Không có an dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu cũ tại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính không thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tài cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào các công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản tổn thất tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phân lỗ hàng liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hồ sơ liên doanh và các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lỗ hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá ghi hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trên thời gian

hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ sẽ được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ khấu hao lũy kế, và được đánh giá lớn nhất lợi thế thương mại định kỳ hàng năm. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đến hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu không được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn cụ thể của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày đến hạn thu hồi.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân giá quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Đối với ngành nông nghiệp, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang được dùng để tập hợp tổng chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của các hoạt động nuôi trồng, chế biến sản phẩm hoặc dịch vụ nông nghiệp, được hạch toán chi tiết theo ngành kinh doanh nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, chế biến...), theo địa điểm phát sinh chi phí (phần xưởng, đội sản xuất...), chi tiết theo từng loại cây con và từng loại sản phẩm, từng sản phẩm hoặc dịch vụ. Đối với chi phí chăn nuôi, được hạch toán chi tiết cho từng loại hoạt động chăn nuôi (như chăn nuôi bò, chăn nuôi lợn, chăn nuôi gà...), theo từng nhóm hoặc từng loại gia súc, gia cầm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho có lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.10 Đầu tư tài chính****(a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường của các chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi số ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu cụ thể như sau:

Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh; và

Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của chấp luật

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhưng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi xuống.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy mọi phân hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi số ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5)

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi số ban đầu.

2.11 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế hoạch và các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu, hình ảnh đến việc gia hạn nợ ở các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi số ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tái hạn thu nợ.

2.12 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HCC) là thỏa thuận giữa Tập đoàn và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hợp đồng này được kiểm soát bởi một trong số các bên. Các bên tham gia trong HCC thỏa thuận chia lợi nhuận sau thuế.

Vi HCC quy định các bên tham gia HCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của HCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, nên bản chất của HCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như đồng hiện của HCC.

(i) Nếu Tập đoàn là bên kế toán và quyết toán thuế, Tập đoàn sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến HCC, sau đó phân bổ lý lẽ doanh thu và chi phí cho các bên tham gia HCC trong kỳ.

(ii) Nếu Tập đoàn không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Tập đoàn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần được chia từ HCC.

2.13 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phân định theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao trên phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao hàng suôi thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các nhóm tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 5 - 52 năm
- Máy móc và thiết bị 3 - 10 năm
- Phương tiện vận tải 2 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 2 - 6 năm
- Cây lâu năm, gia súc 4 - 16 năm
- TSCĐ hữu hình khác 3 - 5 năm
- Phần mềm máy tính 3 - 10 năm

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.13 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)**

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân tích theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Thành lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thành lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thành lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng nhà máy, nhà xưởng và các chi phí có liên quan trực tiếp. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.14 Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại (thuần) của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn.

Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ, chi phí vật nuôi và heo giống không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ, chi phí vật nuôi và heo giống không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào TSCĐ mà hình theo chính sách kế toán ở Thuyết minh 2.13 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

2.16 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất từ ngày đến hạn thanh toán.

2.17 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất từ ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.18 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng chưa thể đưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

2.19 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị, thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cơ bản của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.20 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thống kê nguồn lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn từ đầu thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả từ các thời điểm.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân hàng tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân hàng tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (liếp theo)**2.21 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cung cấp dịch vụ, cho thuê tài sản. Tập đoàn ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phân nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm là chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.22 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

2.23 Phân phối lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chi tiêu của Tập đoàn.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên.

2.24 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua,
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa,
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn,
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán tương bào với kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn,
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó,
- Xác định được chi phí phát sinh để hoàn thành tại ngày của bằng căn cứ kế toán hợp nhất, và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

(a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó,

(b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.25 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm lễ thu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu dài với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bằng căn cứ kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

2.26 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.27 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các chi: chi lãi vay, chi phí phát sinh từ hoạt động đi vay, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn, lỗ tỷ giá hối đoái và chiế: khấu thanh loan

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.28 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

2.29 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2.30 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.31 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm các công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trọng việc xem xét mối quan hệ với từng bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.32 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.33 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐỒNG KHÔNG KIỂM SOÁT**3.1 Bán Công ty Cổ phần Anova Agri Bình Dương và Công ty TNHH Một thành viên Làng Bà Lụa ("Agri Bình Dương" và "Làng Bà Lụa")**

Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 29 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn đã bán toàn bộ vốn góp tại Agri Bình Dương và Làng Bà Lụa, với tổng giá trị chuyển nhượng là 129.993.110.600 Đồng. Khoản lỗ 32.497.464.224 Đồng là chênh lệch giữa tổng giá chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 31). Theo đó, Công ty Cổ phần Anova Agri Bình Dương và công ty con của công ty này là Công ty TNHH Một thành viên Làng Bà Lụa không còn là công ty con của Tập đoàn từ ngày 29 tháng 6 năm 2023.

3.2 Giao dịch tách Công ty Cổ phần Phindeli

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 2 tháng 6 năm 2023, Công ty Cổ phần Phindeli đã hoàn tất việc tách Công ty Cổ phần Phindeli thành Công ty Cổ phần Phindeli và Công ty Cổ phần HKV với vốn điều lệ lần lượt là 59.406.000.000 Đồng và 20.594.000.000 Đồng. Một phần cổ phần của các cổ đông cùng với tài sản tương ứng với giá trị cổ phần tại Công ty Cổ phần Phindeli được chuyển sang cho Công ty Cổ phần HKV theo tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Phindeli.

3.3 Bán Công ty Cổ phần Phindeli

Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 1 tháng 7 năm 2023, Tập đoàn đã bán toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Phindeli, với tổng giá chuyển nhượng là 58.738.000.000 Đồng. Khoản lỗ 6.456.872.269 Đồng là chênh lệch giữa tổng giá chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 31). Theo đó, Công ty Cổ phần Phindeli không còn là công ty con của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 7 năm 2023.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 2023 VND | 2022 VND |
|---------------------------------|-----------------|-----------------|
| Tiền mặt | 35.987.413.421 | 78.506.253.218 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 241.797.007.512 | 82.123.537.955 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 17.116.588.043 | 16.430.104.264 |
| | 294.901.008.976 | 177.059.895.437 |

(*) Bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 2,3%/năm đến 4,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 3,72%/năm đến 4,6%/năm).

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 2023 | | 2022 | |
|--------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi số | Giá gốc | Giá trị ghi số |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 26.200.000.000 | 26.200.000.000 | 33.700.000.000 | 33.700.000.000 |

Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có thời hạn đáo hạn ban đầu trên ba tháng và thời hạn còn lại không quá mười hai tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất hàng năm từ 2%/năm đến 4,9%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 3,3%/năm đến 5,6%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị là 25.500.000.000 Đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 18.000.000.000 Đồng) (Thuyết minh 22).

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

| | 2023 | | | 2022 | | |
|---|-----------------|----------------|----------|----------------|----------------|----------|
| | Giá trị ghi số | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá trị ghi số | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie | 72.374.212.053 | (*) | - | 69.535.653.923 | (*) | - |
| Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương VET VA CO (**) | 30.223.716.307 | 26.267.040.000 | - | 30.223.716.307 | 26.267.040.000 | - |
| Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa | - | (*) | - | - | (*) | - |
| | 102.597.928.360 | - | - | 99.759.370.230 | - | - |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

(**) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương VET VA CO được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM). Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 ("ngày định giá") được xác định là bình quân giá giao dịch trong 30 ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Biến động về đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

| | 2023 VND | 2022 VND |
|--------------------------------------|------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 99.759.370.230 | 98.257.042.022 |
| Phần lãi trong công ty liên kết | 28.544.595.325 | 30.298.764.449 |
| Cổ tức được chia (Thuyết minh 38(a)) | (25.706.037.195) | (28.818.897.289) |
| Chuyển từ công ty con | - | 24.222.369.833 |
| Thoái vốn công ty liên kết | - | (24.199.908.785) |
| Số dư cuối năm | 102.597.928.360 | 99.759.370.230 |

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 2023 | | | | 2022 | | | |
|--|--|----------------|-----------------|-----------------|--|----------------|------------------|------------------|
| | Tỷ lệ số hữu và quyền biểu quyết | Giá trị ghi số | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Tỷ lệ số hữu và quyền biểu quyết | Giá trị ghi số | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| | % | VND | VND | VND | % | VND | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương NAVETCO (*) | 12,18 | 33.530.784.778 | 67.424.320.187 | - | 12,18 | 33.530.784.778 | 112.911.043.520 | - |
| Tổng Công ty Mía đường I – Công ty Cổ phần | 7,96 | 34.592.500.000 | (**) | (5.335.744.712) | 7,96 | 34.592.500.000 | (**) | (11.603.298.782) |
| | | 68.123.284.778 | (5.335.744.712) | | | 68.123.284.778 | (11.603.298.782) | |

(*) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương NAVETCO được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM). Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 ("ngày định giá") được xác định là bình quân giá giao dịch trong 30 ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

(a) Ngắn hạn

| | 2023 | 2022 |
|--|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Bên thứ ba | | |
| Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution | 247.569.880.202 | 230.426.646.653 |
| Công ty Cổ Phần In Holdings | 58.738.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Nova Safe Meat | 40.442.509.540 | 49.907.316.080 |
| Khác | 228.695.687.857 | 261.651.134.841 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 3B(b)) | 3.303.454.010 | 6.120.493.955 |
| | 578.749.531.609 | 548.105.591.529 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho một số hợp đồng vay ngắn hạn (Thuyết minh 22).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán và trích lập dự phòng được trình bày tại Thuyết minh 10.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

(b) Dài hạn

| | 2023 | 2022 |
|--------------------------------|------|----------------|
| | VND | VND |
| Bên thứ ba | | |
| Công ty Cổ phần Nova Safe Meat | - | 12.711.888.000 |

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

(a) Ngân hạn

| | 2023 | 2022 |
|---|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Bên thứ ba | | |
| Enerfo Pte. Ltd. | 20.033.382.626 | - |
| Viterra B.V | 13.719.431.000 | - |
| Hong Kong Natural Resources Trading Co., Ltd. | 6.670.639.250 | 23.779.651.875 |
| Khác | 47.394.438.982 | 46.425.211.092 |
| | 89.817.891.858 | 70.204.862.967 |

(b) Dài hạn

| | 2023 | 2022 |
|--|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Bên thứ ba | | |
| Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution | 152.000.000.000 | 152.000.000.000 |

Bao gồm khoản ứng trước Công ty Cổ phần Anova Pharma chuyển cho Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution theo hợp đồng nguyên tắc Số 0111/HTPP-AFF/2022 ngày 1 tháng 11 năm 2022 về phân phối hàng hóa, phát triển sản phẩm và phát triển hệ thống phân phối với thời hạn là 2 năm kể từ ngày ký. Theo Phụ lục gia hạn ngày 15 tháng 12 năm 2023, thời gian thực hiện hợp đồng được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

| | 2023 | 2022 |
|--|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Bên thứ ba | | |
| Công ty Cổ phần Cùm Công nghiệp Anova | 554.860.520.000 | 563.281.000.000 |
| Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution | 10.000.000.000 | - |
| Khác | 12.700.000.000 | 56.979.833.373 |
| | 577.560.520.000 | 620.260.833.373 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, phải thu cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay tín chấp ngắn hạn và hưởng lãi suất 5,5%/năm đến 11%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 6%/năm đến 11%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chỉ tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn trích lập dự phòng được trình bày tại Thuyết minh 10.

9. PHẢI THU KHÁC

(a) Ngân hạn

| | 2023 | | 2022 | |
|---|-----------------|------------------|-----------------|-----------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Các khoản đặt cọc | 130.809.422.000 | - | 130.000.000.000 | - |
| Tạm ứng (*) | 45.421.491.547 | - | 55.664.419.082 | - |
| Lãi vay và lãi tiền gửi dự thu | 42.950.215.988 | (297.013.696) | 18.470.830.218 | - |
| Khoản thu các khoản bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng | 22.057.672.604 | (9.802.260.274) | 25.742.277.843 | - |
| Khác | 10.445.315.327 | - | 13.895.916.270 | (3.818.109.492) |
| | 251.684.117.466 | (10.099.273.970) | 243.773.443.413 | (3.818.109.492) |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư thể hiện khoản đặt cọc cho các bên thứ ba để mua cổ phần trong một số công ty và đầu tư dự án. Các khoản đặt cọc này sẽ được hạch toán thành các khoản đầu tư tài chính khi những giao dịch mua cổ phần này được thực hiện thành công.

(**) Bao gồm chủ yếu các khoản tạm ứng cho mục đích mua nguyên vật liệu và một số hoạt động kinh doanh khác của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, chi tiết các khoản phải thu khác ngắn hạn đã quá hạn thanh toán và trích lập dự phòng được trình bày tại Thuyết minh 10.

(b) Dài hạn

| | 2023 | | 2022 | |
|---------------------------------|-----------------|-------------------|-----------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*) | 337.000.000.000 | (337.000.000.000) | 337.000.000.000 | - |
| Ký quỹ, ký cược (**) | 138.205.606.929 | - | 190.331.529.689 | - |
| | 475.205.606.929 | (337.000.000.000) | 527.331.529.689 | - |

(*) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Nova Beverages chuyển cho Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01032022/HTKD/NVB-NVD ngày 29 tháng 3 năm 2022. Thời hạn hợp tác là 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng này. Kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân chia theo tỷ lệ thỏa thuận quy định trong hợp đồng và được thanh toán vào cuối thời hạn hợp tác cùng với hoàn trả tiền góp vốn đầu tư. Dự kiến vọng thu hồi thấp từ kết quả kinh doanh dự phòng của dự án, Ban Tổng Giám đốc của Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ số dư phải thu hợp tác đầu tư này theo nguyên tắc thận trọng.

(**) Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn chủ yếu phục vụ cho mục đích thuê trại chăn nuôi.

10. NỢ KHÓ ĐÒI

| | 2023 | | | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|----------------------|
| | Giá trị gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Thời gian quá hạn |
| | VND | VND | VND | |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi | | | | |
| Phải thu về cho vay | | | | |
| Công ty Cổ phần Cụm Công Nghiệp Anova | 527.977.520.000 | - | 527.977.520.000 | Từ 1 tháng đến 2 năm |
| Phải thu khách hàng ngắn hạn | | | | |
| Công ty Cổ phần Đại Nam Ong Biển | 6.910.000.000 | 2.073.000.000 | 4.837.000.000 | Từ 2 đến 3 năm |
| Công ty TNHH Liên doanh TopCake | 3.197.700.000 | - | 3.197.700.000 | Trên 3 năm |
| Ông Lê Hồng Phong | 2.165.989.841 | - | 2.165.989.841 | Trên 3 năm |
| Khác | 3.079.838.162 | 659.262.351 | 2.420.575.811 | Trên 6 tháng |
| Trả trước cho nhà cung cấp | | | | |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Quốc tế | 2.033.699.200 | - | 2.033.699.200 | Trên 3 năm |
| Phải thu ngắn hạn khác | | | | |
| Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà | 21.787.534.247 | 11.985.273.973 | 9.802.260.274 | Từ 6 tháng đến 2 năm |
| Khác | 594.027.392 | 297.013.696 | 297.013.696 | Từ 1 năm đến 2 năm |
| Phải thu dài hạn khác | | | | |
| Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution | 337.000.000.000 | - | 337.000.000.000 | |
| | 904.746.308.842 | 15.014.550.020 | 889.731.758.822 | |

10. NỢ KHÓ ĐÒI (tiếp theo)

| | 2022 | | | |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|-------------------|
| | Giá trị gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Thời gian quá hạn |
| | VND | VND | VND | |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán | | | | |
| Phải thu khách hàng ngắn hạn | | | | |
| Công ty Cổ phần Đại Nam Ông Biển | 6.910.000.000 | 3.455.000.000 | 3.455.000.000 | Từ 1 đến 2 năm |
| Công ty TNHH Liên doanh TopCake | 3.197.700.000 | - | 3.197.700.000 | Trên 3 năm |
| Ông Lê Hồng Phong | 2.165.989.841 | - | 2.165.989.841 | Trên 1 năm |
| Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương 1 | 1.229.827.064 | - | 1.229.827.064 | Trên 3 năm |
| Khác | 1.184.461.202 | 22.375.008 | 1.162.086.193 | Trên 1 năm |
| Trả trước cho nhà cung cấp | | | | |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Quốc tế | 2.133.699.200 | - | 2.133.699.200 | Trên 3 năm |
| Phải trả khác | | | | |
| Công ty Cổ phần Mía đường La Ngà | 5.181.330.681 | 2.390.721.189 | 2.790.609.492 | Trên 1 năm |
| Khác | 1.027.500.000 | - | 1.027.500.000 | Trên 3 năm |
| | 23.030.507.988 | 5.868.096.197 | 17.162.411.790 | |

11. HÀNG TỒN KHO

| | 2023 | | 2022 | |
|-------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Hàng mua đang đi trên đường | 13.001.841.233 | - | 10.865.324.477 | - |
| Nguyên vật liệu | 256.237.711.593 | (4.364.846.746) | 340.168.334.860 | (3.135.721.094) |
| Công cụ, dụng cụ | 10.373.886.756 | (49.574.275) | 13.226.120.539 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 422.884.684.435 | - | 382.699.761.970 | - |
| Thành phẩm | 27.463.958.678 | (193.412.288) | 57.347.653.828 | (515.841.079) |
| Hàng hóa | 23.690.578.994 | (621.489.564) | 23.923.123.148 | (838.214.614) |
| | 753.652.661.689 | (5.229.322.873) | 828.230.318.822 | (4.489.776.787) |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, một phần hàng tồn kho đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay (Thuyết minh 22).

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm như sau:

| | 2023 | 2022 |
|-------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 4.489.776.787 | 2.035.102.961 |
| Tăng dự phòng (*) | 5.112.607.913 | 2.695.187.498 |
| Tăng do mua công ty con | - | 2.290.466.761 |
| Hoàn nhập dự phòng (**) | (4.373.061.827) | (2.530.980.433) |
| Số dư cuối năm | 5.229.322.873 | 4.489.776.787 |

(*) Dự phòng được trích thêm cho hàng tồn kho chậm lưu chuyển và thời hạn sử dụng còn lại ngắn.

(**) Dự phòng được hoàn nhập cho hàng tồn kho đã trích lập dự phòng trong các năm trước nhưng được bán ra trong năm này.

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

| | 2023 | 2022 |
|---------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 3.301.147.877 | 5.421.395.827 |
| Vật nuôi | - | 10.839.793.191 |
| Khác | 10.513.423.334 | 11.474.738.976 |
| | 13.814.571.211 | 27.735.927.994 |

(b) Dài hạn

| | 2023 | 2022 |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Vật nuôi | 98.130.537.216 | 116.132.740.279 |
| Tiền thuê đất trả trước | 57.864.434.825 | 62.042.416.409 |
| Phí cơ sở hạ tầng | 41.465.721.243 | 42.738.204.384 |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 1.592.495.354 | 7.430.827.188 |
| Khác | 22.182.084.979 | 14.527.580.917 |
| | 221.235.273.617 | 242.871.769.177 |

Biến động về chi phí trả trước dài hạn năm như sau:

| | 2023 | 2022 |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 242.871.769.177 | 167.040.571.898 |
| Tăng trong năm | 119.397.515.020 | 244.049.259.457 |
| Phân bổ trong năm | (117.861.073.731) | (153.201.129.995) |
| Giảm do thoái vốn công ty con | (2.472.900.734) | - |
| Giảm khác | (20.700.036.115) | (15.016.932.183) |
| Số dư cuối năm | 221.235.273.617 | 242.871.769.177 |

13. TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cây lâu năm, gia súc | TSCĐ khác | Tổng cộng |
|---|---------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------|----------------------|---------------|-------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 | 693.954.890.669 | 723.249.607.469 | 66.133.837.293 | 34.962.515.694 | 43.188.317.526 | 5.622.227.480 | 1.567.111.396.131 |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14) | 10.353.705.105 | 511.952.282 | - | 140.800.926 | - | - | 11.006.458.313 |
| Chuyển từ hàng tồn kho | - | - | - | - | 531.907.429 | - | 531.907.429 |
| Mua trong năm | 470.000.000 | 5.914.791.049 | 993.465.455 | 247.963.833 | 15.959.234.504 | 576.964.300 | 24.162.419.141 |
| Thanh lý, nhượng bán | (52.950.000) | (26.456.417.382) | (3.728.573.573) | (792.031.870) | (7.861.498.995) | - | (38.891.471.820) |
| Giảm do thoái vốn công ty con | (81.872.017.224) | (32.513.265.152) | (17.126.010.659) | (539.400.000) | (40.995.104.558) | (219.603.000) | (173.265.400.593) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 622.853.628.550 | 670.706.668.266 | 46.272.718.516 | 34.019.848.583 | 10.822.855.906 | 5.979.588.780 | 1.390.655.308.601 |
| Khấu hao lũy kế | | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 | 206.646.504.604 | 272.131.994.847 | 38.968.489.531 | 20.122.333.693 | 10.479.759.988 | 3.706.327.569 | 552.055.410.232 |
| Khấu hao trong năm | 30.251.740.131 | 42.091.582.607 | 4.065.561.527 | 2.778.728.952 | 7.977.355.282 | 225.584.958 | 87.390.553.457 |
| Thanh lý, nhượng bán | (52.950.000) | (2.426.127.097) | (3.806.008.499) | (264.643.890) | (2.600.802.298) | - | (9.150.531.784) |
| Giảm do thoái vốn công ty con | (30.325.841.618) | (14.024.390.945) | (11.931.753.126) | (282.806.613) | (11.021.910.172) | (219.603.000) | (67.806.305.474) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 206.519.453.117 | 297.773.059.412 | 27.296.289.433 | 22.353.612.142 | 4.834.402.800 | 3.712.309.527 | 562.489.126.431 |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 | 487.308.386.065 | 451.117.612.622 | 27.165.347.762 | 14.840.182.001 | 32.708.557.538 | 1.915.899.911 | 1.015.055.985.899 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 416.334.175.433 | 372.933.608.854 | 18.976.429.083 | 11.666.236.441 | 5.988.453.106 | 2.267.279.253 | 828.166.182.170 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, TSCĐ hữu hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 550.717.367.463 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 630.693.390.037 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 22).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 80.959.646.842 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 76.176.939.109 Đồng).

13. TSCĐ (tiếp theo)

(b) TSCĐ thuê tài chính

| | Máy móc và thiết bị |
|-------------------------------|---------------------|
| | VND |
| Nguyên giá | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 | - |
| Thuê mới trong năm | 22.962.066.127 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 22.962.066.127 |
| Khấu hao lũy kế | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 | - |
| Khấu hao trong năm | 1.557.862.500 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 1.557.862.500 |
| Giá trị còn lại | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 | - |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 21.404.203.627 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, TSCĐ thuê tài chính của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 21.404.203.627 Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ công ty tài chính (Thuyết minh 22).

13. TSCĐ (tiếp theo)

(c) TSCĐ vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm | Thương hiệu | Tổng cộng |
|--|-------------------|----------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 | 98.148.465.106 | 18.813.471.326 | 49.867.000.000 | 166.828.936.432 |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14) | - | 1.126.687.503 | - | 1.126.687.503 |
| Giảm do thoái vốn công ty con | - | (74.786.728) | (6.533.000.000) | (6.607.786.728) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 98.148.465.106 | 19.865.372.101 | 43.334.000.000 | 161.347.837.207 |
| Khấu hao lũy kế | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 | 21.372.514.775 | 15.870.035.586 | 2.330.025.000 | 39.572.575.361 |
| Khấu hao trong năm | 2.309.284.257 | 728.930.781 | 4.660.050.000 | 7.698.265.038 |
| Giảm do thoái vốn công ty con | - | (8.309.636) | (489.975.000) | (498.284.636) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 23.681.799.032 | 16.590.656.731 | 6.500.100.000 | 46.772.555.763 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 | 76.775.950.331 | 2.943.435.740 | 47.536.975.000 | 127.256.361.071 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 74.466.666.074 | 3.274.715.370 | 36.833.900.000 | 114.575.281.444 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, TSCĐ vô hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 74.466.666.074 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 73.428.007.808 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 22).

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 15.039.106.650 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 14.985.506.650 Đồng).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DẪN DẪNG

Chi tiết xây dựng cơ bản dẫn đầu theo từng dự án như sau:

| | 2023 VND | 2022 VND |
|---|----------------|-----------------|
| Công trình mở rộng dây chuyền nhà máy Long An | 43.128.097.087 | 42.929.028.300 |
| Nhà máy đường ăn kiêng Phú Yên | 20.704.671.635 | 20.620.671.635 |
| Nâng cấp nhà máy An Co | 1.204.920.000 | 9.475.733.953 |
| Nhà máy sản xuất cà phê Phindeli | - | 61.104.184.101 |
| Khác | 20.304.058.059 | 26.149.639.775 |
| | 85.341.746.781 | 160.279.257.664 |

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dẫn đầu trong năm như sau:

| | 2023 VND | 2022 VND |
|--|------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 160.279.257.664 | 88.782.188.572 |
| Mua sắm | 14.722.476.074 | 36.323.162.834 |
| Tăng do mua công ty con | - | 51.662.006.802 |
| Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 13(a)) | (11.006.458.313) | (14.993.340.544) |
| Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 13(c)) | (1.126.667.503) | (1.175.000.000) |
| Giảm do thoái vốn công ty con | (59.333.460.214) | - |
| Giảm do tách công ty (Thuyết minh 34) | (14.148.329.143) | - |
| Giảm khác | (4.045.051.784) | (319.760.000) |
| Số dư cuối năm | 85.341.746.781 | 160.279.257.664 |

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Biến động về lợi thế thương mại trong năm như sau:

| | 2023 VND | 2022 VND |
|------------------------------------|------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 197.804.836.067 | 106.672.571.483 |
| Tăng trong năm | - | 108.616.025.387 |
| Phân bổ trong năm (Thuyết minh 33) | (16.427.462.066) | (17.483.760.803) |
| Giảm do thoái vốn công ty con | (89.053.752.424) | - |
| Số dư cuối năm | 92.323.621.577 | 197.804.836.067 |

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 2023 | | 2022 | |
|--------------------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Bên thứ ba | | | | |
| Bunge Asia Pte. Ltd. | 52.530.925.026 | 52.530.925.026 | 29.770.871.263 | 29.770.871.263 |
| Enerfo Pte. Ltd. | - | - | 68.462.391.129 | 68.462.391.129 |
| Khác | 304.504.331.599 | 304.504.331.599 | 358.376.165.045 | 358.376.165.045 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 38(b)) | 1.370.849.309 | 1.370.849.309 | 2.013.664.851 | 2.013.664.851 |
| | 358.406.105.934 | 358.406.105.934 | 458.623.092.288 | 458.623.092.288 |

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | 2023 VND | 2022 VND |
|--|----------------|----------------|
| Bên thứ ba | | |
| Công ty TNHH Kim Hà Việt | 19.102.925.000 | 19.102.925.000 |
| Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution | - | 10.500.268.013 |
| Công ty Cổ phần Đại Phú Mỹ | - | 5.793.841.000 |
| Khác | 9.416.018.999 | 12.906.743.051 |
| | 28.518.943.999 | 48.303.777.064 |

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN (PHẢI THU)/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

| | Tại ngày 1.1.2023 | Số (phải thu)/phải nộp trong năm | Cân trừ trong năm | Số đã (thực thu)/thực nộp trong năm | Giảm do thoái vốn công ty con | Tại ngày 31.12.2023 |
|----------------------------|----------------------|-------------------------------------|-------------------|--|----------------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| a) Phải thu | | | | | | |
| Thuế TNDN (*) | (20.607.402.491) | (841.521.119) | 806.688.094 | (383.338.393) | 153.223.197 | (20.872.350.712) |
| Thuế GTGT được khấu trừ | (2.630.134.071) | (57.216.367.166) | 57.110.359.086 | (32.430.366) | 10.068.000 | (2.758.504.517) |
| Khác | (21.965.343) | (849.373.730) | 403.836.251 | (562.424.346) | - | (1.029.927.168) |
| | (23.259.501.905) | (58.907.262.015) | 58.320.883.431 | (978.193.105) | 163.291.197 | (24.660.782.397) |
| b) Phải nộp | | | | | | |
| Thuế TNDN | 14.704.345.737 | 49.497.835.900 | (806.688.094) | (42.799.327.635) | - | 20.596.165.908 |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 7.900.839.403 | 83.223.385.837 | (57.110.359.086) | (29.066.350.019) | (29.546.746) | 4.917.969.389 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.142.864.534 | 14.513.117.252 | - | (15.097.338.238) | (34.964.726) | 1.523.678.822 |
| Khác | 334.929.166 | 20.104.564.949 | (403.836.251) | (19.949.629.053) | - | 86.020.811 |
| | 25.082.978.840 | 167.338.903.938 | (58.320.883.431) | (106.912.644.945) | (64.511.472) | 27.123.842.930 |

(*) Thuế TNDN phải thu liên quan đến Công ty Cổ phần Anova Feed vẫn đang chờ để được hoàn thuế.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư này chủ yếu bao gồm các khoản tiền lương và thưởng cho nhân viên chưa được chi trả tại cuối năm tài chính.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 2023 VND | 2022 VND |
|-------------------------|----------------|----------------|
| Chi phí khuyến mãi | 14.926.230.273 | 29.937.237.506 |
| Chi phí lãi vay | 4.650.555.291 | 5.625.257.678 |
| Chi phí hoa hồng đại lý | 3.400.252.276 | 15.174.120.437 |
| Khác | 12.731.272.666 | 13.458.924.703 |
| | 35.708.310.506 | 64.195.540.324 |

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | 2023 VND | 2022 VND |
|-----------------|----------------|----------------|
| Cố tức phải trả | 13.846.596.036 | 12.144.870.199 |
| Khác | 2.133.815.557 | 2.383.004.329 |
| | 15.980.411.593 | 14.527.874.528 |

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

(a) Ngân hạn

| | Tại ngày 1.1.2023 VND | Tăng VND | Giảm VND | Giảm do thoái vốn công ty con VND | Vay dài hạn đến hạn trả VND | Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá VND | Tại ngày 31.12.2023 VND |
|---|-----------------------------|-------------------|---------------------|--------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|----------------------------|
| Vay ngân hàng (*) | 792.309.815.145 | 3.297.336.497.511 | (3.168.034.158.635) | - | - | - | 921.612.154.021 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b)) | 227.071.204.114 | - | (92.347.774.586) | (30.861.000.000) | 103.818.750.000 | 4.345.470.472 | 212.026.650.000 |
| Vay bên thứ ba (**) | 10.420.000.000 | 2.200.000.000 | - | - | - | - | 12.620.000.000 |
| | 1.029.801.019.259 | 3.299.536.497.511 | (3.260.381.933.221) | (30.861.000.000) | 103.818.750.000 | 4.345.470.472 | 1.146.258.804.021 |

(*) Chi tiết số dư cuối năm của các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

| | 2023 VND | 2022 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch (i) | 323.070.132.761 | 190.998.633.183 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn (ii) | 272.685.041.658 | 227.276.407.740 |
| Ngân hàng TNHH MTV United Overseas (Việt Nam) (iii) | 164.246.480.255 | 108.584.159.166 |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iv) | 62.419.360.217 | 89.003.262.530 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (v) | 59.191.139.130 | 81.451.347.353 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (vi) | 40.000.000.000 | 37.940.276.086 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định | - | 31.888.961.323 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Bình Dương | - | 15.000.000.000 |
| Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) | - | 10.166.767.764 |
| | 921.612.154.021 | 792.309.815.145 |

(ii) Chi tiết bao gồm các khoản vay:

- Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Pharma với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 20.000.000.000 Đồng với lãi suất từ 7,5%/năm thay đổi theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty với giá trị là 20.000.000.000 Đồng; đồng thời được đảm bảo bằng hàng tồn kho, khoản phải thu tối thiểu bằng dư nợ không có tài sản bảo đảm và máy móc thiết bị trị giá 7.222.605.083 Đồng.
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Feed với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 550.000.000.000 Đồng với lãi suất từ 4%/năm đến 5,5%/năm thay đổi theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty với giá trị là 550.000.000.000 Đồng; đồng thời được đảm bảo bằng hàng tồn kho; quyền thu nợ phải thu của Công ty Cổ phần Anova Feed cùng với vật nuôi, máy móc thiết bị, bất động sản có tổng giá trị không thấp hơn số dư vay nợ.
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Thành Nhơn với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 100.000.000.000 Đồng với lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,8%/năm thay đổi theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty với giá trị là 100.000.000.000 Đồng.
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Biotech với lãi suất từ 7%/năm đến 8,3%/năm, lãi suất của khoản vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn là 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty với giá trị là 20.000.000.000 Đồng và đồng thời được đảm bảo bằng hàng tồn kho và quyền thu nợ phải thu tương ứng hình thành từ vốn vay.

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Ngân hạn (tiếp theo)

(vi) Khoản vay của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 40.000.000.000 Đồng với lãi suất từ 8,2%/năm đến 8,5%/năm thay đổi theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng bất động sản tại nhà máy An Cơ tại Tỉnh Long An theo giá trị định giá 11.634.150.000 Đồng và hợp đồng tiền gửi trị giá 5.116.588.043 Đồng.

(**) Chi tiết số dư cuối năm của các khoản vay ngân hạn bên thứ ba được trình bày như sau:

| | 2023 VND | 2022 VND |
|-----------------------------|----------------|-----------------|
| Vay tổ chức và cá nhân khác | 12.620.000.000 | 10.420.000.0006 |

Bao gồm khoản vay tín chấp với Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova và cá nhân khác có thời hạn tối đa là 2 năm, không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất từ 6,5%/năm đến 6,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 6,5%/năm đến 6,7%/năm)

(b) Dài hạn

| | Tại ngày 1.1.2023 VND | Tăng VND | Giảm VND | Giảm do thoái vốn công ty con VND | Vay dài hạn đến hạn phải trả VND | Đánh giá lại VND | Tại ngày 31.12.2023 VND |
|-----------------------|-----------------------------|----------------|------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|----------------------------|
| Vay ngân hàng (*) | 387.347.875.000 | - | (63.800.000.000) | (3.151.000.000) | (103.818.750.000) | 4.728.125.000 | 221.306.250.000 |
| Nợ thuế tài chính (*) | - | 22.962.066.127 | (9.353.838.644) | - | - | - | 13.608.227.483 |
| | 387.347.875.000 | 22.962.066.127 | (73.153.838.644) | (3.151.000.000) | (103.818.750.000) | 4.728.125.000 | 234.914.477.483 |

(b) Dài hạn

(*) Chi tiết số dư cuối năm của các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn và đến hạn trả từ ngân hàng và tổ chức tài chính được trình bày như sau:

| | 2023 VND | 2022 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Deutsche Investitions-Und Entwicklungsgesellschaft MBH (i) | 433.332.900.000 | 584.486.079.114 |
| Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (ii) | 13.608.227.483 | - |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Bình Dương | - | 29.933.000.000 |
| | 446.941.127.483 | 614.419.079.114 |

(i) Chi tiết bao gồm các khoản vay:

- Khoản vay trung đến dài hạn bằng USD của Công ty Cổ phần Anova Feed theo hợp đồng ký ngày 10 tháng 12 năm 2020 với mục đích tài trợ cho dự án xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi có lãi suất từ 4,89%/năm. Khoản vay có thời hạn 5 năm và được đảm bảo bằng 99,99% trị giá cổ phần của Công ty Cổ phần Anova Feed và 30% trị giá cổ phần của Công ty, máy móc thiết bị và bất động sản của Công ty Cổ phần Anova Feed tại Đồng Nai.
- Khoản vay trung đến dài hạn 17.500.000 USD theo hợp đồng ký ngày 7 tháng 10 năm 2021 phục vụ cho hoạt động đầu tư mở rộng kinh doanh trung dài hạn của Công ty. Khoản vay có lãi suất 5,75%/năm cộng với lãi suất LIBOR 6 tháng, có thời hạn 4 năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bảo lãnh của Công ty Cổ phần Anova Farm, Công ty Cổ phần Anova Pharma, Công ty Cổ phần Novagroup và 35% giá trị cổ phần tại Công ty đang nắm giữ bởi các cổ đông lớn (được đảm bảo đồng thời cho khoản vay nêu trên tại Công ty Cổ phần Anova Feed).

(ii) Đây là khoản nợ thuế tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm theo các hợp đồng cho thuê tài chính ký lần lượt ngày 4 tháng 1 năm 2023 và ngày 12 tháng 1 năm 2023. Khoản nợ có thời hạn 48 tháng với tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị thuê lại trị giá 21.404.203.627 Đồng (Thuyết minh 13(b)).

23. THUẾ TNDN HOÀN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết như sau:

| | 2023 VND | 2022 VND |
|-----------------------------|------------------|-------------------|
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại | 4.282.720.602 | 4.918.193.161 |
| Thuế TNDN hoãn lại phải trả | (58.503.034.478) | (100.856.337.148) |
| | (54.220.313.876) | (95.938.143.987) |

Biến động góp về thuế TNDN hoãn lại, không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong năm như sau:

Tài sản thuế TNDN hoãn lại

| | 2023 VND | 2022 VND |
|--|---------------|---------------|
| Số dư đầu năm | 4.918.193.161 | 5.687.540.599 |
| Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 35) | (635.472.559) | (905.007.791) |
| Tăng do mua mới công ty con | - | 135.660.353 |
| Số dư cuối năm | 4.282.720.602 | 4.918.193.161 |

Thuế TNDN hoãn lại phải trả

| | 2023 VND | 2022 VND |
|--|------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm | 100.856.337.148 | 22.049.177.145 |
| Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 35) | (42.353.302.670) | 56.425.314.222 |
| Tăng do mua mới công ty con | - | 22.381.845.781 |
| Số dư cuối năm | 58.503.034.478 | 100.856.337.148 |

23. THUẾ TNDN HOÀN LẠI (tiếp theo)

Tài sản thuế TNDN và thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh chủ yếu từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, lợi nhuận chưa thực hiện, và loại trừ dự phòng phát sinh khi hợp nhất.

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả năm 2023 là 20% (2022: 20%).

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tập đoàn như sau:

| Năm phát sinh lỗ | Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế | Số lỗ phát sinh VND | Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND | Giảm đo thoái vốn công ty con | Số lỗ còn được |
|------------------|--|------------------------|--|-------------------------------|---|
| | | | | | chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND |
| 2018 | Chưa thanh tra thuế | 74.940.514.547 | (36.236.659.028) | - | - |
| 2019 | Chưa thanh tra thuế | 52.946.420.680 | (33.258.761.147) | (18.031.802.490) | 1.655.857.043 |
| 2020 | Chưa thanh tra thuế | 197.474.430.406 | (70.861.223.248) | (31.707.489.504) | 94.905.717.654 |
| 2021 | Chưa thanh tra thuế | 67.048.871.011 | (7.890.162) | (26.895.864.992) | 40.145.115.857 |
| 2022 | Chưa thanh tra thuế | 174.458.024.595 | (16.238.667.863) | (12.797.402.705) | 145.421.954.027 |
| 2023 | Chưa thanh tra thuế | 83.018.283.119 | - | (9.589.665.865) | 73.428.617.254 |

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

24. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

| | 2023 | | 2022 | |
|---------------------------------|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
| | Cổ phiếu phổ thông | Cổ phiếu ưu đãi | Cổ phiếu phổ thông | Cổ phiếu ưu đãi |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký | 119.784.325 | - | 119.784.325 | - |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 119.784.325 | - | 119.784.325 | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 119.784.325 | - | 119.784.325 | - |

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 2023 | | 2022 | |
|--------------------------------------|--------------------|-------|--------------------|-------|
| | Cổ phiếu phổ thông | % | Cổ phiếu phổ thông | % |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang | 785.873.850.000 | 65,61 | 785.873.850.000 | 65,61 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư A.N.O.V.A | 164.389.210.000 | 13,72 | 164.389.210.000 | 13,72 |
| Foremost Worldwide Limited | 70.617.910.000 | 5,90 | 127.720.000.000 | 10,66 |
| Khác | 176.962.280.000 | 14,77 | 119.860.190.000 | 10,01 |
| | 1.197.843.250.000 | 100 | 1.197.843.250.000 | 100 |

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

| | Số cổ phiếu | Cổ phiếu phổ thông VND | Tổng cộng VND |
|--|-------------|---------------------------|-------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 108.884.325 | 1.088.843.250.000 | 1.088.843.250.000 |
| Phát hành cổ phiếu lần đầu tiên ra công chúng | 10.900.000 | 109.000.000.000 | 109.000.000.000 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 119.784.325 | 1.197.843.250.000 | 1.197.843.250.000 |

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

25. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | LNST chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng |
|---|------------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------|---------------------|---------------------------------|-------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 1.088.843.250.000 | 65.438.580.276 | (3.772.154.614) | 68.357.308.543 | 965.457.926.200 | 88.919.159.950 | 2.273.244.070.355 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 273.740.970.396 | (186.684.467) | 273.554.285.929 |
| Phát hành cổ phiếu phổ thông lần đầu tiên ra công chúng | 109.000.000.000 | 361.160.204.785 | - | - | - | - | 470.160.204.785 |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | (22.001.523.882) | (22.001.523.882) |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (10.208.889.778) | 536.305.257 | (9.672.584.521) |
| Trích lập quỹ đầu tư, phát triển | - | - | - | 1.474.227.436 | (1.474.227.436) | - | - |
| Mua mới công ty con | - | - | - | - | - | 1.892.647.215 | 1.892.647.215 |
| Thanh lý công ty con | - | - | - | - | - | (24.666.364.392) | (24.666.364.392) |
| Giao dịch với cổ đông không kiểm soát | - | - | - | - | 121.847.019 | 25.468.152.981 | 25.590.000.000 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 1.197.843.250.000 | 426.598.785.061 | (3.772.154.614) | 69.831.535.979 | 1.227.637.626.401 | 69.161.692.662 | 2.987.300.735.489 |
| Lô thuần trong năm | - | - | - | - | (930.198.767.989) | (20.731.215.369) | (950.929.983.358) |
| Chia cổ tức (*) | - | - | - | - | (59.892.162.500) | (13.659.423.035) | (73.551.585.535) |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (11.728.290.519) | (3.010.192.723) | (14.738.483.242) |
| Trích lập quỹ đầu tư, phát triển | - | - | - | 1.156.468.261 | (1.156.468.261) | - | - |
| Thanh lý công ty con | - | - | - | - | - | (10.829.310.320) | (10.829.310.320) |
| Giao dịch với cổ đông không kiểm soát | - | - | - | - | (112.166.384) | (413.847.269) | (526.013.653) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 1.197.843.250.000 | 426.598.785.061 | (3.772.154.614) | 70.988.004.240 | 224.549.770.748 | 20.517.703.946 | 1.936.725.359.381 |

(*) Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 27 tháng 2 năm 2023 đã thông qua mức chi trả cổ tức năm 2021 là 5% (tương đương 500 Đồng/cổ phiếu) trên vốn điều lệ 1.197.843.250.000 Đồng và được chi trả bằng tiền.

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

| | Năm tài chính kết thúc ngày | |
|--|-----------------------------|------------------|
| | 31.12.2023 | 31.12.2022 |
| (Lỗ)/lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND) | (930.198.767.989) | 273.740.970.396 |
| Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*) | - | (12.174.199.405) |
| | (930.198.767.989) | 261.566.770.991 |
| Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) | 119.784.325 | 117.538.446 |
| (Lỗ)/lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND) | (7.766) | 2.225 |

(*) Tập đoàn sẽ thực hiện điều chỉnh số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong việc tính toán EPS khi có Nghị quyết của Hội đồng Quản trị về việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi này.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán thông qua việc điều chỉnh các số liệu được sử dụng để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với:

- ảnh hưởng sau thuế của lãi vay và các chi phí tài chính khác liên quan đến các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, và
- số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông được lưu hành nếu tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được chuyển đổi.

Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 266.429 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 126.171 Đô la Mỹ).

28. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | 2023 VND | 2022 VND |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Doanh thu | | |
| Doanh thu bán thành phẩm | 3.718.268.740.911 | 4.147.359.826.969 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 702.719.836.663 | 1.063.735.382.639 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 992.893.853 | 279.968.677 |
| | 4.421.981.471.427 | 5.211.375.178.285 |
| Các khoản giảm trừ | | |
| Chiết khấu thương mại | (264.283.202.416) | (326.825.779.598) |
| Hàng bán trả lại | (12.211.928.468) | (4.176.892.758) |
| Giảm giá hàng bán | (3.647.617.565) | - |
| | (280.142.748.449) | (331.002.672.356) |
| Doanh thu thuần | | |
| Doanh thu thuần về bán thành phẩm | 3.459.223.700.191 | 3.816.357.154.613 |
| Doanh thu thuần về bán hàng hóa | 681.622.128.934 | 1.063.735.382.639 |
| Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ | 992.893.853 | 279.968.677 |
| | 4.141.838.722.978 | 4.880.372.505.929 |

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | 2023 VND | 2022 VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 3.129.761.024.037 | 3.468.889.261.867 |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 611.886.830.858 | 897.572.417.487 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 222.819.264 | - |
| Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 11) | 739.546.086 | - |
| | 3.742.610.220.245 | 4.366.461.679.354 |

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2023 | 2022 |
|--|----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền cho vay | 42.315.938.594 | 22.270.108.681 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 6.918.630.380 | 8.276.382.967 |
| Lãi tiền gửi | 2.717.309.678 | 1.297.197.941 |
| Cổ tức được chia | 3.898.862.000 | 5.189.385.322 |
| Lãi phạt trả chậm | 277.202.971 | 7.131.760.000 |
| Lãi từ bán công ty liên kết | - | 177.394.091.215 |
| Lãi từ giao dịch mua rẻ | - | 27.619.065.559 |
| Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm | - | 12.963.844.860 |
| Lãi từ bán công ty con | - | 6.005.441 |
| Khác | - | 1.642.762.615 |
| | 56.127.943.623 | 263.790.604.601 |

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 2023 | 2022 |
|---|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 101.783.232.612 | 75.758.096.637 |
| Lỗ do thoái vốn công ty con (Thuyết minh 3.1 và 3.3) | 38.954.336.493 | - |
| Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm | 11.078.760.188 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 7.783.865.853 | 13.120.631.961 |
| Chiết khấu thanh toán | 3.407.826.365 | 4.627.295.049 |
| (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính | (6.267.554.070) | 11.603.298.782 |
| Khác | 13.916.107.502 | 8.858.931.849 |
| | 170.656.574.943 | 113.968.254.278 |

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | 2023 | 2022 |
|-------------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 75.009.971.191 | 66.953.053.614 |
| Chi phí tiếp thị và quảng cáo | 37.078.234.193 | 36.185.569.631 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 22.188.228.984 | 15.750.013.218 |
| Chi phí thuê | 14.184.528.371 | 15.210.831.041 |
| Chi phí vận chuyển | 10.836.650.691 | 10.060.140.026 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.772.381.080 | 2.291.366.132 |
| Khác | 21.751.534.191 | 41.525.301.777 |
| | 182.821.528.701 | 187.976.275.439 |

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | 2023 | 2022 |
|---|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi | 862.450.499.258 | 6.464.028.657 |
| Chi phí nhân viên | 94.805.537.751 | 97.736.642.633 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 20.603.760.537 | 15.419.455.221 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 18.705.980.724 | 19.952.930.208 |
| Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh 15) | 16.427.462.066 | 17.483.760.803 |
| Khác | 27.770.298.450 | 36.848.138.888 |
| | 1.040.763.538.786 | 193.904.956.410 |

34. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

| | 2023 | 2022 |
|--|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập khác | | |
| Lãi phạt vi phạm hợp đồng | 4.739.411.725 | 28.825.974.021 |
| Lãi do thanh lý, nhượng bán TSCĐ | - | 14.302.571.409 |
| Khác | 1.538.202.141 | 2.914.768.245 |
| | 6.277.613.866 | 46.043.313.675 |
| Chi phí khác | | |
| Các khoản bị phạt (*) | 21.459.606.398 | - |
| Điều chỉnh giảm do tách công ty (Thuyết minh 14) | 14.148.329.143 | - |
| Lỗ do thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 2.388.184.291 | - |
| Khác | 6.067.567.551 | 3.079.751.043 |
| | 44.063.687.383 | 3.079.751.043 |

(*) Chủ yếu bao gồm khoản bồi thường hợp đồng của Công ty Cổ phần Anova Feed theo biên bản thỏa thuận thanh lý thuế trại với số tiền là 18.656.000.000 Đồng.

35. THUẾ TNDN

Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp thuế TNDN theo thuế suất phổ thông của thuế TNDN hiện hành là 20%. Công ty và các công ty con trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế TNDN theo các thuế suất khác nhau (từ 15% đến 20%) và được hưởng các ưu đãi về thuế theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo pháp luật về thuế hiện hành như sau:

Công ty Cổ phần Anova Farm và Công ty Liên doanh TNHH Anova có nghĩa vụ phải nộp thuế TNDN theo mức thuế suất là 15% trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

Công ty Cổ phần Anova Feed - Trụ sở chính có nghĩa vụ phải nộp thuế TNDN theo mức thuế suất là 17% trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm.

Công ty Cổ phần Anova Feed - Chi nhánh Đồng Nai và Chi nhánh Hưng Yên được miễn thuế TNDN trong hai năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế trong bốn năm tiếp theo.

Số thuế TNDN trên (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng như sau:

| | 2023 | 2022 |
|-----------------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| (Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế | (948.126.674.266) | 355.114.272.130 |
| Thuế tính ở thuế suất 20% | (189.625.334.853) | 71.022.854.426 |

Điều chỉnh:

| | | |
|--|----------------------|-----------------------|
| Thu nhập không chịu thuế | (14.304.265.515) | (7.026.322.391) |
| Chi phí không được khấu trừ | 3.013.272.938 | 8.139.912.844 |
| Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại | 2.598.290.966 | 34.891.604.919 |
| Chênh lệch tạm thời mà không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại | 151.602.231.502 | 579.920.139 |
| Dự phòng thiếu/(thừa) của năm trước | 493.339.899 | (8.613.161.338) |
| Khác biệt thuế suất tính thuế | 18.754.545.867 | (8.246.125.920) |
| Thuế được miễn hoặc giảm | (914.487.698) | (5.929.564.110) |
| Lỗ tính thuế đã được sử dụng | (7.768.620.507) | (2.987.913.037) |
| Chênh lệch lỗ/(lãi) từ việc thanh lý công ty con | 38.954.336.493 | (71.219.331) |
| Chi phí thuế TNDN (*) | 2.803.309.092 | 81.559.986.201 |
| (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất: | | |
| Thuế TNDN - hiện hành | 44.521.139.203 | 24.229.664.188 |
| Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 23) | (41.717.830.111) | 57.330.322.013 |
| Chi phí thuế TNDN (*) | 2.803.309.092 | 81.559.986.201 |

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

| | 2023 | 2022 |
|---|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.635.028.131.672 | 2.932.002.260.321 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 518.457.664.068 | 465.522.508.174 |
| Chi phí nhân công | 478.829.520.707 | 334.376.972.735 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại | 113.074.143.061 | 112.421.274.573 |
| Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 11) | 739.546.086 | - |
| Khác | 440.884.385.987 | 205.469.640.603 |
| | 4.187.013.391.581 | 4.049.792.656.406 |

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Tập đoàn chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Tập đoàn cung cấp. Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu ở trong nước và theo đó, Tập đoàn không trình bày các thông tin về kết quả kinh doanh, TSCĐ, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là theo lĩnh vực kinh doanh và được trình bày như sau:

| | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | | | | | | |
|--|--|--------------------------|-------------------------|--------------------------|----------------------|----------------------------|--------------------------|
| | Sức khỏe vật nuôi | Thức ăn chăn nuôi (*) | Trang trại | Thực phẩm | Khác | Loại trừ | Tổng cộng |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 795.235.960.151 | 2.632.979.601.550 | 364.054.215.237 | 349.208.378.347 | 360.567.693 | - | 4.141.838.722.978 |
| Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác | 212.345.788.260 | 297.141.995.314 | 25.044.926.900 | 1.011.688.367 | 9.794.089.851 | (545.338.488.692) | - |
| Tổng doanh thu thuần | 1.007.581.748.411 | 2.930.121.596.864 | 389.099.142.137 | 350.220.066.714 | 10.154.657.544 | (545.338.488.692) | 4.141.838.722.978 |
| Giá vốn hàng bán cho bên thứ ba | (789.063.224.931) | (2.696.370.564.222) | (465.040.754.089) | (302.941.634.768) | (8.055.283.618) | 518.861.241.383 | (3.742.610.220.245) |
| Lợi nhuận gộp | 218.518.523.480 | 233.751.032.642 | (75.941.611.952) | 47.278.431.946 | 2.099.373.926 | (26.477.247.309) | 399.228.502.733 |
| Tài sản bộ phận | 793.863.218.566 | 2.044.721.704.971 | 280.159.479.890 | 1.064.758.944.754 | - | (2.224.379.563.139) | 1.959.123.785.042 |
| Tài sản không phân bổ | | | | | | | 1.916.876.793.737 |
| Tổng Tài sản | 793.863.218.566 | 2.044.721.704.971 | 280.159.479.890 | 1.064.758.944.754 | - | (2.224.379.563.139) | 3.876.000.578.779 |
| Nợ phải trả bộ phận | 249.470.754.283 | 1.042.564.676.669 | 189.560.333.815 | 253.667.471.104 | - | (149.576.837.308) | 1.585.686.398.207 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | | | | 353.588.821.191 |
| Tổng Nợ phải trả | 249.470.754.283 | 1.042.564.676.669 | 189.560.333.815 | 253.667.471.104 | - | (149.576.837.308) | 1.939.275.219.398 |

(*) Đã bao gồm mảng trang trại của Công ty Cổ phần Anova Feed.

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

| | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | | | | | | |
|--|--|--------------------------|-------------------------|--------------------------|----------------------|----------------------------|--------------------------|
| | Sức khỏe vật nuôi | Thức ăn chăn nuôi | Trang trại | Thực phẩm | Khác | Loại trừ | Tổng cộng |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 1.151.685.845.996 | 3.077.753.295.079 | 344.787.996.812 | 305.813.442.475 | 331.925.567 | - | 4.880.372.505.929 |
| Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác | 226.287.694.017 | 223.678.806.360 | 1.385.819.000 | 289.703.360 | 9.808.338.750 | (461.450.361.487) | - |
| Tổng doanh thu thuần | 1.377.973.540.013 | 3.301.432.101.439 | 346.173.815.812 | 306.103.145.835 | 10.140.264.317 | (461.450.361.487) | 4.880.372.505.929 |
| Giá vốn hàng bán cho bên thứ ba | (1.125.104.958.346) | (3.067.336.304.699) | (368.831.285.340) | (255.897.220.050) | (8.166.757.881) | 458.874.846.962 | (4.366.461.679.354) |
| Lợi nhuận gộp | 252.868.581.667 | 234.095.796.740 | (22.657.469.528) | 50.205.925.785 | 1.973.506.436 | (2.575.514.525) | 513.910.826.575 |
| Tài sản bộ phận | 857.883.042.016 | 2.019.430.108.767 | 494.002.549.335 | 1.917.999.831.220 | - | (3.020.389.873.929) | 2.268.925.657.409 |
| Tài sản không phân bổ | | | | | | | 2.878.262.176.503 |
| Tổng Tài sản | 857.883.042.016 | 2.019.430.108.767 | 494.002.549.335 | 1.917.999.831.220 | - | (3.020.389.873.929) | 5.147.187.833.912 |
| Nợ phải trả bộ phận | 315.094.215.549 | 1.018.792.012.618 | 211.132.290.069 | 265.008.130.085 | - | (49.581.076.162) | 1.760.445.572.159 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | | | | 399.441.526.264 |
| Tổng Nợ phải trả | 315.094.215.549 | 1.018.792.012.618 | 211.132.290.069 | 265.008.130.085 | - | (49.581.076.162) | 2.159.887.098.423 |

(*) Đã bao gồm mảng trang trại của Công ty Cổ phần Anova Feed.

38. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

| Tên | Mối quan hệ |
|--|------------------|
| Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương VET VA CO | Công ty liên kết |

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

| | 2023 | 2022 |
|--|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie | 34.803.180.300 | 73.244.813.371 |
| Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương VET VA CO | 552.381.000 | - |
| | 35.355.561.300 | 73.244.813.371 |
| ii) Mua hàng hóa và dịch vụ | | |
| Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie | 1.018.363.703 | 18.660.447.852 |
| iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt | | |
| Lương và các quyền lợi góp khác (*) | 7.367.278.452 | 11.826.336.000 |
| (*) Chi tiết lương và thù lao cho các nhân sự quản lý chủ chốt cụ thể như sau: | | |
| Thù lao của Hội đồng quản trị | 2.841.051.494 | 3.869.000.000 |
| Thù lao của Ban Tổng Giám đốc | | |
| Ông Nguyễn Quang Phi Tín | 2.750.898.844 | 3.444.000.000 |
| Ông Tôn Thất Đê | - | 1.380.000.000 |
| Các thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc | 1.406.725.425 | 2.796.000.000 |
| Thù lao của các thành viên quản trị chủ chốt khác | 368.725.425 | 337.336.000 |

38. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

| | 2023 | 2022 |
|--|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| iv) Có tức được chia (Thuyết minh 5(b)) | | |
| Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie | 25.706.037.195 | 27.617.137.289 |
| Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương VET VA CO | - | 1.201.760.000 |
| | 25.706.037.195 | 28.818.897.289 |

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

| | 2023 | 2022 |
|---|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6(a)) | | |
| Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie | 3.303.454.010 | 6.120.493.955 |
| ii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 16) | | |
| Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie | 1.370.849.30 | 2.013.664.851 |

39. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn phải trả mức: tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

| | 2023 | 2022 |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Dưới 1 năm | 183.390.585.820 | 193.084.693.362 |
| Từ 1 đến 5 năm | 765.463.429.020 | 758.654.242.117 |
| Trên 5 năm | 2.175.021.148.585 | 2.258.737.460.234 |
| Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu | 3.123.875.163.425 | 3.210.476.395.713 |

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2024.



Đỗ Thị Mỹ Nhung
Người tập kiểm Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0301447257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 30 ngày 21 tháng 6 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| | |
|--------------------------|---|
| Ông Nguyễn Hiếu Liêm | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Quang Phi Tín | Thành viên |
| Bà Lê Hoàng Thanh Thảo | Thành viên (đến ngày 28 tháng 6 năm 2023) |
| Bà Trần Thị Thu Thảo | Thành viên độc lập |

Ủy ban Kiểm toán

| | |
|----------------------|------------|
| Bà Trần Thị Thu Thảo | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Hiếu Liêm | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|--------------------------|--|
| Ông Nguyễn Quang Phi Tín | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Vĩnh Huy | Giám đốc tài chính (từ ngày 23 tháng 5 năm 2023) |
| Ông Nguyễn Minh Hải | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính (đến ngày 22 tháng 5 năm 2023) |

Người đại diện theo pháp luật

| | |
|--------------------------|---------------|
| Ông Nguyễn Quang Phi Tín | Tổng Giám đốc |
|--------------------------|---------------|

Trụ sở chính

315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Financial Report

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các số sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 46. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



Nguyễn Quang Phi Tân
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu, từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Cao Bằng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM15355
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Trần Văn Thắng
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3586-2021-006-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|-------|------------------------------------|-------------|--------------------------|-----------------------|
| | | | 2023 VND | 2022 VND |
| 100 | TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 5.133.141.607 | 99.032.401.169 |
| 110 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 2.177.067.155 | 19.460.723.909 |
| 111 | Tiền | | 2.177.067.155 | 15.305.619.645 |
| 112 | Các khoản tương đương tiền | | - | 4.155.104.264 |
| 130 | Các khoản phải thu ngắn hạn | | 2.886.516.985 | 79.303.153.319 |
| 131 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 387.470.770 | 1.438.868.000 |
| 132 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 14.025.000 | 5.516.000 |
| 135 | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 6(a) | - | 72.391.000.000 |
| 136 | Phải thu ngắn hạn khác | 7 | 2.485.021.215 | 5.467.769.319 |
| 150 | Tài sản ngắn hạn khác | | 69.557.467 | 268.523.941 |
| 151 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 8(a) | 69.557.467 | 268.523.941 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|------------|-----------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | 2023 VND | 2022 VND |
| 200 | TÀI SẢN DÀI HẠN | | 1.911.743.652.130 | 2.748.278.932.851 |
| 210 | Các khoản phải thu dài hạn | | 15.000.000 | 1.015.000.000 |
| 215 | Phải thu về cho vay dài hạn | 6(b) | - | 1.000.000.000 |
| 216 | Phải thu dài hạn khác | | 15.000.000 | 15.000.000 |
| 220 | Tài sản cố định | | 670.860.032 | 967.631.698 |
| 221 | Tài sản cố định hữu hình | 9(a) | 670.860.032 | 967.631.698 |
| 222 | Nguyên giá | | 4.245.666.591 | 4.245.666.591 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (3.574.806.559) | (3.278.034.893) |
| 227 | Tài sản cố định vô hình | 9(b) | - | - |
| 228 | Nguyên giá | | 14.726.706.650 | 14.726.706.650 |
| 229 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (14.726.706.650) | (14.726.706.650) |
| 240 | Tài sản dở dang dài hạn | | 1.265.727.274 | 1.265.727.274 |
| 242 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 1.265.727.274 | 1.265.727.274 |
| 250 | Đầu tư tài chính dài hạn | | 1.909.465.463.857 | 2.744.666.107.706 |
| 251 | Đầu tư vào công ty con | 4(a) | 2.848.516.595.000 | 2.848.516.595.000 |
| 252 | Đầu tư vào công ty liên kết | 4(b) | 43.555.224.469 | 43.555.224.469 |
| 253 | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 4(c) | 33.530.784.778 | 33.530.784.778 |
| 254 | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 4(e) | (1.016.137.140.390) | (180.936.496.541) |
| 260 | Tài sản dài hạn khác | | 326.600.967 | 364.466.173 |
| 261 | Chi phí trả trước dài hạn | 8(b) | 326.600.967 | 364.466.173 |
| 270 | TỔNG TÀI SẢN | | 1.916.876.793.737 | 2.847.311.334.020 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|------------|-------------------------------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| | | | 2023 VND | 2022 VND |
| 300 | NỢ PHẢI TRẢ | | 353.588.821.191 | 398.715.086.813 |
| 310 | Nợ ngắn hạn | | 165.052.767.666 | 138.992.997.563 |
| 311 | Phải trả người bán ngắn hạn | 10 | 568.044.048 | 444.360.625 |
| 313 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 11 | 944.513.091 | 528.652.041 |
| 314 | Phải trả người lao động | | 1.507.641.216 | 1.005.203.667 |
| 315 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 12 | 2.265.793.770 | 3.512.803.295 |
| 318 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 26(b) | 4.800.000.000 | - |
| 319 | Phải trả ngắn hạn khác | 13 | 3.040.813.867 | 1.037.302.261 |
| 320 | Vay ngắn hạn | 14(a) | 150.976.650.000 | 130.553.750.000 |
| 322 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 15 | 949.311.674 | 1.910.925.674 |
| 330 | Nợ dài hạn | | 189.536.053.525 | 259.722.089.250 |
| 336 | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 26(b) | 3.942.000.000 | - |
| 338 | Vay dài hạn | 14(b) | 184.416.130.000 | 259.546.875.000 |
| 342 | Dự phòng phải trả dài hạn | | 177.923.525 | 175.214.250 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|-------|---|-------------|--------------------------|-------------------|
| | | | 2023 VND | 2022 VND |
| 400 | VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 1.563.287.972.546 | 2.448.596.247.207 |
| 410 | Vốn chủ sở hữu | | 1.563.287.972.546 | 2.448.596.247.207 |
| 411 | Vốn góp của chủ sở hữu | 16 | 1.197.843.250.000 | 1.197.843.250.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 1.197.843.250.000 | 1.197.843.250.000 |
| 412 | Thặng dư vốn cổ phần | 17 | 426.598.785.061 | 426.598.785.061 |
| 418 | Quỹ đầu tư phát triển | 17 | 56.168.593.424 | 56.168.593.424 |
| 421 | (Lô sau thuế lũy kế)/lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối | 17 | (117.322.655.939) | 767.985.618.722 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước | | 708.093.456.222 | 557.787.366.902 |
| 421b | - (Lô sau thuế)/LNST chưa phân phối của năm nay | | (825.416.112.161) | 210.198.251.820 |
| 440 | TỔNG NGUỒN VỐN | | 1.916.876.793.737 | 2.847.311.334.020 |



Đỗ Thị Mỹ Nhung
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

| Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm | |
|-------|---|---|-------------------|
| | | 2023 VND | 2022 VND |
| 01 | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 10.154.657.544 | 10.140.264.317 |
| 02 | Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| 10 | Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ | 10.154.657.544 | 10.140.264.317 |
| 11 | Giá vốn dịch vụ cung cấp | (8.055.283.618) | (8.166.757.881) |
| 20 | Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ | 2.099.373.926 | 1.973.506.436 |
| 21 | Doanh thu hoạt động tài chính | 78.965.775.877 | 422.707.598.387 |
| 22 | Chi phí tài chính | (882.929.678.828) | (186.450.857.565) |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | (37.977.196.509) | (33.809.559.457) |
| 26 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | (23.551.570.282) | (27.814.628.536) |
| 30 | (Lô)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | (825.416.099.307) | 210.415.618.722 |
| 31 | Thu nhập khác | - | 14.180.109 |
| 32 | Chi phí khác | (12.854) | (13.448.870) |
| 40 | (Lô)/lợi nhuận khác | (12.854) | 731.239 |
| 50 | Tổng (lô)/lợi nhuận kế toán trước thuế | (825.416.112.161) | 210.416.349.961 |
| 51 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành | 23 | - |
| 52 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 23 | (218.098.141) |
| 60 | (Lô)/lợi nhuận sau thuế TNDN | (825.416.112.161) | 210.198.251.820 |



Đỗ Thị Mỹ Nhung
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm | |
|--|---|---|--------------------------|
| | | 2023 VND | 2022 VND |
| (Trình bày lại - Thuyết minh 32) | | | |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | (Lãi)/Ợi nhuận trước thuế | (825.416.112.161) | 210.416.349.961 |
| Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") | 296.771.666 | 290.669.121 |
| 03 | Trích lập các khoản dự phòng | 835.203.353.124 | 144.375.768.900 |
| 04 | Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 8.794.050.000 | (17.640.000.000) |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | (78.576.400.877) | (405.067.598.387) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 37.977.196.509 | 33.809.559.457 |
| 08 | Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | (21.721.141.739) | (33.815.250.948) |
| 09 | Giảm các khoản phải thu | 1.155.250.230 | 404.349.705.667 |
| 11 | Tăng các khoản phải trả | 8.710.029.945 | 1.195.702.733 |
| 12 | Giảm chi phí trả trước | 236.831.680 | 166.673.694 |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | (37.711.199.501) | (92.909.789.075) |
| 17 | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | (961.614.000) | (4.849.952.333) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | (50.291.843.385) | 274.137.089.738 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ | - | (672.272.274) |
| 23 | Tiền chi cho vay, gửi tại ngân hàng | (34.587.000.000) | (1.299.388.200.000) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi tại ngân hàng | 107.978.000.000 | 1.245.997.200.000 |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con | - | (1.295.193.100.000) |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con | - | 202.044.000.000 |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 81.446.786.981 | 279.710.927.950 |
| 30 | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | 154.837.786.981 | (867.501.444.324) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm | |
|---|---|---|---------------------|
| | | 2023 VND | 2022 VND |
| (Trình bày lại - Thuyết minh 32) | | | |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | - | 470.160.204.785 |
| 33 | Tiền thu từ vay ngắn hạn, dài hạn | 77.999.400.000 | 1.394.021.000.000 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | (141.501.295.000) | (1.399.399.963.000) |
| 36 | Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông | (58.327.705.350) | - |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | (121.829.600.350) | 464.781.241.785 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | (17.283.656.754) | (128.583.112.801) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 19.460.723.909 | 148.043.836.710 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | - | - |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 2.177.067.155 | 19.460.723.909 |



Đỗ Thị Mỹ Nhung
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301447257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 30 ngày 21 tháng 6 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2023 với mã giao dịch cổ phiếu là “NCG”, theo Quyết định số 1124/QĐ-SGDHN do Phó Tổng Giám đốc Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội ký ngày 26 tháng 10 năm 2023.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) và thực hiện các hoạt động huy động vốn và đầu tư cho Công ty và các công ty thành viên.

Công ty sở hữu các công ty con trực tiếp và công ty con gián tiếp (được gọi chung là “các công ty thành viên”) và thông qua các công ty con này cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn quản trị kinh doanh tại các công ty khác trong Tập đoàn (được hiểu là “Công ty và các công ty thành viên”).

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 30 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 34 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 2 công ty liên kết trực tiếp, 2 công ty con gián tiếp và 1 công ty liên kết gián tiếp và (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10 công ty con trực tiếp, 2 công ty liên kết trực tiếp, 4 công ty con gián tiếp và 1 công ty liên kết gián tiếp). Chi tiết như sau:

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

| STT | Tên | Hoạt động chính | Nơi thành lập, đăng ký hoạt động | 2023 | | 2022 | |
|------------------------------|--|--|----------------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|
| | | | | Tỷ lệ số hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ số hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
| Công ty con trực tiếp | | | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Anova Feed | Sản xuất, kinh doanh và gia công các loại thức ăn chăn nuôi và thức ăn thủy sản | Tỉnh Long An | 99,99 | 99,99 | 99,99 | 99,99 |
| 2 | Tổng Công ty Mía đường II - Công ty Cổ phần | Chế biến các sản phẩm cồn, CO2; kinh doanh thương mại bán buôn các sản phẩm nông nghiệp | TP. Hồ Chí Minh | 94,96 | 94,96 | 94,96 | 94,96 |
| 3 | Công ty TNHH Thực phẩm Mặt trời mọc | Bán buôn thực phẩm | TP. Hồ Chí Minh | 99,89 | 99,89 | 99,89 | 99,89 |
| 4 | Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Beverages | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng | TP. Hồ Chí Minh | 99,998 | 99,998 | 99,998 | 99,998 |
| 5 | Công ty Cổ phần Anova Pharma | Mua bán, sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, thủy tinh, kinh doanh bất động sản | Tỉnh Long An | 99,67 | 99,67 | 99,67 | 99,67 |
| 6 | Công ty Cổ phần Anova Farm | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chăn nuôi gia súc | TP. Hồ Chí Minh | 99,84 | 99,84 | 99,84 | 99,84 |
| 7 | Công ty Cổ phần Thành Nhơn | Mua bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, nguyên phụ liệu thức ăn gia súc, hóa chất | TP. Hồ Chí Minh | 99,556 | 99,556 | 99,556 | 99,556 |
| 8 | Công ty Liên doanh TNHH Anova | Sản xuất chất bổ sung cho thức ăn trong chăn nuôi và thủy sản, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn nguyên liệu, thành phẩm thuốc thú y | Tỉnh Bình Dương | 57,00 | 57,00 | 57,00 | 57,00 |

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

| STT | Tên | Hoạt động chính | Nơi thành lập, đăng ký hoạt động | 2023 | | 2022 | |
|--|--|---|----------------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|
| | | | | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
| Công ty con trực tiếp (tiếp theo) | | | | | | | |
| 9 | Công ty Cổ phần Anova Biotech | Mua bán thuốc thú y, vắc-xin thú y, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thuốc thú y thủy sản | TP. Hồ Chí Minh | 99,80 | 99,80 | 99,80 | 99,80 |
| 10 | Công ty Cổ phần Anova Tech | Kinh doanh thuốc thú y, thuốc thủy sản và các loại hóa chất, phụ gia thức ăn gia súc | TP. Hồ Chí Minh | 85,83 | 85,83 | 85,83 | 85,83 |
| Công ty liên kết trực tiếp | | | | | | | |
| 1 | Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie | Sản xuất thuốc thú y, thuốc sát trùng phục vụ ngành chăn nuôi | TP. Hồ Chí Minh | 30,01 | 30,01 | 30,01 | 30,01 |
| 2 | Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương VET VA CO | Sản xuất kinh doanh thuốc thú y, xuất nhập khẩu thuốc thú y | TP. Hà Nội | 23,84 | 23,84 | 23,84 | 23,84 |
| Công ty con gián tiếp | | | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm (trước đây là Công ty Cổ phần Thực phẩm Gia đình An Co) (*) | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt | Tỉnh Long An | 99,20 | 99,42 | 99,30 | 99,42 |
| 2 | Công ty Cổ phần HKV (i) | Sản xuất các sản phẩm cà phê, trà | TP. Hồ Chí Minh | 98,87 | 98,87 | - | - |
| 3 | Công ty Cổ phần Phindeli (ii) (**) | Sản xuất các sản phẩm cà phê, trà | TP. Hồ Chí Minh | - | - | 98,87 | 98,87 |

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

| STT | Tên | Hoạt động chính | Nơi thành lập, đăng ký hoạt động | 2023 | | 2022 | |
|-----------------------------------|---|---|----------------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|
| | | | | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
| 4 | Công ty Cổ phần Anova Agri Bình Dương (iii) | Kinh doanh đường, mật; dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho hàng, bến bãi; trồng cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày, chăn nuôi bò sữa | Tỉnh Bình Dương | - | - | 87,98 | 92,65 |
| 5 | Công ty TNHH Một thành viên Làng Bà Lụa (iii) | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | Tỉnh Bình Dương | - | - | 87,98 | 92,65 |
| Công ty liên kết gián tiếp | | | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa (***) | Sản xuất và bán buôn đường ăn | Tỉnh Long An | 20,66 | 20,66 | 20,66 | 20,66 |

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

- (*) Đây là công ty con trực tiếp của Công ty TNHH Thực phẩm Múi Tron Mọc.
- (**) Đây là công ty con trực tiếp của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Beverages.
- (***) Đây là công ty liên kết trực tiếp của Tổng Công ty Mía Đường II - Công ty Cổ phần.
- (i) Căn cứ theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông ngày 2 tháng 6 năm 2023, Công ty Cổ phần Phindeli đã hoàn tất việc chia tách thành hai pháp nhân là Công ty Cổ phần Phindeli và Công ty Cổ phần HKV với vốn điều lệ lần lượt là \$9.406.000.000 Đồng và 20.594.000.000 Đồng.
- (ii) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2023/HCKN-PDL, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Beverages một công ty con trực tiếp của Công ty, đã thanh lý toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Phindeli với tổng giá trị chuyển nhượng là 58.738.000.000 Đồng. Theo đó, Công ty Cổ phần Phindeli không còn là công ty con gián tiếp của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2023.
- (iii) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0626/2023/HCKN/PAABD/MOII/CCANNOVA, Tổng Công ty Mía Đường II - Công ty Cổ phần, một công ty con trực tiếp của Công ty, đã thanh lý toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Anova Agri Bình Dương với tổng giá trị chuyển nhượng là 129.993.110.000 Đồng. Theo đó, Công ty Cổ phần Anova Agri Bình Dương và công ty con của công ty này là Công ty TNHH Múi thành viên Lạng Ba Lua không còn là công ty con gián tiếp của Công ty từ ngày 29 tháng 6 năm 2023.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1. Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng xem theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thống lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thống lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 759.919.626.059 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 39.960.535.394 Đồng). Ngoài ra, Công ty có đồng Lưu khoản âm từ hoạt động kinh doanh và lỗ kế toán trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 50.921.843.385 Đồng và 825.476.112.161. Tuy nhiên, thông qua việc gia hạn một số khoản vay dài hạn đến hạn trả cùng với việc nhận cổ tức và giải ngân các khoản vay mới từ các công ty thành viên, Công ty có khả năng tạo ra đủ đồng tiền để tài trợ cho hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty trong tương lai gần. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được lập trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục là phù hợp.

2.1. Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định chấp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VNĐ" hoặc "Đồng").

2.4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt; tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ, và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Cụ thể, các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ, các cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7. Đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc là soái đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy mỗi phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết thêm tăng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá hiệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện việc là soái đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện việc là soái đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện việc là soái đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(e) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.8. Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán ven thì Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện việc là soái đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ cũng theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức lãi thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo năm tài chính còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày to hạn thu hồi.

2.9. Tài sản cố định ("TSCĐ")**TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình**

TSCĐ được đánh giá theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt vòng đời hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (i) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

| | |
|-------------------|-----------|
| Thiết bị quản lý | 3 - 5 năm |
| Phần mềm máy tính | 3 - 8 năm |
| Khác | 5 năm |

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản đã dừng

Chi phí xây dựng cơ bản đã dừng thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng và các chi phí có liên quan trực tiếp. Khoản nào của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khấu tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.10. Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trả trước ngắn hạn phần ảnh hưởng trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phần ảnh hưởng trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13. Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ bên thứ ba và bên liên quan.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận tương bào cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí kinh doanh của năm tài chính.

2.15. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ rõ ràng tại, chấp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ no có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ no đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động tương tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ no. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là yếu tố thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

2.16. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng liên tục được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm tài chính theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày kết thúc năm tài chính này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.17. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu bao gồm dịch vụ tư vấn. Công ty chỉ nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh tài sau thuế TNCN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.19. Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của năm tài chính mà có thể được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNCN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã thực hiện các quy định theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNCN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chi tiêu sau của Công ty.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNCN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng. Quỹ được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vai trò, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.20. Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- (a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(c) Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức, lợi nhuận từ các bên được đầu tư.

2.21. Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.24. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc yem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.25. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả các cổ đông lớn, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ với từng bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.27. Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp [Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc [trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như [các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 2023 | 2022 |
|----------------------------|---------------|----------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 21.263.285 | 43.047.411 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.155.803.870 | 15.262.572.234 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 4.155.104.264 |
| | 2.177.067.155 | 19.460.723.909 |

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

(a) Đầu tư vào công ty con

| STT | Công ty | 2023 | | | 2022 | | |
|-----|---|-------------------|--------------------------|-------------------|-------------------|--------------------------|-----------------|
| | | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND |
| 1 | Công ty Cổ phần Anova Feed | 699.925.600.000 | (*) | - | 699.925.600.000 | (*) | - |
| 2 | Tổng Công ty Mía đường II – Công ty Cổ phần Công ty TNHH Thực phẩm Mặt trời mọc | 682.934.857.834 | (*) | 573.893.186.166 | 682.934.857.834 | (*) | 121.070.431.381 |
| 3 | Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Bever-ages | 464.983.100.000 | (*) | 5.056.206.564 | 464.983.100.000 | (*) | 5.100.533.980 |
| 4 | Công ty Cổ phần Anova Pharma | 378.843.200.000 | (*) | - | 378.843.200.000 | (*) | - |
| 5 | Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Bever-ages | 340.000.000.000 | (*) | 339.695.586.990 | 340.000.000.000 | (*) | 54.765.531.180 |
| 6 | Công ty Cổ phần Anova Farm | 186.700.000.000 | (*) | 96.247.986.874 | 186.700.000.000 | (*) | - |
| 7 | Công ty Cổ phần Thành Nhân | 44.800.000.000 | (*) | - | 44.800.000.000 | (*) | - |
| 8 | Công ty Liên doanh TNHH Anova | 26.854.837.166 | (*) | - | 26.854.837.166 | (*) | - |
| 9 | Công ty Cổ phần Anova Biotech | 12.475.000.000 | (*) | - | 12.475.000.000 | (*) | - |
| 10 | Công ty Cổ phần Anova Tech | 11.000.000.000 | (*) | 1.244.173.796 | 11.000.000.000 | (*) | - |
| | | 2.848.516.595.000 | | 1.016.137.140.390 | 2.848.516.595.000 | | 180.936.496.541 |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa thể xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

| STT | Công ty | 2023 | | | 2022 | | |
|-----|---|----------------|-----------------------|----------------|----------------|-----------------------|-----------------|
| | | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng ND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND |
| 1 | Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie Công ty Cổ phần | 14.821.385.049 | (*) | - | 14.821.385.049 | (*) | - |
| 2 | Thuốc thú y Trung ương VET VA CO (**) | 26.733.839.420 | 26.267.040.000 | - | 26.733.839.420 | 26.267.040.000 | - |
| | | 43.555.224.469 | | - | 43.555.224.469 | | - |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa thể xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương VET VA CO được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM). Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 ("ngày định giá") được xác định là bình quân giá giao dịch trong 30 ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| Công ty | 2023 | | | 2022 | | |
|--|----------------|-----------------------|-----------------|----------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND |
| Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương NAVETCO (*) | 33.530.784.778 | 67.424.320.187 | - | 33.530.784.778 | 112.911.043.520 | - |

(*) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương NAVETCO được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM). Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 ("ngày định giá") được xác định là bình quân giá giao dịch trong 30 ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 2023 | 2022 |
|-----------------------------------|-------------|---------------|
| | VND | VND |
| Bên thứ ba | 45.692.308 | 37.839.456 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 26(b)) | 341.778.462 | 1.401.028.544 |
| | 387.470.770 | 1.438.868.000 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

(a) Ngắn hạn

| | 2023 | 2022 |
|---------------------------------------|------|----------------|
| | VND | VND |
| Bên thứ ba | | |
| Công ty Cổ phần Cụm Công nghiệp Anova | - | 60.901.000.000 |
| Công ty Cổ phần Nova Safe Meat | - | 11.490.000.000 |
| | - | 72.391.000.000 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải thu về cho vay ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

(b) Dài hạn

| | 2023 | 2022 |
|-----------------------------------|------|---------------|
| | VND | VND |
| Bên liên quan (Thuyết minh 26(b)) | - | 1.000.000.000 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải thu về cho vay dài hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | 2023 | | 2022 | |
|----------------------------------|---------------|----------|---------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tam ứng | 2.000.000.000 | - | 2.020.362.000 | - |
| Lãi cho vay, lãi tiền gửi dự thu | 485.021.215 | - | 3.355.407.319 | - |
| Các khoản đặt cọc | - | - | 92.000.000 | - |
| | 2.485.021.215 | - | 5.467.769.319 | - |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

B. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

| | 2023 | 2022 |
|----------------------|------------|-------------|
| | VND | VND |
| Chi phí mua bảo hiểm | 49.105.431 | 65.296.368 |
| Công cụ, dụng cụ | 1.045.455 | 30.318.933 |
| Khác | 19.406.581 | 172.908.640 |
| | 69.557.467 | 268.523.941 |

(b) Dài hạn

| | 2023 | 2022 |
|------------------|-------------|-------------|
| | VND | VND |
| Công cụ, dụng cụ | 179.562.178 | 280.889.360 |
| Khác | 147.038.789 | 83.576.813 |
| | 326.600.967 | 364.466.173 |

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

Biến động về chi phí trả trước trong năm tài chính như sau:

| | 2023 | 2022 |
|-------------------|---------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 632.990.114 | 799.663.808 |
| Tăng trong năm | 307.643.962 | 1.322.921.305 |
| Phân bổ trong năm | (544.475.642) | (1.480.847.522) |
| Thanh lý | - | (8.747.477) |
| Số dư cuối năm | 396.158.434 | 632.990.114 |

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ")

(a) TSCĐ hữu hình

| | Thiết bị quản lý | Khác | Tổng cộng |
|--|------------------|-------------|---------------|
| | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 4.083.596.591 | 162.070.000 | 4.245.666.591 |
| Giá trị khấu hao lũy kế | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 | 3.118.666.060 | 159.368.833 | 3.278.034.893 |
| Khấu hao trong năm | 294.070.499 | 2.701.167 | 296.771.666 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 3.412.736.559 | 162.070.000 | 3.574.806.559 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 | 964.930.531 | 2.701.167 | 967.631.698 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 670.860.032 | - | 670.860.032 |

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.481.243.591 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.319.173.591 Đồng).

9. TSCĐ (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

| | Phần mềm máy tính |
|--|-------------------|
| | VND |
| Nguyên giá | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 14.726.706.650 |
| Giá trị khấu hao lũy kế | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 14.726.706.650 |
| Giá trị còn lại | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 | - |

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 14.726.706.650 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 14.726.706.650 Đồng).

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 2023 | | 2022 | |
|--|-------------|-----------------------|-------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Bên thứ ba | | | | |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va | 224.269.996 | 224.269.996 | 188.541.828 | 188.541.828 |
| Khác | 342.674.052 | 342.674.052 | 255.818.797 | 255.818.797 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 26(b)) | 1.100.000 | 1.100.000 | - | - |
| | 568.044.048 | 568.044.048 | 444.360.625 | 444.360.625 |

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN (PHẢI THU)/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước trong năm tài chính như sau:

| | Tại ngày 1.1.2023 | Số (phải thu)/ phải nộp trong năm | Cần trừ trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Tại ngày 31.12.2023 |
|---|----------------------|---|----------------------|-----------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| a) Phải thu | | | | | |
| Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ | - | (514.168.522) | 514.168.522 | - | - |
| b) Phải nộp | | | | | |
| Thuế GTGT đầu ra | 194.647.515 | 1.622.321.159 | (514.168.522) | (659.487.208) | 643.312.944 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 334.004.526 | 4.300.705.425 | - | (4.333.509.804) | 301.200.147 |
| Khác | - | 1.071.031.128 | - | (1.071.031.128) | - |
| | 528.652.041 | 6.994.057.712 | (514.168.522) | (6.064.028.140) | 944.513.091 |

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 2023 | 2022 |
|-----------------|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 1.674.940.694 | 1.827.898.882 |
| Phí chuyên gia | 443.333.333 | 1.074.104.091 |
| Khác | 147.519.743 | 610.800.322 |
| | 2.265.793.770 | 3.512.803.295 |

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | 2023 | 2022 |
|-----------------------------------|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Cổ tức phải trả cổ đông cá nhân | 1.695.983.930 | 131.526.780 |
| Khác | 262.788 | 4.608.988 |
| Đền liên quan (Thuyết minh 26(b)) | 1.344.567.149 | 901.166.493 |
| | 3.040.813.867 | 1.037.302.261 |

14. VAY

(a) Ngân hạn

| | Tại ngày 1.1.2023 | Tăng | Giảm | Nợ dài hạn đến hạn trả | Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá | Phân loại lại | Tại ngày 31.12.2023 |
|--|----------------------|----------------|-------------------|------------------------|--------------------------------|------------------|---------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Deutsch Investitions - Und Entwicklungsgesellschaft MBH (i) | 103.818.750.000 | - | (60.926.775.000) | 103.818.750.000 | 4.265.925.000 | - | 150.976.650.000 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 26(b)) (ii) | 26.735.000.000 | 63.318.000.000 | (73.574.520.000) | - | - | (16.478.480.000) | - |
| | 130.553.750.000 | 63.318.000.000 | (134.501.295.000) | 103.818.750.000 | 4.265.925.000 | (16.478.480.000) | 150.976.650.000 |

(b) Dài hạn

| | Tại ngày 1.1.2023 | Tăng | Giảm | Nợ dài hạn đến hạn trả | Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá | Phân loại lại | Tại ngày 31.12.2023 |
|--|----------------------|----------------|-----------------|------------------------|--------------------------------|----------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Deutsch Investitions - Und Entwicklungs- gesellschaft MBH (i) | 259.546.875.000 | - | - | (103.818.750.000) | 4.528.125.000 | - | 160.256.250.000 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 26(b)) (ii) | - | 14.681.400.000 | (7.000.000.000) | - | - | 16.478.480.000 | 24.159.880.000 |
| | 259.546.875.000 | 14.681.400.000 | (7.000.000.000) | (103.818.750.000) | 4.528.125.000 | 16.478.480.000 | 184.416.130.000 |

(i) Bao gồm khoản vay bằng Đô la Mỹ từ Deutsche Investition-Und Entwicklungsgesellschaft MBH, một tổ chức tín dụng thành lập ở Đức, đáo hạn trong năm 2026. Khoản vay có lãi suất 5,75%/năm cộng với lãi suất LIBOR 6 tháng phục vụ cho hoạt động đầu tư mở rộng kinh doanh trung dài hạn của Công ty. Hợp đồng này được thông qua thế chấp âm liên quan đến giá trị của tài sản và hàng tồn kho trong hiện tại và tương lai của Công ty Cổ phần Anova Feed - Chi nhánh Đồng Nai và được đảm bảo bằng 35% giá trị cổ phần tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer đang nắm giữ bởi các cổ đông lớn.

(ii) Bao gồm các khoản vay tín chấp bằng Đồng Việt Nam giữa Công ty và các bên liên quan với lãi suất từ 6%/năm đến 8,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 8,7%/năm) và được quy định theo từng lần nhận nợ để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã gia hạn số dư nợ ngắn hạn của Công ty Liên Doanh TNHH Anova theo phụ lục 2023-01/PL_HDV/JV ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Tổng Công ty Mía đường II - Công ty Cổ phần theo phụ lục 2023-1/HĐV/VINASUGAR/PL01 ngày 29 tháng 12 năm 2023.

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

| | 2023 | 2022 |
|----------------|---------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 1.910.925.674 | 6.760.878.007 |
| Giảm trong năm | (961.614.000) | (4.849.952.333) |
| Số dư cuối năm | 949.311.674 | 1.910.925.674 |

16. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

| | 2023 | 2022 |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| | Cổ phiếu phổ thông | Cổ phiếu phổ thông |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký | 119.784.325 | 119.784.325 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 119.784.325 | 119.784.325 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 119.784.325 | 119.784.325 |

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 2023 | | 2022 | |
|--------------------------------------|--------------------|-------|--------------------|-------|
| | Cổ phiếu phổ thông | % | Cổ phiếu phổ thông | % |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang | 785.873.850.000 | 65,61 | 785.873.850.000 | 65,61 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư A.N.O.V.A | 164.389.210.000 | 13,72 | 164.389.210.000 | 13,72 |
| Foremost Worldwide Limited | 70.617.910.000 | 5,90 | 127.720.000.000 | 10,66 |
| Khác | 176.962.280.000 | 14,77 | 119.860.190.000 | 10,01 |
| | 1.197.843.250.000 | 100 | 1.197.843.250.000 | 100 |

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

| | Số cổ phiếu | Vốn góp cho cổ phiếu phổ thông VND |
|--|-------------|------------------------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 108.864.325 | 1.088.843.250.000 |
| Cổ phiếu mới phát hành (Thuyết minh 17) | 10.900.000 | 109.000.000.000 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 119.784.325 | 1.197.843.250.000 |

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

17. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | LNST chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|--|----------------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------------|-------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 1.088.843.250.000 | 65.438.580.276 | 56.168.593.424 | 557.787.366.902 | 1.768.237.790.602 |
| Phát hành cổ phần phổ thông lần đầu tiên ra công chúng | 109.000.000.000 | 361.160.204.785 | - | - | 470.160.204.785 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 210.198.251.820 | 210.198.251.820 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 1.197.843.250.000 | 426.598.785.061 | 56.168.593.424 | 767.985.618.722 | 2.448.596.247.207 |
| Lỗ thuần trong năm | - | - | - | (825.416.112.161) | (825.416.112.161) |
| Chia cổ tức (*) | - | - | - | (59.892.162.500) | (59.892.162.500) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 1.197.843.250.000 | 426.598.785.061 | 56.168.593.424 | (117.322.655.939) | 1.563.287.972.546 |

(*) Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 27 tháng 2 năm 2023 đã thông qua mức chi trả cổ tức năm 2021 là 5% (tương đương 500 Đồng/cổ phiếu) trên vốn điều lệ 1.197.843.250.000 Đồng và được chi trả bằng tiền.

18. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | 2023 | 2022 |
|---|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ quản lý | 8.519.261.544 | 8.707.889.317 |
| Doanh thu thuần về cho thuê văn phòng | 1.635.396.000 | 1.404.000.000 |
| Doanh thu thuần khác | - | 28.375.000 |
| | 10.154.657.544 | 10.140.264.317 |

19. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | 2023 | 2022 |
|---|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của dịch vụ quản lý đã cung cấp | 6.605.467.431 | 6.871.918.746 |
| Giá vốn cho thuê văn phòng | 1.449.816.187 | 1.294.839.135 |
| | 8.055.283.618 | 8.166.757.881 |

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2023 | 2022 |
|--|----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 75.947.403.528 | 200.490.338.289 |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 2.628.997.349 | 17.640.875.098 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện | 389.375.000 | 2.760.625.000 |
| Lãi từ bán công ty liên kết | - | 177.044.000.000 |
| Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm | - | 17.640.000.000 |
| Tiền lãi phạt thanh toán trễ hợp đồng | - | 7.131.760.000 |
| | 78.965.775.877 | 422.707.598.387 |

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 2023 | 2022 |
|---|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con | 835.200.643.849 | 144.403.274.900 |
| Lãi tiền vay | 37.977.196.509 | 33.809.559.457 |
| Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính | 8.794.050.000 | - |
| Chi phí đi vay | 693.943.010 | 4.283.799.101 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện | 239.400.000 | 3.954.324.107 |
| Chi phí tài chính khác | 24.445.460 | - |
| | 882.929.678.828 | 186.450.857.565 |

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | 2023 | 2022 |
|---------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 18.875.608.035 | 20.589.462.285 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.431.736.764 | 4.640.145.023 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 198.438.333 | 241.502.455 |
| Khác | 2.045.787.150 | 2.343.518.773 |
| | 23.551.570.282 | 27.814.628.536 |

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

| | 2023 | 2022 |
|--|-------------------|------------------|
| | VND | VND |
| (Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế | (825.416.112.161) | 210.416.349.961 |
| Thuế tính ở thuế suất 20% | (165.083.222.432) | 42.083.269.992 |
| Điều chỉnh: | | |
| Thu nhập không chịu thuế | (15.189.480.706) | (40.098.067.658) |
| Chi phí không được khấu trừ | 66.139.971 | 15.544.980 |
| Chênh lệch tạm thời mà không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại | 174.183.690.829 | 445.827.648 |
| Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại | 6.022.872.338 | - |
| Lỗ tính thuế đã được sử dụng | - | (2.446.574.962) |
| Hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại đã được ghi nhận ở các năm trước | - | 218.098.141 |
| Chi phí thuế TNDN (*) | - | 218.098.141 |
| Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng: | | |
| Thuế TNDN - hiện hành | - | - |
| Thuế TNDN - hoãn lại | - | 218.098.141 |
| Chi phí thuế TNDN (*) | - | 218.098.141 |

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

| Năm phát sinh lỗ | Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế | Số lỗ phát sinh | Số lỗ tính thuế đã được sử dụng | Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau |
|------------------|--|-----------------|---------------------------------|---|
| | | VND | VND | VND |
| 2018 | Chưa thanh tra | 30.174.093.321 | - | - |

| | | | | |
|------|----------------|----------------|---|----------------|
| 2019 | Chưa thanh tra | 31.657.867.729 | - | 31.657.867.729 |
| 2020 | Chưa thanh tra | 95.910.537.677 | - | 95.910.537.677 |
| 2021 | Chưa thanh tra | 25.414.260.888 | - | 25.414.260.888 |
| 2023 | Chưa thanh tra | 30.114.361.692 | - | 30.114.361.692 |

Công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

| | 2023 | 2022 |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 24.119.606.997 | 26.035.536.403 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.075.309.082 | 7.311.662.120 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 296.771.666 | 290.669.121 |
| Chi phí vật liệu | 180.672.121 | 148.293.104 |
| Khác | 1.934.414.034 | 2.195.225.669 |
| | 31.606.853.900 | 35.981.386.417 |

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý) và khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

26. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết của các công ty con và công ty liên kết như trong Thuyết minh 4.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

| Tên | Mối quan hệ |
|-------------------------------|-------------|
| Công ty Cổ phần Thành Nhơn | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Anova Biotech | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Anova Tech | Công ty con |
| Công ty Liên doanh TNHH Anova | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Anova Farm | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Anova Feed | Công ty con |

26. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

| | |
|--|---------------------------|
| Công ty Cổ phần Anova Pharma | Công ty con |
| Tổng Công ty Mía đường II - Công ty Cổ phần | Công ty con |
| Công ty TNHH Thực phẩm Mặt trời mọc | Công ty con |
| Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương VET VA CO | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Anova Agri Bình Dương | Công ty con gián tiếp (*) |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Đầu tư A.N.O.V.A | Cổ đông lớn |

(*) Từ ngày 29 tháng 6 năm 2023, Công ty Cổ phần Anova Agri Bình Dương không còn là công ty con gián tiếp của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

| | 2023 | 2022 |
|---------------------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| i) Doanh thu cung cấp dịch vụ | | |
| Tổng Công ty Mía đường II - CTCF | 2.681.538.462 | 2.640.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thành Nhơn | 1.917.586.462 | 1.853.716.551 |
| Công ty Liên doanh TNHH Anova | 1.464.378.462 | 1.564.618.935 |
| Công ty Cổ phần Anova Feed | 1.259.455.386 | 1.202.968.552 |
| Công ty Cổ phần Anova Biotech | 968.058.462 | 1.025.808.579 |
| Công ty Cổ phần Anova Farm | 763.658.462 | 671.673.511 |
| Công ty Cổ phần Anova Pharma | 663.426.462 | 653.716.551 |
| Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie | 288.000.000 | 288.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Agri Bình Dương | 34.449.231 | 35.836.071 |
| Công ty Cổ phần Anova Tech | 41.538.462 | 160.000.000 |
| | 10.082.089.851 | 10.096.338.750 |

26. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

| | 2023 | 2022 |
|--|---------------|-------------------|
| | VND | VND |
| ii) Mua hàng hóa và dịch vụ | | |
| Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie | 360.000.000 | 360.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Feed | 12.000.000 | 12.000.000 |
| | 372.000.000 | 372.000.000 |
| iii) Hoạt động tài chính | | |
| Góp vốn | | |
| Công ty TNHH Thực phẩm Mặt Trời Mọc | - | 464.983.100.000 |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Beverages | - | 340.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Pharma | - | 299.010.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Farm | - | 136.800.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thành Nhơn | - | 30.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Nova Thabico | - | 24.400.000.000 |
| | - | 1.295.193.100.000 |
| Cho vay | | |
| Công ty Cổ phần Anova Farm | 1.000.000.000 | 295.400.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Feed | - | 70.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Pharma | - | 17.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Nova Thabico | - | 5.331.200.000 |
| | 1.000.000.000 | 387.731.200.000 |

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

| | 2023 | 2022 |
|---|----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| iii) Hoạt động tài chính (tiếp theo) | | |
| Thu hồi cho vay | | |
| Công ty Cổ phần Anova Farm | 1.000.000.000 | 295.400.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Pharma | 1.000.000.000 | 16.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Feed | - | 70.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Nova Thabico | - | 5.331.200.000 |
| | 2.000.000.000 | 386.731.200.000 |
| Thu nhập lãi vay | | |
| Công ty Cổ phần Anova Farm | 12.232.877 | 804.569.451 |
| Công ty Cổ phần Anova Pharma | 9.528.768 | 705.128.768 |
| | 21.761.645 | 1.509.698.219 |
| Vay ngắn hạn (Thuyết minh 14(a)) | | |
| Tổng Công ty Mía đường II - Công ty Cổ phần | 53.318.000.000 | 177.636.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Farm | 8.000.000.000 | 27.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Biotech | 2.000.000.000 | 12.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Feed | - | 721.450.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Tech | - | 15.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Pharma | - | 5.000.000.000 |
| | 63.318.000.000 | 958.586.000.000 |

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

| | 2023 | 2022 |
|---|----------------|-------------------|
| | VND | VND |
| iii) Hoạt động tài chính (tiếp theo) | | |
| Vay dài hạn (Thuyết minh 14(b)) | | |
| Công ty Cổ phần Anova Feed | 7.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Anova Biotech | 5.000.000.000 | - |
| Tổng Công ty Mía đường II - Công ty Cổ phần | 2.681.400.000 | - |
| | 14.681.400.000 | - |
| Thanh toán nợ vay | | |
| Tổng Công ty Mía đường II - Công ty Cổ phần | 47.574.520.000 | 514.165.963.000 |
| Công ty Liên doanh TNHH Anova | 16.000.000.000 | 24.565.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Feed | 7.000.000.000 | 724.759.625.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Biotech | 2.000.000.000 | 33.980.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Farm | 8.000.000.000 | 27.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Tech | - | 15.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Pharma | - | 5.000.000.000 |
| | 80.574.520.000 | 1.344.970.588.000 |
| Chi phí lãi vay | | |
| Công ty Liên doanh TNHH Anova | 1.641.624.453 | 2.636.253.343 |
| Tổng Công ty Mía đường II - Công ty Cổ phần | 818.275.443 | 13.897.296.200 |
| Công ty Cổ phần Anova Biotech | 26.983.562 | 1.376.228.770 |
| Công ty Cổ phần Anova Feed | 12.753.425 | 7.645.984.927 |
| Công ty Cổ phần Anova Farm | 8.328.767 | 200.854.248 |
| Công ty Cổ phần Anova Tech | - | 263.890.412 |
| Công ty Cổ phần Anova Pharma | - | 21.369.863 |
| | 2.507.965.650 | 26.041.877.763 |

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

| | 2023 VND | 2022 VND |
|---|----------------|-----------------|
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | | |
| Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie | 25.706.037.195 | 27.617.137.289 |
| Công ty Liên doanh TNHH Anova | 18.001.159.382 | 28.724.571.190 |
| Công ty Cổ phần Anova Pharma | 15.710.318.790 | 14.076.108.142 |
| Công ty Cổ phần Anova Biotech | 11.722.382.421 | 31.606.653.407 |
| Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương VET VA CO | - | 1.201.760.000 |
| Công ty Cổ phần Thành Nhon | 908.643.740 | 48.251.038.169 |
| Công ty Cổ phần Anova Farm | - | 42.093.190.099 |
| Công ty Cổ phần Anova Tech | - | 1.730.494.671 |
| | 72.048.541.528 | 195.300.952.967 |
| Chia cổ tức | | |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang | 39.293.692.500 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu Tư A.N.D.V.A | 8.219.460.500 | - |
| | 47.513.153.000 | - |
| iv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt | | |
| Lương và các quyền lợi gộp khác | 7.367.278.452 | 11.826.336.000 |

Chi tiết lương và thù lao cho các nhân sự quản lý chủ chốt cụ thể như sau:

| | 2023 VND | 2022 VND |
|--|---------------|---------------|
| Thù lao của Hội đồng quản trị | 2.841.051.494 | 3.869.000.000 |
| Thù lao của Ban quản lý | | |
| Ông Nguyễn Quang Phi Tín | 2.750.898.844 | 3.444.000.000 |
| Ông Tôn Thất Đề | - | 1.380.000.000 |
| Các thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc | 1.406.602.689 | 2.796.000.000 |
| Thù lao của các thành viên quản trị chủ chốt khác | 368.725.425 | 337.336.000 |

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan

| | 2023 VND | 2022 VND |
|---|---------------|---------------|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5) | | |
| Công ty Liên doanh TNHH Anova | 127.440.000 | 276.307.824 |
| Công ty Cổ phần Thành Nhon | 91.800.000 | 217.265.440 |
| Công ty Cổ phần Anova Pharma | - | 107.965.440 |
| Công ty Cổ phần Anova Feed | 45.692.308 | 476.897.440 |
| Công ty Cổ phần Anova Agri Bình Dương | - | 36.084.960 |
| Công ty Cổ phần Anova Tech | 22.846.154 | - |
| Tổng Công ty Mía đường II - Công ty Cổ phần | - | 237.600.000 |
| Công ty Cổ phần Anova Biotech | - | 48.907.440 |
| | 341.778.462 | 1.401.028.544 |
| Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 6(b)) | | |
| Công ty Cổ phần Anova Pharma | - | 1.000.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7) | | |
| Lãi cho vay dự thu | | |
| Công ty Cổ phần Anova Pharma | - | 85.353.425 |
| Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 10) | | |
| Công ty Cổ phần Anova Feed | 1.100.000 | - |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | | |
| Công ty Cổ phần Anova Feed | 4.800.000.000 | - |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | | |
| Công ty Cổ phần Anova Feed | 3.942.000.000 | - |

Đây là khoản ứng trước cho dịch vụ tư vấn của Công ty.

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan (tiếp theo)

| | 2023 | 2022 |
|--|------|------|
| | VND | VND |

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 13)**Lãi vay phải trả ngắn hạn**

| | | |
|---|---------------|-------------|
| Tổng Công ty Mía đường II - Công ty Cổ phần | 818.275.443 | - |
| Công ty Liên doanh TNHH Anova | 488.210.630 | 901.166.493 |
| Công ty Cổ phần Anova Biotech | 13.635.616 | - |
| | 1.320.121.689 | 901.166.493 |

Phải trả khác

| | | |
|----------------------------|------------|---|
| Công ty Cổ phần Anova Feed | 24.445.460 | - |
|----------------------------|------------|---|

Vay ngắn hạn (Thuyết minh 14(a))

| | | |
|-------------------------------|---|---------------|
| Công ty Liên doanh TNHH Anova | - | 26.735.000.00 |
|-------------------------------|---|---------------|

Vay dài hạn (Thuyết minh 14(b))

| | | |
|---|----------------|---|
| Công ty Liên doanh TNHH Anova | 10.735.000.000 | - |
| Tổng Công ty Mía đường II - Công ty Cổ phần | 8.424.880.000 | - |
| Công ty Cổ phần Anova Biotech | 5.000.000.000 | - |
| | 24.159.880.000 | - |

27 CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên đi thuế

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuế hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

| | 2023 | 2022 |
|------------|-------------|-------------|
| | VND | VND |
| Dưới 1 năm | 721.200.000 | 721.200.000 |

28 CAM KẾT KHÁC

| | 2023 | 2022 |
|---|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Thư bảo lãnh cho các khoản vay tại công ty con trong Tập đoàn | 1.365.400.000.000 | 1.288.500.000.000 |

29 TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG


Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã phát hiện một nhầm lẫn trong phân loại trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Cụ thể, đồng tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con và đồng vốn chi đầu tư góp vốn vào công ty con đã bị phân loại thành khoản giảm các khoản phải thu. Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố bằng cách trình bày lại số liệu tương ứng của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Việc trình bày lại này không ảnh hưởng đến bảng cân đối kế toán riêng và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm hiện hành và năm trước đó.

Ảnh hưởng của sự điều chỉnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

| Mã số | | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | | |
|-------|---|--|---------------------------|-----------------------|
| | | Theo báo cáo trước đây | Điều chỉnh/ phân loại lại | Số liệu trình bày lại |
| | | VND | VND | VND |
| 09 | (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 581.393.705.667 | (177.044.000.000) | 404.349.705.667 |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 451.181.089.738 | (177.044.000.000) | 274.137.089.738 |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con | (1.369.293.100.000) | 74.100.000.000 | (1.295.193.100.000) |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con | 99.100.000.000 | 102.944.000.000 | 202.044.000.000 |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | (1.044.545.444.324) | 177.044.000.000 | (867.501.444.324) |

Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2024.


Đỗ Thị Mỹ Nhung
Người lập kiêm Kế toán trưởng


Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC *Khai*

NGUYỄN QUANG PHI TÍN

19/04/2024





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

(028) 3846 6888 - (028) 3848 1998

ncg.ir@novaconsumer.com.vn

<https://novaconsumer.com.vn>